

NĂNG LƯỢNG **SẠCH** CHO NỀN KINH TẾ **XANH**



Đem nguồn
năng lượng sạch
tới mọi nơi



01

MỤC LỤC

| | | | |
|--------------------------------------|---|--|----|
| GIỚI THIỆU BCTN 2021 | 4 | Thông tin chung | |
| THÔNG ĐIẾP CỦA CHỦ TỊCH HĐQT | 7 | Thông tin tổng quan | 12 |
| CHỈ SỐ TÀI CHÍNH NỔI BẬT 2017 - 2021 | 8 | Tầm nhìn - Sứ mệnh - Giá trị cốt lõi | 14 |
| | | Ngành nghề và Địa bàn kinh doanh | 16 |
| | | Những cột mốc phát triển | 18 |
| | | Khách hàng tiêu biểu | 22 |
| | | Giải thưởng nổi bật | 24 |
| | | CNG và LNG – Giải pháp năng lượng xanh | 26 |
| | | Quy trình sản xuất và phân phối CNG | 30 |
| | | Quy trình phân phối LNG | 31 |
| | | Mô hình quản trị doanh nghiệp | |
| | | Cơ cấu quản trị | 32 |
| | | Giới thiệu Hội đồng Quản trị | 36 |
| | | Giới thiệu Ban Kiểm soát | 40 |
| | | Giới thiệu Ban Giám đốc | 42 |

02

CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN ĐẾN 2025 VÀ ĐỊNH HƯỚNG ĐẾN 2035

| | |
|---|----|
| Kinh tế hồi phục - Thị trường khí trong nước dịch chuyển dần sang LNG | 48 |
| Chiến lược phát triển đến năm 2025 và Định hướng đến năm 2035 | 52 |
| Gắn kết các bên liên quan trong Chiến lược hoạt động | 58 |
| Quản trị rủi ro | 62 |

03

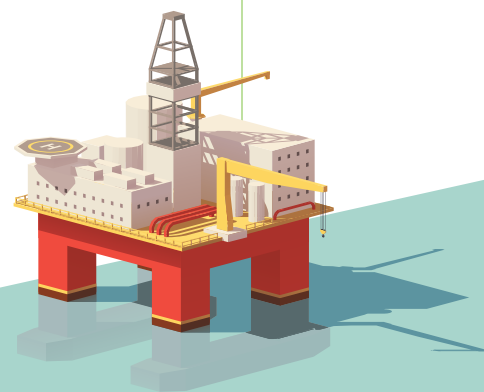
BÁO CÁO CỦA HĐQT, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN GIÁM ĐỐC

| | |
|--|-----|
| Báo cáo của Hội đồng Quản trị | 72 |
| Báo cáo của Ban Kiểm soát | 84 |
| Báo cáo của Ban Giám đốc | 88 |
| Cơ cấu cổ đông và Hoạt động Quan hệ nhà đầu tư | 110 |

04

BÁO CÁO TÀI CHÍNH (KIỂM TOÁN)

| | |
|--------------------------------------|-----|
| Thông tin về doanh nghiệp | 116 |
| Báo cáo của Ban Giám đốc | 117 |
| Báo cáo kiểm toán độc lập | 118 |
| Bảng cân đối kế toán | 120 |
| Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh | 122 |
| Báo cáo lưu chuyển tiền tệ | 123 |
| Thuyết minh báo cáo tài chính | 124 |



GIỚI THIỆU BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2021

Năm 2021 đã đi qua với nhiều nốt thăng, trầm. Nốt “trầm” đó là dịch bệnh vẫn tiếp diễn phức tạp, chưa có hồi kết, tác động lớn tới sức khỏe nền kinh tế của Việt Nam nói chung và CNG Việt Nam nói riêng. Nhưng nốt “thăng” đậm đà là CNG Việt Nam đã vượt qua khó khăn, thử thách, tiếp tục đạt thành tích ấn tượng trong việc gia tăng sản lượng tiêu thụ và doanh thu so với năm trước. Đặc biệt, để tiếp tục tạo đà cho sự phát triển và đón đầu xu hướng của thị trường trong giai đoạn tới, CNG Việt Nam đã xây dựng thành công chiến lược công ty với nhiều thay đổi trọng yếu.

Một trong những mục tiêu chiến lược là xây dựng và phát triển CNG Việt Nam trở thành thương hiệu nhà cung cấp nhiên liệu khí sạch uy tín, chất lượng và phổ biến, bao gồm LNG/CNG và các nhiên liệu xanh phù hợp. Với tinh thần “CNG = Clean Natural Gas”, Công ty tiến tới cung cấp trọn gói giải pháp **“Năng lượng sạch cho nền kinh tế xanh”**, phấn đấu trở thành người tiên phong trong sự nghiệp xanh hóa nhiên liệu của Việt Nam.

Để thực hiện Báo cáo Thường niên này, CNG Việt Nam tiếp tục tham khảo Khung hướng dẫn lập Báo cáo Tích hợp của IIRC và bộ Tiêu chuẩn GRI dành cho Báo cáo Phát triển Bền vững, đồng thời tách riêng Báo cáo Phát triển Bền vững để cung cấp đến độc giả nhiều thông tin chi tiết hơn. Chúng tôi mong nhận được ý kiến đóng góp của Quý vị để không ngừng cải thiện chất lượng Báo cáo Thường niên của Công ty.

Mọi ý kiến xin gửi về:

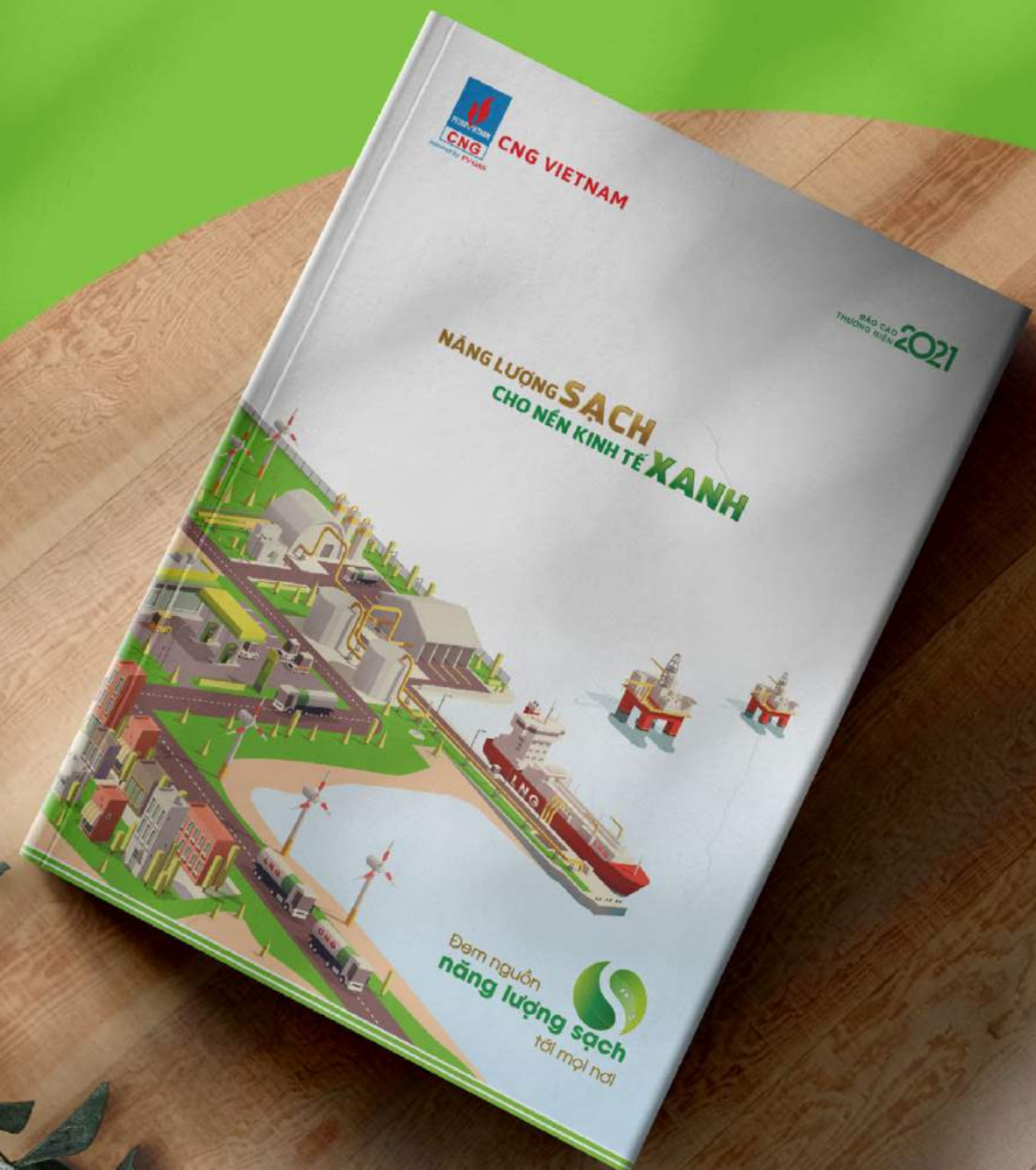
Ban Biên tập BCTN – Công ty Cổ phần CNG Việt Nam

Địa chỉ : Số 61B Đường 30/4, Phường Thắng Nhất,
TP. Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

Điện thoại : (84.254) 3574.635

Fax : (84.254) 3574.619

Website : www.cngvietnam.com



DANH MỤC CHỮ VIẾT TẮT

| | |
|-----------------------------|--|
| ATCLMT | An toàn – Chất lượng – Môi trường |
| ATSKNN | An toàn sức khỏe nghề nghiệp |
| BGD | Ban Giám đốc |
| BKS | Ban Kiểm soát |
| CBCNV | Cán bộ Công nhân viên |
| CNG | Khí thiên nhiên nén (Compressed Natural Gas) |
| CNG Việt Nam/Công ty | Công ty Cổ phần CNG Việt Nam |
| CTCP | Công ty Cổ phần |
| ĐHĐCĐ | Đại hội đồng cổ đông |
| HD | Hướng dẫn |
| HĐQT | Hội đồng Quản trị |
| ISO | Tiêu chuẩn ISO |
| KCN | Khu Công nghiệp |
| LNG | Khí thiên nhiên hóa lỏng (Liquefied Natural Gas) |
| LNST | Lợi nhuận sau thuế |
| LNTT | Lợi nhuận trước thuế |
| LPG | Khí hóa lỏng (Liquefied Petroleum Gas) |
| OHSAS | Tiêu chuẩn Sức khỏe Nghề nghiệp và An toàn |
| PCCC | Phòng cháy chữa cháy |
| PRU | Trạm giảm áp (Pressure Reducing Unit) |
| PV Gas | Tổng Công ty Khí Việt Nam - CTCP |
| PV Gas D | CTCP Phân phối Khí thấp áp Dầu khí Việt Nam |
| PV Gas LPG | CTCP Kinh doanh LPG Việt Nam |
| PVN/Tập đoàn | Tập đoàn Dầu khí Việt Nam (PetroVietnam) |
| QT | Quy trình |
| QTCT | Quản trị Công ty |
| TNSC | Tài nạn sự cố |
| TƯLĐTT | Thỏa ước Lao động Tập thể |
| ƯCKC | Ứng cứu khẩn cấp |
| VĐL | Vốn điều lệ |
| VSLĐ | Vệ sinh lao động |



NĂM 2022, ĐÁNH DẤU CHẶNG ĐƯỜNG 15 NĂM THÀNH LẬP VÀ PHÁT TRIỂN CỦA CNG VIỆT NAM. THẬT TỰ HÀO RẰNG, CNG VIỆT NAM ĐÃ PHÁT TRIỂN VƯỢT BẬC VỀ MỌI MẶT.

THÔNG điệp CỦA CHỦ TỊCH HĐQT

Kính gửi Quý cổ đông, Quý Khách hàng, Đối tác và toàn thể CBCNV của Công ty Cổ phần CNG Việt Nam

Năm 2021, một năm rất nhiều khó khăn do dịch bệnh Covid-19 bùng phát trên diện rộng, làm ảnh hưởng tiêu cực đến mọi hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty và khách hàng. Tuy nhiên, với sự nỗ lực vượt bậc, CNG Việt Nam cùng với các Khách hàng, đối tác đã vượt qua giai đoạn khó khăn và đạt kết quả khả quan, đáng khích lệ.

Năm 2022, đánh dấu chặng đường 15 năm thành lập và phát triển của CNG Việt Nam. Thật tự hào rằng, CNG Việt Nam đã phát triển vượt bậc về mọi mặt: thị phần chiếm hơn 70% thị trường cả nước, với mạng lưới khách hàng đa dạng, trải dài từ Bắc vào Nam; giá trị vốn hóa đạt gần 1.000 tỷ VND. Thương hiệu CNG Việt Nam là thương hiệu mạnh, có uy tín trong ngành công nghiệp khí...

Năm 2022 cũng là năm đầu tiên thực hiện chiến lược phát triển Công ty đến 2025, định hướng đến 2035 đã được HĐQT phê duyệt. Theo đó, Công ty tiếp tục phát triển, mở rộng thị trường, khẳng định vị thế dẫn đầu trên thị trường nhiên liệu sạch nội địa, với nhiều giải pháp trong đó chú trọng: cải tiến, tăng trải nghiệm tốt cho khách hàng; kinh doanh thêm sản phẩm mới LNG...; củng cố công tác quản trị theo hướng chuyên nghiệp, sáng tạo; tăng cường tiềm lực tài chính vững mạnh, đầu tư cơ sở hạ tầng...

Chặng đường phía trước sẽ còn nhiều khó khăn, thách thức nhưng với niềm tin của Quý cổ đông, Quý đối tác/khách hàng; sự chung sức, đồng lòng, tinh thần trách nhiệm, tinh sáng tạo của tập thể Ban lãnh đạo, CBCNV, tôi hoàn toàn tin tưởng Công ty sẽ hoàn thành các mục tiêu chiến lược đã đề ra, tiếp tục tạo dựng nên một thương hiệu CNG Việt Nam uy tín, vững mạnh trên thị trường, đồng thời mang đến những giá trị thiết thực cho tất cả Quý cổ đông, Quý đối tác/khách hàng, CBCNV và toàn xã hội.

Thay mặt Ban lãnh đạo Công ty, tôi xin trân trọng cảm ơn sự tin tưởng, hợp tác của Quý cổ đông, Quý đối tác/khách hàng cùng toàn thể CBCNV Công ty đối với CNG Việt Nam trong suốt 15 năm qua và kính mong tiếp tục nhận được sự ủng hộ, đồng hành của Quý vị để CNG Việt Nam ngày càng phát triển bền vững, đóng góp nhiều lợi ích hơn nữa cho cộng đồng và xã hội!

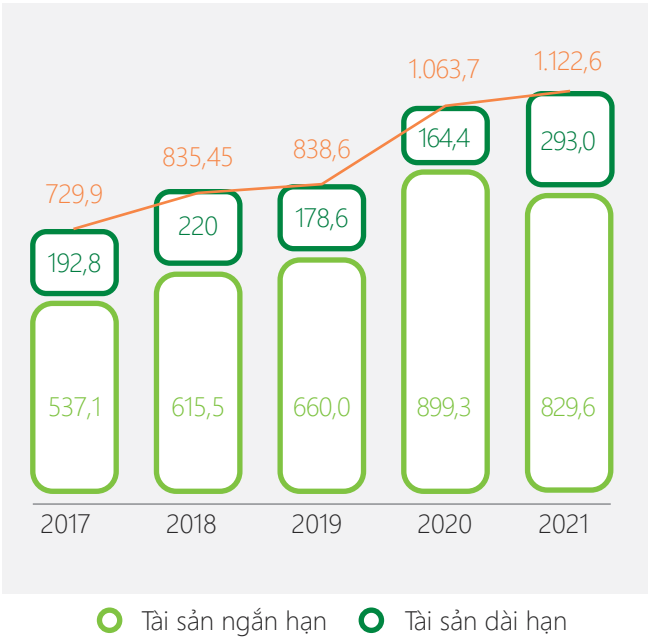
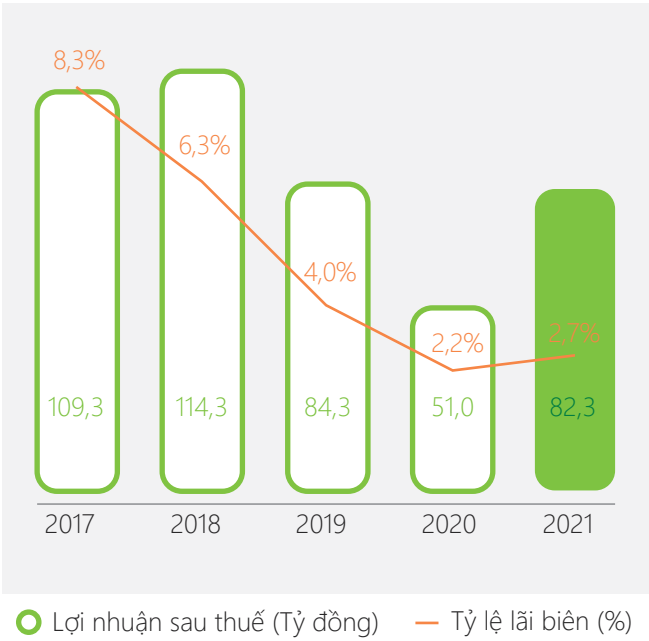
Trân trọng,

NGUYỄN THỊ HỒNG HẢI
Chủ tịch Hội đồng Quản trị

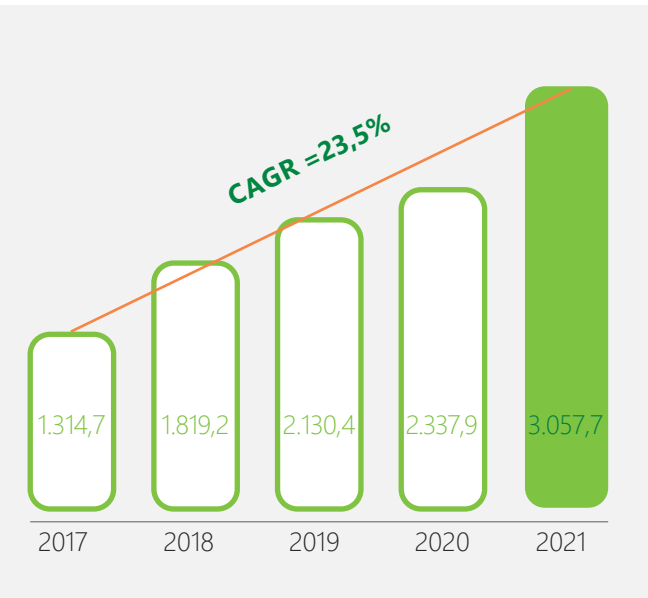
CHỈ SỐ

TÀI CHÍNH NỔI BẬT 2017 - 2021

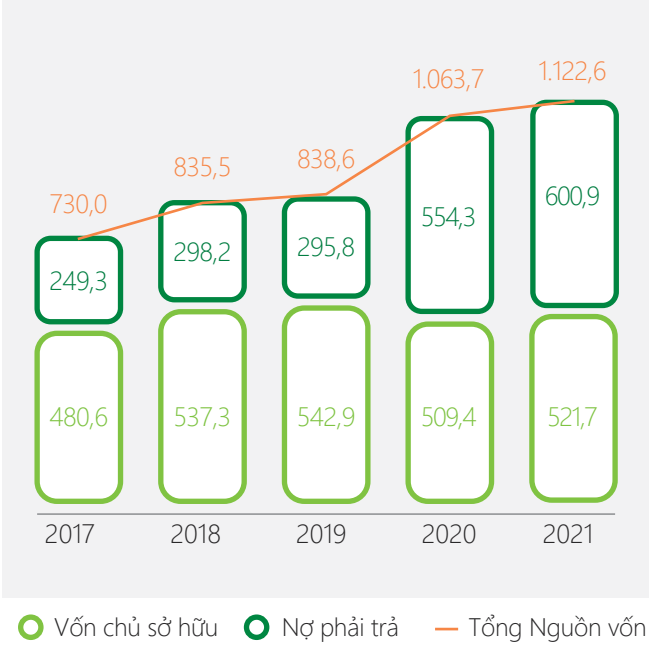
| Năm | 2017 | 2018 | 2019 | 2020 | 2021 |
|---|---------|---------|---------|---------|---------|
| Hoạt động kinh doanh | | | | | |
| Sản lượng tiêu thụ (Triệu Sm³) | 141,3 | 164,6 | 192,2 | 227,0 | 274,3 |
| Kết quả hoạt động kinh doanh (Tỷ đồng) | | | | | |
| Doanh thu | 1.314,7 | 1.819,2 | 2.130,4 | 2.337,9 | 3.057,7 |
| Lợi nhuận gộp | 237,2 | 236,6 | 189,2 | 150,3 | 208,6 |
| Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh | 142,3 | 138,6 | 104,9 | 62,8 | 109,2 |
| Lợi nhuận trước thuế | 142,4 | 145,2 | 107,6 | 65,4 | 107,6 |
| Lợi nhuận sau thuế | 109,3 | 114,3 | 84,3 | 51,0 | 82,3 |
| Bảng cân đối kế toán (Tỷ đồng) | | | | | |
| Tổng tài sản | 730,0 | 835,5 | 838,6 | 1.063,7 | 1.122,6 |
| Vốn chủ sở hữu | 480,6 | 537,3 | 542,9 | 509,4 | 521,7 |
| Vốn điều lệ | 270,0 | 270,0 | 270,0 | 270,0 | 270,0 |
| Hiệu quả hoạt động | | | | | |
| Thu nhập trên vốn cổ phần bình quân (ROEA) | 23,1% | 22,9% | 15,9% | 9,9% | 16,3% |
| Thu nhập trên tài sản bình quân (ROAA) | 15,8% | 14,6% | 10,1% | 5,4% | 7,5% |



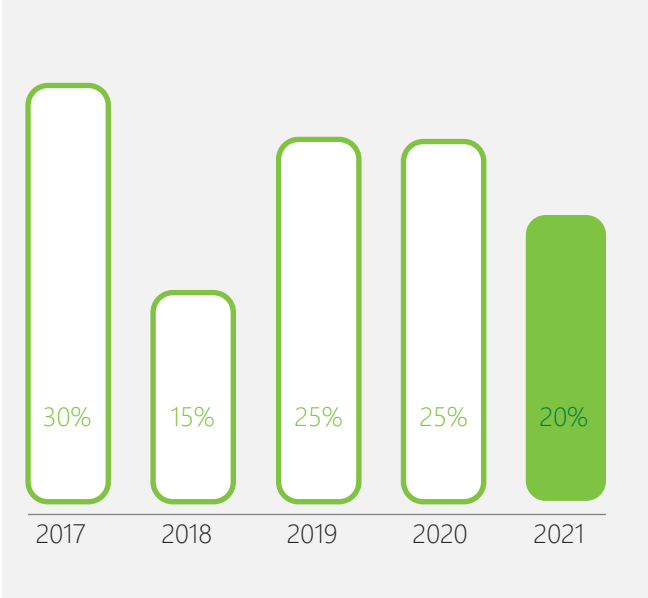
SẢN LƯỢNG TIÊU THỤ CNG (TRIỆU SM³)



DOANH THU THUẦN (TỶ ĐỒNG)



Vốn chủ sở hữu Nợ phải trả Tổng Nguồn vốn



CỔ TÚC TIỀN MẶT THỰC TRẢ TRONG NĂM (%)

01

GIỚI THIỆU DOANH NGHIỆP

Thông tin chung

| | |
|--|----|
| Thông tin tổng quan | 12 |
| Tầm nhìn - Sứ mệnh - Giá trị cốt lõi | 14 |
| Ngành nghề và Địa bàn kinh doanh | 16 |
| Những cột mốc phát triển | 18 |
| Khách hàng tiêu biểu | 22 |
| Giải thưởng nổi bật | 24 |
| CNG và LNG – Giải pháp năng lượng xanh | 26 |
| Quy trình sản xuất và phân phối CNG | 30 |
| Quy trình phân phối LNG | 31 |

Mô hình quản trị doanh nghiệp

| | |
|------------------------------|----|
| Cơ cấu quản trị | 32 |
| Giới thiệu Hội đồng Quản trị | 36 |
| Giới thiệu Ban Kiểm soát | 40 |
| Giới thiệu Ban Giám đốc | 42 |





| | |
|---------------|---|
| Tên giao dịch | CÔNG TY CỔ PHẦN CNG VIỆT NAM |
| Tên tiếng Anh | CNG VIETNAM JOINT STOCK COMPANY |
| Tên viết tắt | CNG VIETNAM |
| Mã cổ phiếu | CNG |
| Sàn niêm yết | HOSE |
| Logo |  |
| Slogan |  Đem nguồn năng lượng sạch tới mọi nơi |

● Văn phòng

Địa chỉ: Số 61B Đường 30/4, Phường Thắng Nhất,
TP. Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu
Điện thoại: (84) 254 3574 635 / 254 3574 801 / 254 3576 551
Fax: (84) 254 3574 619
Email: info@cngvietnam.com
Website: www.cngvietnam.com

● Chi nhánh Phú Mỹ

Địa chỉ: Đường số 15, KCN Phú Mỹ 1, P. Phú Mỹ,
Thị xã Phú Mỹ, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu
Điện thoại: (84) 254 3923 928
Fax: (84) 254 3923 929

● Chi nhánh Miền Bắc

Địa chỉ: Tầng 21, Tòa nhà CEO, Lô HH2-1,
Đường Phạm Hùng, P. Mễ Trì, Q. Nam Từ Liêm, Hà Nội
Điện thoại: (84) 246 2520 777
Fax: (84) 246 2560 777

● Giấy chứng nhận
đăng ký doanh nghiệp

● Vốn điều lệ

● Vốn chủ sở hữu

● Số lượng cổ phiếu lưu hành

● Công ty Kiểm toán độc lập

Số 3500800828 do Sở Kế hoạch và Đầu tư
tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu
cấp lần đầu ngày 28/5/2007 và thay đổi
gần nhất lần thứ 13 ngày 26/10/2021

270,00 tỷ đồng

521,74 tỷ đồng (tại ngày 31/12/2021)

27.000.000 cổ phiếu

Công ty TNHH PwC (Việt Nam)

TẦM NHÌN

Tiên phong trong sự nghiệp
xanh hóa nhiên liệu
của Việt Nam.

GIÁ TRỊ CỐT LÕI

AN TOÀN

TRÁCH NHIỆM

HÀNH ĐỘNG

SÁNG TẠO

CHUYÊN NGHIỆP

SỨ MỆNH

Lan tỏa nguồn năng lượng
sạch, góp phần kiến tạo
tương lai xanh, mang lại
giá trị bền vững cho cộng
đồng, xã hội.

NGÀNH NGHỀ KINH DOANH

Được thành lập năm 2007, CNG Việt Nam là đơn vị tiên phong chuyên sản xuất, vận chuyển, phân phối khí thiên nhiên nén (CNG) nhằm cung cấp cho các nhà máy, khu công nghiệp có sử dụng nhiệt năng trong quá trình sản xuất, chế biến, và sử dụng như là nhiên liệu thay thế xăng dầu trong ngành giao thông vận tải.

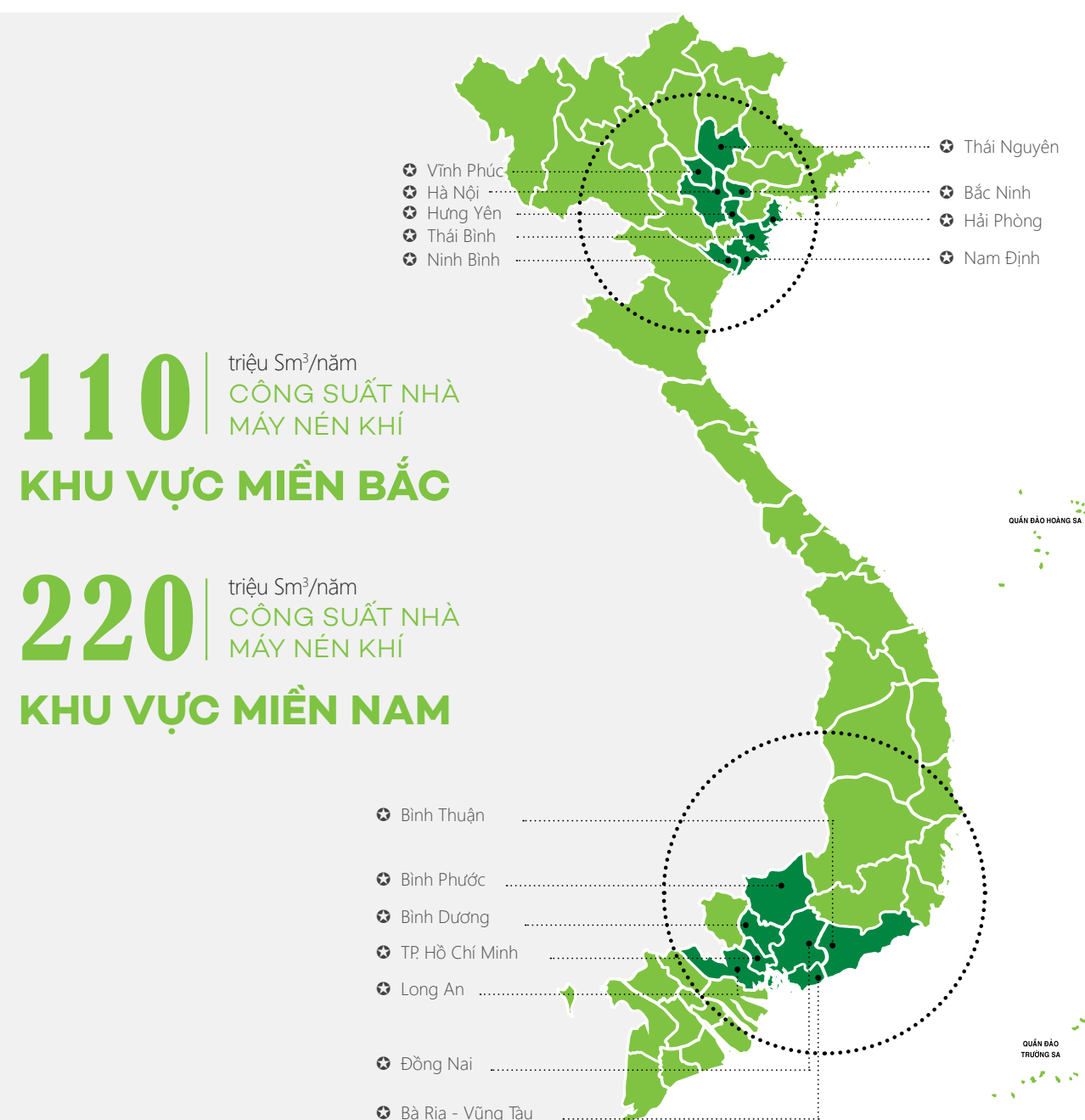
Trong thời gian tới, CNG Việt Nam tiếp tục phát triển và hướng tới cung cấp giải pháp trọn gói nhiên liệu sạch CNG, LNG và LPG cho khách hàng tại thị trường cả nước.

Một số lĩnh vực sản xuất kinh doanh của CNG Việt Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp:

| Tên Ngành | Mã Ngành theo VSIC |
|---|------------------------|
| Sản xuất máy thông dụng khác <i>Chi tiết: Sản xuất thiết bị công nghiệp phục vụ công trình khí</i> | 2819 |
| Sửa chữa máy móc, thiết bị <i>Chi tiết: Cung cấp các dịch vụ cải tạo, bảo dưỡng, sửa chữa, lắp đặt các thiết bị chuyển đổi cho các phương tiện sử dụng nhiên liệu khí thiên nhiên CNG, LNG, LPG, Biomass, các sản phẩm xăng dầu và sản phẩm dầu khí liên quan</i> | 3312 |
| Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp <i>Chi tiết: Cung cấp dịch vụ xây dựng, lắp đặt, bảo dưỡng, sửa chữa công trình khí</i> | 3320 |
| Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác <i>Chi tiết: Mua bán và cho thuê thiết bị công nghiệp phục vụ công trình khí</i> | 4659 |
| Sản xuất khí đốt, phân phối nhiên liệu khí bằng đường ống <i>Chi tiết: Sản xuất, chiết nạp phẩm khí thiên nhiên CNG, LNG và LPG</i> | 3520 (chính) |
| Vận tải hàng hóa bằng đường bộ <i>Chi tiết: Kinh doanh dịch vụ vận chuyển khí CNG, LNG, LPG và kinh doanh các khí nhiên liệu khác theo quy định của pháp luật; Kinh doanh vận tải hàng hóa bằng Công ten-nơ</i> | 4933 |

Địa bàn kinh doanh chính của CNG Việt Nam hiện tại là ở Miền Nam và Miền Bắc. Các **thị trường ở Miền Bắc** bao gồm: Thái Nguyên, Vĩnh Phúc, Hà Nội, Bắc Ninh, Hưng Yên, Hải Phòng, Thái Bình, Nam Định, Ninh Bình. Trong khi đó, **thị trường Miền Nam** tập trung ở các tỉnh thành: Bình Thuận, Bình Phước, Bình Dương, TP.HCM, Long An, Đồng Nai, Bà Rịa – Vũng Tàu.

Đối với **thị trường Miền Trung**, dự kiến CNG Vietnam có thể cung cấp khoảng 150 triệu Sm³. CNG Vietnam có thể tính toán phương án bán LNG nhập khẩu hoặc nguồn khí nội địa khai thác từ các mỏ Cá Voi Xanh (dự kiến từ năm 2025), Kèn Bàu (dự kiến từ năm 2028).



2007

THÀNH LẬP VỚI VỐN
ĐIỀU LỆ BAN ĐẦU 19,2
TỶ ĐỒNG

Công ty Cổ phần CNG Việt Nam (CNG VIETNAM) được thành lập vào ngày 28/5/2007 theo Giấy chứng nhận đầu tư số 492032000040 do Ban Quản lý KCN tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu cấp với vốn điều lệ ban đầu là 19.200.000.000 đồng, trên cơ sở góp vốn của các cổ đông sáng lập:

Tổng Công ty Dung Dịch Khoan và Hóa Phẩm Dầu Khí – CTCP (DMC): 51% vốn điều lệ;

Công ty IEV Energy Sdn. Bhd (Malaysia): 42% vốn điều lệ; và

Công ty TNHH Sơn Anh: 7% vốn điều lệ.

2008

TĂNG MẠNH VỐN ĐIỀU
LỆ LÊN 67,2 TỶ ĐỒNG.
NHÀ MÁY SẢN XUẤT
CNG ĐẦU TIÊN TẠI KCN
PHÚ MỸ 1

CNG Việt Nam tăng vốn điều lệ lên 67.200.000.000 đồng với sự tham gia góp vốn thêm của các cổ đông: Tổng Công ty Khí Việt Nam (PV Gas), CTCP Phân phối Khí thấp áp (PV Gas D).

Nhà máy sản xuất CNG đầu tiên của CNG Việt Nam đặt tại KCN Phú Mỹ 1, huyện Tân Thành, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu với công suất ban đầu là 30 triệu Sm³ khí/năm (tương đương với 33.000 tấn LPG/năm) đã đi vào vận hành từ ngày 03/09/2008.

2009

MỞ RỘNG THỊ TRƯỜNG,
NÂNG CÔNG SUẤT
NHÀ MÁY CNG PHÚ MỸ
LÊN 70 TRIỆU SM³

Tổng Công ty Khí Việt Nam đồng ý chuyển nhượng toàn bộ phần vốn đang sở hữu tại CNG Việt Nam sang CTCP Kinh doanh Khí hóa lỏng miền Nam (PV Gas South). CNG Việt Nam tiếp tục phát triển mở rộng thị trường phân phối khí CNG thông qua việc đầu tư thực hiện dự án nâng công suất Nhà máy CNG Phú Mỹ lên 70 triệu Sm³.

2010

TĂNG VỐN ĐIỀU LỆ LÊN
125 TỶ ĐỒNG. ÁP DỤNG
HỆ THỐNG QUẢN LÝ AN
TOÀN – CHẤT LƯỢNG –
MÔI TRƯỜNG ĐƯỢC BSI
CHỨNG NHẬN

Để thực hiện đầu tư các dự án mở rộng sản xuất, CNG Việt Nam đã phát hành 5.780.000 cổ phần để tăng vốn điều lệ từ 67.200.000.000 đồng lên 125.000.000.000 đồng cho cổ đông hiện hữu, cán bộ chủ chốt và cổ đông chiến lược, theo Nghị quyết số 314/NQ – ĐHCĐ/2010 của ĐHCĐ ngày 02/04/2010.

Sau 2 năm đi vào hoạt động sản xuất kinh doanh, CNG Việt Nam đã xây dựng và triển khai áp dụng thành công hệ thống quản lý An toàn – Chất lượng – Môi trường (ATCLMT) theo các tiêu chuẩn OHSAS 18001:2007, ISO 9001:2008 và ISO 1400:2004 được BSI (Viện Tiêu chuẩn Anh) đánh giá, công nhận và cấp chứng chỉ vào ngày 22/07/2010.

2011

TIẾP TỤC TĂNG VỐN
ĐIỀU LỆ LÊN 203,1 TỶ
ĐỒNG VÀ NIÊM YẾT CỔ
PHIẾU TRÊN HOSE

Từ tháng 03/2011, sau khi hệ thống máy nén khí giai đoạn điều chỉnh đi vào hoạt động, tổng công suất thiết kế của CNG Việt Nam chính thức đạt 70 triệu Sm³, cung cấp khí cho 21 khách hàng tại các khu vực Nhơn Trạch, Bình Dương, TP.HCM, Long An.

Sau khi tiến hành tăng vốn điều lệ lên 203.100.000.000 đồng, ngày 23/11/2011, cổ phiếu chính thức được niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán TP.HCM (HOSE) với số lượng 20.312.038 cổ phiếu, mã chứng khoán là CNG, trên cơ sở Quyết định số 167/2011/QĐ-SGDHCM do HOSE cấp.

2012

PHÁT HÀNH CỔ PHIẾU
ESOP CHO CBCNV VÀ
TĂNG VỐN ĐIỀU LỆ LÊN
213,28 TỶ ĐỒNG

Căn cứ Nghị quyết của ĐHCĐ năm 2011 về việc phát hành cổ phiếu cho người lao động với tỷ lệ 5% vốn điều lệ (ESOP 2011), HĐQT Công ty ra Nghị quyết số 01/NQ – HĐQT/2012 phê duyệt quy chế phân phối cổ phiếu theo ESOP 2011 và đã hoàn thành việc tăng vốn điều lệ 5% lên 213.280.000.000 đồng.



2013

TĂNG VỐN ĐIỀU LỆ LÊN 270 TỶ ĐỒNG VÀ THÔNG QUA CHÍNH SÁCH CỔ TỨC 35%

Ngày 25/09/2013, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước thông qua việc phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ của Công ty từ 213.280.000.000 đồng lên 270.000.000.000 đồng.

Ngày 13/12/2013, HĐQT Công ty ra Nghị quyết số 18/NQ – HĐQT phê duyệt tạm ứng cổ tức đợt 1 năm 2013 bằng tiền mặt với tỷ lệ 15% (trong cổ tức tổng cộng 35%) trên vốn điều lệ hiện hành.

2014

CHI NHÁNH MIỀN BẮC ĐI VÀO HOẠT ĐỘNG

Ngày 15/04/2014, HĐQT Công ty ra Nghị quyết số 04/NQ –HĐQT phê duyệt chi trả cổ tức đợt 2 năm 2013 bằng tiền mặt với tỷ lệ 20% trên vốn điều lệ hiện hành.

Ngày 08/07/2014, HĐQT Công ty ra Quyết định số 176/QĐ-CNG phê duyệt Quy chế tổ chức và hoạt động của chi nhánh Công ty tại miền Bắc.

2015

TỔNG SẢN LƯỢNG TĂNG MẠNH LÊN 94,3 TRIỆU SM³. TRẠM CẤP KHÍ TRUNG TÂM TẠI KCN MỸ PHƯỚC 3 CHÍNH THỨC HOẠT ĐỘNG

Năm 2015 đánh dấu sự thành công của CNG trong chiến lược mở rộng thị trường tại khu vực phía Bắc. CNG đã chính thức cấp khí cho 4 khách hàng tại khu vực này, giúp nâng tổng lượng khí CNG cung cấp cho khách hàng đạt mốc 94,3 triệu Sm³, tăng trưởng mạnh 26% so với năm 2014.

Ngoài ra, tháng 04/2015, Trạm cấp khí trung tâm tại KCN Mỹ Phước 3 (Bình Dương) chính thức đi vào hoạt động và cung cấp CNG cho các khách hàng trong KCN này. Đây là một phần trong kế hoạch mở rộng sản xuất kinh doanh và phát triển mô hình cấp khí qua trạm trung tâm của CNG Việt Nam.

2016

PV GAS TRỞ THÀNH CỔ ĐÔNG LỚN VỚI TỶ LỆ NĂM GIỮ 56%

Ngày 14/03/2016, PV Gas trở thành cổ đông lớn của CNG Việt Nam với tỷ lệ năm giữ 56% vốn điều lệ, sau khi mua lại toàn bộ cổ phần từ PV Gas South.

Ngày 19/04/2016, HĐQT ra quyết định đổi tên Ban chức năng thành Phòng chức năng, phù hợp với hệ thống quản lý của PV Gas.

Ngày 17/05/2016, HĐQT ra nghị quyết thông qua việc thành lập Chi nhánh Phú Mỹ.

2017

KỶ NIỆM 10 NĂM THÀNH LẬP

Số lượng khách hàng tăng mạnh, sản lượng tiêu thụ khí lên đến 141,3 triệu Sm³, các chỉ tiêu doanh thu và lợi nhuận đều vượt 35-40% so với kế hoạch.

2018

TÁI CẤU TRÚC, SẮP XẾP LẠI CƠ CẤU TỔ CHỨC KHỐI VĂN PHÒNG CÔNG TY

Ban lãnh đạo Công ty triển khai rà soát, ban hành chức năng nhiệm vụ của các Phòng, Chi nhánh, Đơn vị trực thuộc Chi nhánh làm cơ sở triển khai, áp dụng KPI cấp đơn vị.

Số lượng khách hàng tiếp tục tăng mạnh. Năm 2018, Công ty đã cấp khí cho 06 khách hàng mới.

Sản lượng tiêu thụ khí CNG đạt 164,6 triệu Sm³, tăng 25% so với kế hoạch và tăng 16% so với năm 2017.

Vốn chủ sở hữu của Công ty đạt 537 tỷ đồng, tăng 11,8% so với năm trước.

2019

VƯỢT QUA MỘT NĂM GẶP NHIỀU KHÓ KHĂN, THÁCH THỨC DO THIẾU HỤT NGUỒN CUNG VÀ THỊ TRƯỜNG DẦU KHÍ BIẾN ĐỘNG MẠNH

Công ty tiếp tục có bước phát triển khi ký hợp đồng cấp khí với 06 khách hàng mới. Sản lượng tiêu thụ khí đạt 192,16 triệu Sm³, vượt 123% so với kế hoạch và tăng 117% so với năm trước. Tổng doanh thu năm 2019 đạt 2.146,74 tỷ đồng, vượt 123% so với kế hoạch, trong đó doanh thu từ hoạt động sản xuất kinh doanh chính (CNG) đạt 2.130,39 tỷ đồng, vượt 122% kế hoạch. LNTT đạt 107,6 tỷ đồng và LNST đạt 84,4 tỷ đồng, lần lượt tương ứng với 102% và 100% của kế hoạch năm.

2020

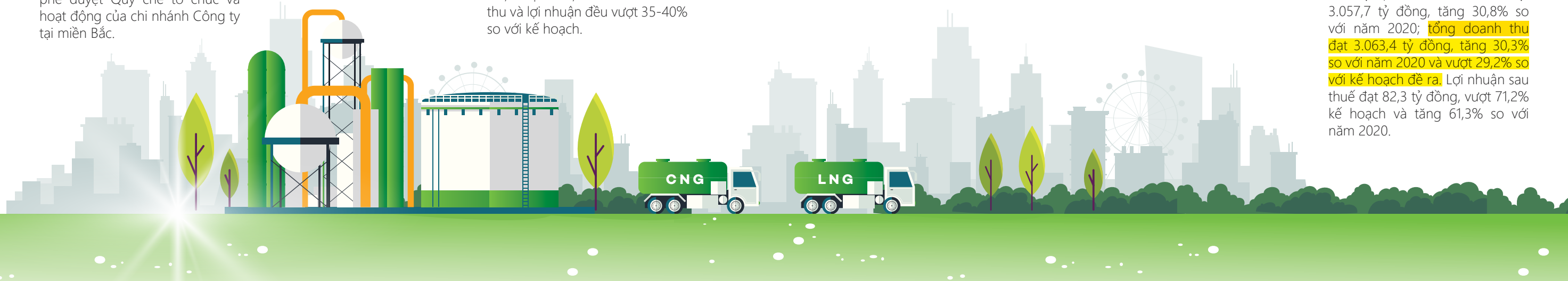
CÔNG TY MUA LẠI HỆ THỐNG CNG TẠI MIỀN BẮC

Tiến tới tiên phong làm chủ công nghệ LNG, cung cấp giải pháp năng lượng sạch trọn gói CNG – LNG – LPG tại thị trường cả nước. Mặc dù một năm với những khó khăn chưa có tiền lệ như đại dịch COVID-19, giá dầu có thời điểm lao dốc, tổng doanh thu của Công ty ghi nhận 2.351,1 tỷ đồng, vượt 105% so với kế hoạch và LNST đạt 51 tỷ đồng, tương đương 106% so với kế hoạch.

2021

VƯỢT QUA GIAI ĐOẠN ĐẦY KHÓ KHĂN VÀ THÁCH THỨC TRONG NĂM 2021

CNG Vietnam đã kịp thời điều chỉnh chiến lược kinh doanh phù hợp, vừa ứng phó với dịch bệnh vừa hoàn thành tốt các chỉ tiêu sản xuất - kinh doanh do ĐHĐCĐ đề ra với tổng sản lượng CNG tiêu thụ là 274,31 triệu Sm³, đạt 113% kế hoạch, doanh thu bán khí đạt 3.057,7 tỷ đồng, tăng 30,8% so với năm 2020; **tổng doanh thu đạt 3.063,4 tỷ đồng, tăng 30,3% so với năm 2020 và vượt 29,2% so với kế hoạch đề ra.** Lợi nhuận sau thuế đạt 82,3 tỷ đồng, vượt 71,2% kế hoạch và tăng 61,3% so với năm 2020.





Trích dẫn
phát biểu của khách hàng
Tôn Đông Á

Tôn Đông Á chọn CNG Việt Nam làm đối tác vì chúng tôi đặt vấn đề môi trường lên hàng đầu. Đồng thời, chuyển đổi từ LPG sang sử dụng CNG đã giúp công ty chúng tôi tăng hiệu quả nhiệt năng trong quá trình sản xuất lên đến 20-30%. Chúng tôi hy vọng Tôn Đông Á và CNG Việt Nam sẽ trở thành đối tác chiến lược bền vững trong thời gian tới.





CNG LÀ GÌ, THÀNH PHẦN CẤU TẠO?

CNG (Compressed Natural Gas) là khí thiên nhiên có thành phần chủ yếu là CH_4 - Methane (88%), không màu, không mùi, không độc hại, được khai thác từ các mỏ khí tự nhiên hoặc khí đồng hành trong quá trình khai thác dầu mỏ, qua nhà máy xử lý để loại bỏ các tạp chất và các cấu tử nặng, sau đó được vận chuyển bằng đường ống tới nhà máy nén khí. Tại đây, khí thiên nhiên được nén lên áp suất 200 - 250 barg để tăng khả năng tồn chứa, giảm chi phí vận chuyển.

Tại nơi tiêu thụ, CNG được giảm áp qua cụm thiết bị PRU (Pressure Reducing Unit), tới áp suất yêu cầu của khách hàng (thường là dưới 3 barg).



- Methane (CH_4) > 88%
- Ethane (C_2H_6) > 4,5%
- Propane (C_3H_8) ~ 2%
- Khác < 5%

LNG - KHÍ THIÊN NHIÊN HÓA LỎNG

Khí thiên nhiên hóa lỏng LNG (Liquefied Natural Gas) là khí thiên nhiên có thành phần chủ yếu là CH_4 - Methane (94,3%), không màu, không mùi, không độc hại, được làm lạnh tại nhiệt độ -162°C để chuyển sang thể lỏng, do vậy sức chứa cao hơn rất nhiều so với CNG (gấp 4 lần).



- Methane (CH_4) ~94,3%
- Ethane (C_2H_6) ~4,2%
- Propane (C_3H_8) ~1%
- Khác ~0,5%



 **250**

Barg **ÁP SUẤT TỐI ĐA**

 **10.080**

kcal/Sm³ **NHIỆT TRỊ CNG**

 **0,78**

kg/Sm³ **TỶ TRỌNG**
(nhẹ hơn không khí 1,23 kg/Sm³)

 **KHÔNG MÙI**  **KHÔNG ĐỘC**

 **05**

Barg **ÁP SUẤT**

 **55**

MJ/kg **NHIỆT TRỊ CNG**

 **436**

kg/Sm³ **TỶ TRỌNG**

 **-162°C**

NHIỆT ĐỘ

 **KHÔNG MÙI**  **KHÔNG ĐỘC**

BẢNG QUY ĐỔI NHIỆT TRỊ CÁC LOẠI NHIÊN LIỆU

| BẢNG NHIỆT TRỊ | | | | |
|----------------|-----------------|--------|--------|----------|
| Nhiên liệu | Đơn vị | KCal | BTU | mmBTU |
| LPG | Kg | 11.823 | 46.917 | 0,046917 |
| DO | Kg | 10.835 | 42.997 | 0,042997 |
| FO | Kg | 9.800 | 38.890 | 0,038890 |
| CNG | Sm ³ | 10.080 | 40.001 | 0,040001 |
| LNG | Kg | 13.114 | 52.042 | 0,05204 |

| BẢNG QUY ĐỔI NHIÊN LIỆU | | | | | |
|-------------------------|-----------------|------------------------|----------|---------|---------|
| Nhiên liệu cơ sở | Đơn vị | CNG (Sm ³) | LPG (Kg) | DO (Kg) | FO (Kg) |
| CNG | Sm ³ | 1 | 0,85259 | 0,93032 | 1,02857 |
| LPG | Kg | 1,1729 | 1 | 1,09117 | 1,2064 |
| DO | Kg | 1,0749 | 0,91645 | 1 | 1,10561 |
| FO | Kg | 0,97223 | 0,82891 | 0,90448 | 1 |
| LNG | Kg | 1,30099 | 1,10919 | 1,21034 | 1,33816 |

Ghi chú:
 - BTU (British Therm Unit): Đơn vị nhiệt trị của Anh quốc
 - Sm³ (Standard cubic metre): 1 m³ CNG tại điều kiện tiêu chuẩn (nhiệt độ 15°C, áp suất 1 at)
 - mmBTU: Một triệu BTU
 - 1kcal = 3,968321 BTU

ƯU ĐIỂM CỦA CNG VÀ LNG



Giảm chi phí bảo dưỡng sửa chữa so với việc sử dụng các nhiên liệu khác như FO, DO, than...



An toàn do sử dụng thiết bị chất lượng cao, phù hợp với các tiêu chuẩn của Mỹ và Châu Âu, áp dụng quy trình quản lý và vận hành nghiêm ngặt.



Hiệu suất sử dụng nhiên liệu cao, kéo dài tuổi thọ thiết bị so với các nhiên liệu khác.



Tiết kiệm chi phí nhiên liệu nhờ giá cả cạnh tranh hơn và hiệu suất cháy cao hơn các nhiên liệu khác, góp phần giảm giá thành sản phẩm, nâng cao sức cạnh tranh của doanh nghiệp sử dụng CNG/LNG làm nhiên liệu.



Tiết kiệm chi phí xử lý môi trường do CNG/LNG là nhiên liệu sạch, không phát sinh những chất độc hại gây ô nhiễm môi trường khi cháy như SO₂, NO_x... Sử dụng CNG/LNG giúp doanh nghiệp dễ dàng đạt các chứng nhận về môi trường.

SO SÁNH KHÍ THẢI CÁC LOẠI NHIÊN LIỆU

(Kg khí thải/Triệu BTU)

○ Than
 ○ Dầu
 ○ Khí thiên nhiên





1 NGUỒN KHÍ ĐẦU VÀO

Khí thiên nhiên được lấy từ hệ thống khí của Tổng Công ty Khí Việt Nam (PVGas) hoặc thông qua hệ thống khí đường ống của PVGas D, đi vào trạm nén (Trạm nén Phú Mỹ - Khu vực Đông Nam Bộ; Trạm nén Tiền Hải, Thái Bình - Khu vực Bắc Bộ) với áp suất 22 barg, lưu lượng khí được kiểm soát qua hệ thống trạm đo khí đầu vào.



2 NÉN KHÍ

Khí được dẫn vào trạm máy nén CNG thông qua hệ thống máy nén để nén từ áp suất 14-22 barg lên 200-250 barg vào các bồn chứa chuyên dụng.

Các máy nén và hệ thống điều khiển được thiết kế tuân thủ theo các tiêu chuẩn quốc tế và tiêu chuẩn, quy phạm của Việt Nam, đảm bảo đủ điều kiện vận hành an toàn và được kiểm định định kỳ hàng năm.

Trạm nén khí tại Phú Mỹ (Bà Rịa - Vũng Tàu) công suất 220 triệu Sm³/năm và Trạm nén khí tại Tiền Hải (Thái Bình) công suất 110 triệu Sm³/năm.



3 CHUYÊN CHỞ

Sau khi được nén vào các bồn chứa chuyên dụng bằng vật liệu Composite hoặc Thép có thể tích từ 18 m³ ÷ 40 m³, CNG được chuyên chở đến các trạm tiêu thụ của khách hàng. Bồn và phương tiện chuyên chở phải tuân thủ các quy định của pháp luật về vận chuyển hàng nguy hiểm, cháy nổ.



4 GIẢM ÁP TẠI TRẠM KHÁCH HÀNG (PRU)

Xe bồn vận chuyển khí đến trạm PRU, từ đây khí được dẫn từ xe bồn ở áp suất từ 200 đến 250 barg đi qua hệ thống PRU, giảm áp qua 2 giai đoạn (giai đoạn 1 giảm áp xuống 60 barg, giai đoạn 2 giảm áp xuống 2-7 barg để cung cấp khí cho khách hàng theo yêu cầu).

Hệ thống PRU được thiết kế và lắp đặt tuân thủ theo các tiêu chuẩn quốc tế và tiêu chuẩn, quy định của Việt Nam, đảm bảo an toàn tuyệt đối.



5 KẾT NỐI VỚI LÒ ĐỐT TẠI KHÁCH HÀNG

Từ đầu ra của trạm giảm áp, khí được dẫn bằng đường ống tới hệ thống lò đốt của khách hàng.



1 NGUỒN KHÍ LNG

Nguồn khí thiên nhiên hóa lỏng LNG được nhập khẩu từ các quốc gia có trữ lượng lớn trên Thế giới bằng tàu chuyên dụng.



2 TIẾP NHẬN VÀ TỒN CHỨA LNG

Tàu chuyên chở LNG được tiếp nhận và bơm rót vào hệ thống kho chứa thông qua cầu cảng có lắp đặt hệ thống tiếp nhận chuyên dụng.



3 CHUYÊN CHỞ

Hệ thống các xe bồn đa dạng ở trạng thái lỏng có sức chứa 15.000 Sm³, 20.000 Sm³, 25.000 Sm³ và 30.000 Sm³ khí với áp suất làm việc 8 barg, là phương tiện chuyên chở LNG đến nhà máy khách hàng.



4 TÁI HÓA KHÍ TẠI NHÀ MÁY KHÁCH HÀNG

Tùy theo nhu cầu sử dụng mà khách hàng được lắp đặt hệ thống tái hóa khí bao gồm bồn chứa LNG và các thiết bị tái hóa khí với áp suất làm việc khoảng 8 barg để đưa LNG về trạng thái khí tự nhiên cung cấp cho khách hàng.



5 KẾT NỐI VỚI LÒ ĐỐT TẠI KHÁCH HÀNG

Từ hệ thống tái hóa khí với áp suất đầu ra khoảng 8 barg, khí được giảm áp theo yêu cầu và được dẫn bằng đường ống đi vào các buồng đốt.

VỚI NỀN TẢNG QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP KHÔNG NGỪNG ĐƯỢC CẢI THIỆN, CNG VIỆT NAM ĐÃ DUY TRÌ ĐƯỢC LỢI THẾ CẠNH TRANH VỮNG CHẮC TRONG BỐI CẢNH THỊ TRƯỜNG DẦU KHÍ VÀ MÔI TRƯỜNG VĨ MÔ LIÊN TỤC BIẾN ĐỘNG MẠNH TRONG THỜI GIAN QUA.

CNG Việt Nam hiện đang hoạt động với mô hình CTCP và cơ cấu tổ chức trực tuyến chức năng, vận hành hiệu quả cùng với bộ máy và nhân sự tinh gọn. Đây cũng là tôn chỉ mà Ban lãnh đạo Công ty chú trọng ngay từ những ngày đầu thành lập, và xem là yếu tố then chốt, đảm bảo hiệu quả trong hoạt động sản xuất kinh doanh, gia tăng giá trị thương hiệu, hình ảnh doanh nghiệp, hướng đến mục tiêu phát triển bền vững.

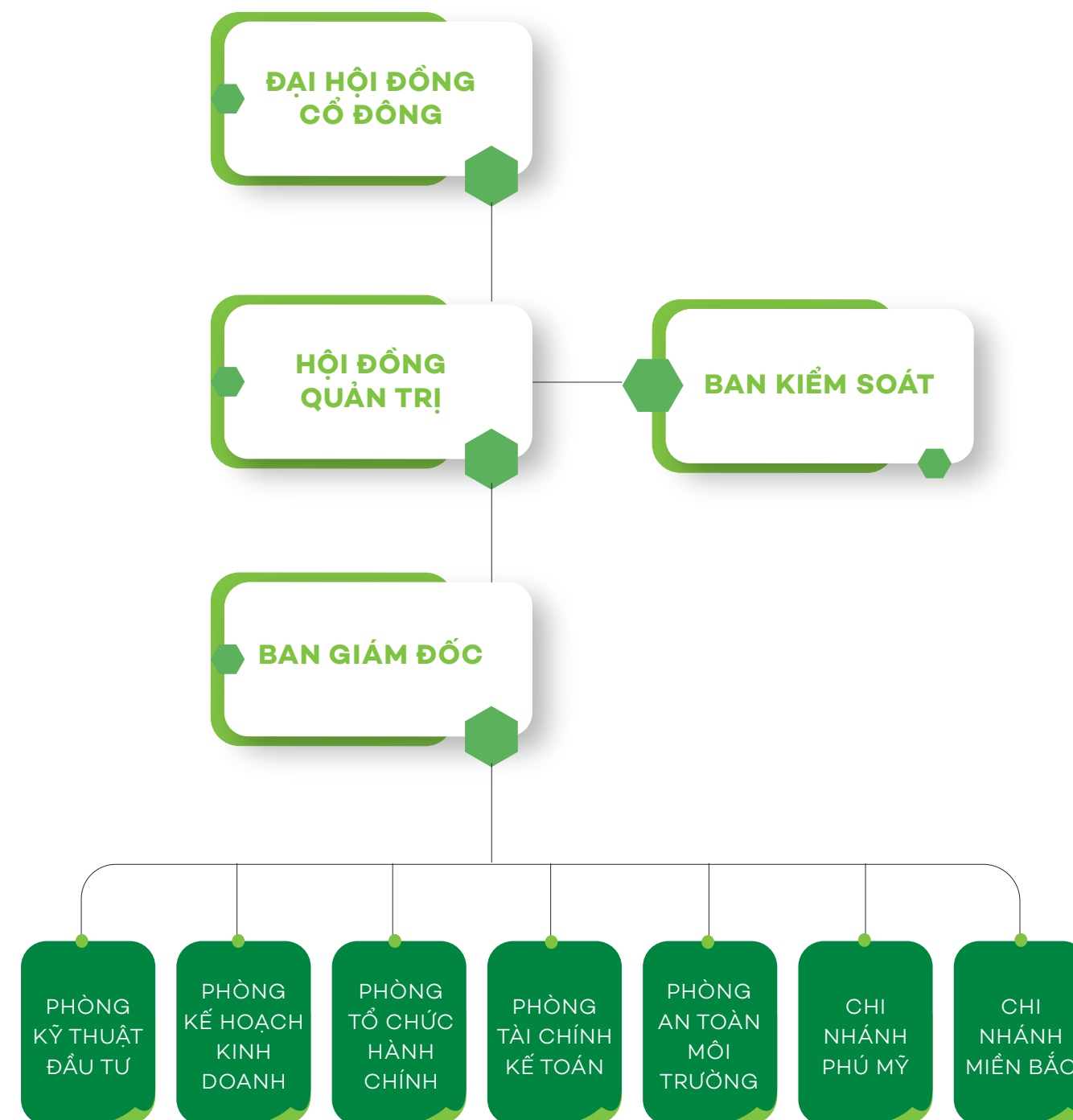
CNG Việt Nam cũng đã liên tục rà soát, hoàn thiện mô hình quản trị theo các tiêu chuẩn quốc tế, tách biệt quyền và trách nhiệm giữa Hội đồng Quản trị và Ban điều hành, đồng thời thực hiện chỉ đạo xuyên suốt theo chiều dọc đối với các phòng ban chức năng và chi nhánh. Hệ thống các quy trình, thủ tục cũng giúp các đơn vị chủ động trong tổ chức hoạt động sản xuất kinh doanh và gia tăng hiệu quả trong quản lý.

CÁC NỀN TẢNG QUẢN TRỊ QUAN TRỌNG

Bên cạnh Luật Doanh nghiệp và Điều lệ tổ chức và hoạt động được ĐHĐCĐ thống nhất thông qua, CNG Việt Nam còn tham khảo các Thông lệ tốt nhất về quản trị công ty của OECD, Thông lệ quản trị công ty do UBCKNN ban hành... Công ty đã xây dựng hệ thống quản trị doanh nghiệp dựa trên nền tảng hệ thống quản trị hiện đại như Hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001, Hệ thống quản lý môi trường ISO 14001 và Hệ thống quản lý an toàn – sức khỏe OHSAS 18001,...



SƠ ĐỒ TỔ CHỨC



CÔNG TY CON, CÔNG TY LIÊN KẾT: Không.

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Cơ quan có thẩm quyền cao nhất, quyết định những vấn đề thuộc nhiệm vụ và quyền hạn theo luật pháp và Điều lệ tổ chức hoạt động của CNG Việt Nam. ĐHĐCĐ là cơ quan thông qua chủ trương chính sách đầu tư phát triển của Công ty, quyết định cơ cấu vốn, thông qua phương án sản xuất kinh doanh, quyết định bộ máy tổ chức quản lý và điều hành sản xuất kinh doanh của Công ty.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Cơ quan quản trị có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định các vấn đề liên quan đến mục đích, quyền lợi của Công ty, trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của ĐHĐCĐ. Hội đồng Quản trị chịu trách nhiệm trước ĐHĐCĐ tất cả những vấn đề quản lý của Công ty theo Điều lệ, Nghị quyết của ĐHĐCĐ và tuân thủ pháp luật.

PHÒNG TỔ CHỨC – HÀNH CHÍNH

Phòng Tổ chức – Hành chính có chức năng: (1) Tham mưu giúp việc cho Ban Giám đốc quản lý công tác tổ chức cán bộ, nhân sự; công tác đào tạo, tiền lương, chế độ chính sách và công tác thi đua khen thưởng – kỷ luật trong toàn Công ty; (2) Quản lý thiết bị văn phòng; công tác văn thư lưu trữ, bảo mật và thông tin liên lạc; (3) Nghiên cứu, đề xuất và tổ chức triển khai các phương án hoàn thiện cơ cấu tổ chức của Công ty phù hợp với mục tiêu phát triển của Công ty và yêu cầu sản xuất kinh doanh...

PHÒNG AN TOÀN – MÔI TRƯỜNG

Phòng An toàn – Môi trường có chức năng: (1) Quản lý và điều hành công tác an toàn, phòng cháy chữa cháy, bảo hộ lao động và công tác môi trường; (2) Xây dựng và duy trì hệ thống quản lý an toàn, chất lượng, môi trường đảm bảo an toàn cho con người, tài sản và môi trường trong các hoạt động của Công ty.

BAN KIỂM SOÁT

Ban Kiểm soát được bầu bởi ĐHĐCĐ để thay mặt cổ đông kiểm tra, kiểm soát toàn bộ hoạt động của Công ty trong việc chấp hành tuân thủ Điều lệ của Công ty và các quy định pháp luật có liên quan.

BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc có trách nhiệm quản lý và điều hành mọi hoạt động của Công ty theo đúng pháp luật Nhà nước, các quy định của ngành, điều lệ, quy chế, quy định của Công ty. Giám đốc là người đại diện cho Công ty trước pháp luật.

PHÒNG TÀI CHÍNH – KẾ TOÁN

Phòng Tài chính – Kế toán có chức năng: (1) Tham mưu giúp việc cho Ban Giám đốc khai thác, sử dụng có hiệu quả và phát triển nguồn vốn và tài sản của Công ty; (2) Quản lý, điều hành các hoạt động tài chính trong toàn Công ty; (3) Quản lý và đảm bảo công tác kế toán, thống kê tuân thủ hệ thống chuẩn mực kế toán Việt Nam, Luật Kế toán, Luật Thống kê, Luật Thuế và các chế độ quản lý tài chính, kế toán hiện hành của Nhà nước và Công ty; (4) Xây dựng, đề trình quy chế tài chính và bảo vệ kế hoạch tài chính tổng hợp của Công ty; (5) Định kỳ lập báo cáo tình hình thực hiện kế hoạch tài chính được giao theo quy định; (6) Phối hợp với các Phòng khác thuộc Công ty theo sự phân công của Ban Giám đốc trong việc chuẩn bị, đàm phán ký kết và thực hiện hợp đồng với đối tác chịu trách nhiệm rà soát các điều khoản liên quan đến tài chính, kế toán...

CHI NHÁNH PHÚ MỸ

Chi nhánh Phú Mỹ trực tiếp tham gia vào quá trình sản xuất, vận chuyển các sản phẩm khí CNG. Chức năng của Chi nhánh Phú Mỹ bao gồm: (1) Tham mưu, giúp việc cho Ban Giám đốc trong quản lý và điều hành hoạt động sản xuất, vận chuyển sản phẩm khí CNG theo kế hoạch sản xuất đã được phê duyệt, đảm bảo an toàn, đáp ứng nhu cầu tiêu thụ khí CNG của các khách hàng; theo dõi, tính toán và báo cáo số liệu về cho Ban Giám đốc và các bộ phận có liên quan (2) Quản lý, theo dõi, bảo dưỡng sửa chữa định kỳ (hàng ngày, hàng tháng) hoặc đột xuất cho các thiết bị thuộc Chi nhánh Phú Mỹ được Công ty giao; (3) Tổ chức thực hiện công tác an toàn – sức khỏe – môi trường, PCCC và ứng cứu sự cố khẩn cấp cho hệ thống sản xuất, vận chuyển khí.

CHI NHÁNH MIỀN BẮC

Chi nhánh Miền Bắc là đơn vị hạch toán phụ thuộc theo Quy chế tài chính của Chi nhánh được HĐQT phê duyệt và Quy chế tài chính của Công ty, được tự chủ trong sản xuất và kinh doanh theo sự phân cấp của Công ty và chịu sự ràng buộc về nghĩa vụ và quyền lợi đối với Công ty trong phạm vi số vốn và tài sản được Công ty giao cho Chi nhánh quản lý khai thác và sử dụng.

PHÒNG KỸ THUẬT – ĐẦU TƯ

Phòng Kỹ thuật – Đầu tư có chức năng: (1) Tham mưu giúp việc cho Ban Giám đốc trong lĩnh vực đầu tư – xây dựng và kỹ thuật; (2) Quản lý, điều hành và tổ chức triển khai các hoạt động khoa học – công nghệ, chất lượng, kỹ thuật vào sản xuất của Công ty; (3) Xây dựng chiến lược, quản lý công tác đầu tư – xây dựng và tổ chức thực hiện; (4) Quản lý cơ sở vật chất, tài sản, đất đai.

PHÒNG KẾ HOẠCH - KINH DOANH

Phòng Kế hoạch - Kinh doanh có chức năng: (1) Tham mưu giúp việc cho Ban Giám đốc xây dựng chiến lược, liên doanh, liên kết trong lĩnh vực kinh doanh sản phẩm khí (CNG, LNG...) của Công ty; (2) Quản lý và phát triển công tác kinh doanh sản phẩm khí theo chiến lược kinh doanh đã đề ra; (3) Quản lý các hợp đồng trong lĩnh vực mua bán sản phẩm khí và các hợp đồng liên quan khác; (4) Nghiên cứu, dự báo giá và đánh giá chính sách kinh doanh hàng hóa của sản phẩm trong nước, khu vực và thế giới; (5) Xây dựng chiến lược phát triển, kế hoạch sản xuất kinh doanh của Công ty.





Bà **NGUYỄN THỊ HỒNG HẢI**
Chủ tịch HĐQT

- Năm sinh: 1973
- Trình độ chuyên môn:
Thạc sỹ Tài chính – Ngân hàng, Kỹ sư
Kinh tế Vận tải biển, Cử nhân Kế toán
– Kiểm toán
- Cổ phần đại diện sở hữu cho PVGas:
4.680.000 (18,00%)
- Cổ phần nắm giữ cá nhân: 0



Ông **VŨ VĂN THỰC**
Thành viên HĐQT kiêm Giám đốc

- Năm sinh: 1976
- Trình độ chuyên môn:
Kỹ sư Xây dựng cầu đường
- Cổ phần đại diện sở hữu cho PVGas:
4.680.000 (18,00%)
- Cổ phần nắm giữ cá nhân: 0



Ông **BÙI VĂN ĐÀN**
Thành viên HĐQT chuyên trách
(Bổ nhiệm ngày 18/5/2021)

- Năm sinh: 1965
- Trình độ chuyên môn:
Kỹ sư Công nghệ Dầu khí, Cử nhân
Anh văn
- Cổ phần đại diện sở hữu cho PVGas:
2.700.000 (10,00%)
- Cổ phần nắm giữ cá nhân: 6



Ông **NGUYỄN HỮU THẮNG**
Thành viên HĐQT chuyên trách
(Bổ nhiệm ngày 18/5/2021)

- Năm sinh: 1971
- Trình độ chuyên môn:
Cử nhân Kinh tế
- Cổ phần đại diện sở hữu cho PVGas:
2.700.000 (10,00%)
- Cổ phần nắm giữ cá nhân: 0

• GIỚI THIỆU HỘI ĐỒNG
QUẢN TRỊ



Bà **LÊ THỊ THU GIANG**
Thành viên độc lập HĐQT

- Năm sinh: 1973
- Trình độ chuyên môn:
Thạc sỹ Quản trị Kinh doanh,
Cử nhân Tài chính – Kế toán
- Cổ phần đại diện sở hữu: 0
- Cổ phần nắm giữ cá nhân: 625
(0,002%)



Ông **PHẠM ĐÌNH ĐẠT**
Thành viên HĐQT chuyên trách
(Miễn nhiệm ngày 21/04/2021)

- Năm sinh: 1962
- Trình độ chuyên môn:
Cử nhân Kinh tế
- Cổ phần đại diện sở hữu: 0
- Cổ phần nắm giữ cá nhân: 0



Ông **BÙI TƯỜNG ĐỊNH**
Thành viên HĐQT chuyên trách
(Miễn nhiệm ngày 18/5/2021)

- Năm sinh: 1970
- Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ Quản
trị Kinh doanh, Kỹ sư Cơ khí động lực
- Cổ phần đại diện sở hữu: 0
- Cổ phần nắm giữ cá nhân: 0



Bà **PHAN THỊ KIM THOA**
Trưởng Ban Kiểm soát

- Năm sinh: 1967
- Trình độ chuyên môn:
Cử nhân Kinh tế,
chuyên ngành Kế toán
Doanh nghiệp
- Cổ phần đại diện sở hữu: 0
- Cổ phần nắm giữ cá nhân: 0

Ông **NGUYỄN QUANG BÁ**
Kiểm soát viên

- Năm sinh: 1985
- Trình độ chuyên môn:
Cử nhân Tài chính – Kế toán
- Cổ phần đại diện sở hữu: 0
- Cổ phần nắm giữ cá nhân: 0

Bà **LÊ THỊ THANH HUYỀN**
Kiểm soát viên
(Bổ nhiệm ngày 18/5/2021)

- Năm sinh: 1975
- Trình độ chuyên môn:
Kỹ sư Kinh tế và Quản trị
Doanh nghiệp
- Cổ phần đại diện sở hữu: 0
- Cổ phần nắm giữ cá nhân: 0



Bà **NGUYỄN THỊ KIM YẾN**
Kiểm soát viên
(Miễn nhiệm ngày 18/5/2021)

- Năm sinh: 1972
- Trình độ chuyên môn:
Cử nhân Kinh tế, chuyên
ngành Kế toán – Kiểm toán
- Cổ phần đại diện sở hữu: 0
- Cổ phần nắm giữ cá nhân: 0



Ông **VŨ VĂN THỰC**
Thành viên HĐQT kiêm Giám đốc

- Năm sinh: 1976
- Trình độ chuyên môn:
Kỹ sư Xây dựng cầu đường
- Cổ phần đại diện sở hữu cho PVGas:
4.680.000 (18,00%)
- Cổ phần nắm giữ cá nhân: 0



Ông **NGUYỄN NGUYÊN VŨ**
Phó Giám đốc

- Năm sinh: 1971
- Trình độ chuyên môn:
Thạc sỹ Quản trị Kinh doanh,
Cử nhân Anh văn
- Cổ phần đại diện sở hữu: 0
- Cổ phần nắm giữ cá nhân: 4



Ông **TRƯƠNG MẠNH THẮNG**
Phó Giám đốc

- Năm sinh: 1975
- Trình độ chuyên môn:
Cử nhân Kinh tế
- Cổ phần đại diện sở hữu: 0
- Cổ phần nắm giữ cá nhân: 0



Ông **NGUYỄN HỮU XUÂN**
Phó Giám đốc
(Bổ nhiệm từ ngày 15/11/2021)

- Năm sinh: 1978
- Trình độ chuyên môn:
Kỹ sư Công nghệ Hữu cơ Hóa dầu
- Cổ phần đại diện sở hữu: 0
- Cổ phần nắm giữ cá nhân: 3



Ông **NGUYỄN MẠNH HÙNG**
Kế toán trưởng

- Năm sinh: 1984
- Trình độ chuyên môn:
Cử nhân Tài chính - Ngân hàng
- Cổ phần đại diện sở hữu: 0
- Cổ phần nắm giữ cá nhân: 0



Ông **BÙI VĂN ĐÀN**
Phó Giám đốc
(Miễn nhiệm ngày 16/5/2021)

- Năm sinh: 1965
- Trình độ chuyên môn:
Kỹ sư Công nghệ Dầu khí,
Cử nhân Anh văn
- Cổ phần đại diện sở hữu: 0
- Cổ phần nắm giữ cá nhân: 6



Ông **TRẦN QUANG ĐÁN**
Phó Giám đốc
(Miễn nhiệm ngày 16/5/2021)

- Năm sinh: 1963
- Trình độ chuyên môn:
Kỹ sư Máy xây dựng,
Kỹ sư Quản trị, Doanh nghiệp
- Cổ phần đại diện sở hữu: 0
- Cổ phần nắm giữ cá nhân: 762

02

CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN ĐẾN 2025 VÀ ĐỊNH HƯỚNG ĐẾN 2035

| | |
|--|----|
| Kinh tế hồi phục - Thị trường khí trong nước địch chuyển dần sang LNG | 48 |
| Chiến lược phát triển đến năm 2025 và Định hướng đến năm 2035 | 52 |
| Gắn kết các bên liên quan trong Chiến lược hoạt động | 58 |
| Quản trị rủi ro | 62 |



KINH TẾ THẾ GIỚI 2021: HỒI PHỤC KHÔNG ĐỒNG ĐỀU

Sau năm 2020 bị ảnh hưởng nặng nề do đại dịch Covid-19, kinh tế thế giới bước sang năm 2021 với nhiều kỳ vọng phục hồi. Tuy nhiên, đại dịch vẫn diễn biến khó lường khi phát hiện các biến chủng mới của Covid. Mỗi lần có biến chủng mới như Delta, Omicron, triển vọng kinh tế thế giới lại bị ảnh hưởng và tâm lý bị quan xuất hiện.

Nhờ một loạt vaccine ngừa Covid-19 được phê chuẩn và triển khai như vaccine của Pfizer/BioNTech, Moderna, Oxford/AstraZeneca và vaccine của Trung Quốc, Nga, các nền kinh tế đã mở cửa trở lại bước vào trạng thái bình thường mới.

Theo các tổ chức kinh tế lớn như OECD, UNCTAD, IMF, WB..., tăng trưởng kinh tế toàn cầu trong năm 2021 dao động trong khoảng 5,3% - 5,9%. Tuy nhiên, đà phục hồi kinh tế không đồng đều giữa các khu vực trên thế giới. Tăng trưởng kinh tế Mỹ đạt khoảng 5,6% trong năm 2021 sau khi suy giảm hơn 3% vào năm ngoái, nhờ lợi thế trong việc sản xuất, phân phối vaccine và chính sách kích thích kinh tế mạnh mẽ. Tăng trưởng kinh tế tại khu vực EU đạt khoảng 5,2%, được hỗ trợ mạnh mẽ từ hoạt động tiêu dùng, hoạt động đầu tư ở tầm quốc gia và khu vực; Trung Quốc đạt mức tăng trưởng 8% trong năm 2021. Trong khi đó, khu vực Đông Nam Á chỉ đạt mức tăng trưởng khoảng 3% cho năm 2021 khi các biện pháp nhằm giới hạn dịch bệnh lây lan buộc nhiều nhà máy phải đóng cửa, làm gián đoạn chuỗi cung ứng.

TRIỂN VỌNG NĂM 2022: TĂNG TRƯỞNG CÓ THỂ CHẬM LẠI

WB dự báo tăng trưởng kinh tế toàn cầu sẽ đi xuống rõ rệt trong năm 2022 trong bối cảnh dịch Covid-19 phức tạp và chuỗi cung ứng chưa hồi phục. Theo đó, WB dự báo mức tăng trưởng kinh tế toàn cầu sẽ giảm xuống còn 4,1% trong năm 2022, thậm chí có thể giảm tiếp xuống còn 3,2% trong năm 2023 khi mà các chính phủ thu hẹp chương trình hỗ trợ tài chính và tiền tệ vốn được ban hành trong thời gian đại dịch.

Xét theo từng quốc gia, WB đã hạ tăng trưởng GDP của Mỹ xuống mức 3,7% và 2,6% trong năm 2022 và 2023. Trong khi đó, tăng trưởng GDP của Nhật Bản trong năm 2021 là 1,7%, thấp hơn 1,2% so với dự báo hồi tháng 6/2021, song sẽ tăng lên mức 2,9% trong năm 2022. Tốc độ tăng trưởng của nền kinh tế lớn thứ hai thế giới Trung Quốc cũng sẽ chậm lại, ở mức 5,1% trong năm 2022 và 5,2% trong năm tiếp theo.

Đối với các nền kinh tế đang phát triển và mới nổi, WB dự báo tốc độ tăng trưởng chậm lại ở mức 4,6% trong năm 2022, thấp hơn so với 6,3% của năm 2021 và tiếp tục giảm xuống còn 4,4% trong năm 2023.

NHỮNG RỦI RO ẢNH HƯỞNG TRIỂN VỌNG KINH TẾ

Nhìn chung, thách thức và rủi ro vẫn còn rất lớn, đặc biệt khi biến chủng mới Omicron xuất hiện và đang gia tăng tốc độ lây lan toàn cầu vào thời điểm cuối năm. Điều này làm gia tăng thêm mối quan ngại về sự bất ổn và gián đoạn hoạt động kinh tế xã hội.

Tốc độ gia tăng của lạm phát trong nửa cuối năm 2021 trên phạm vi toàn cầu do giá cả hàng hóa tăng mạnh, đáng chú ý là tình trạng đứt gãy chuỗi cung ứng, giá năng lượng tăng nhanh, thiếu hụt lao động, chi phí vận chuyển, kiểm dịch thông quan hàng hóa tiếp tục gia tăng khi dịch bệnh còn diễn biến phức tạp, vẫn là thách thức lớn nhất trong những tháng đầu năm 2022. Việc lạm phát không còn là yếu tố tạm thời hay ngắn hạn sẽ ảnh hưởng mạnh đến các quyết sách của Chính phủ các nước, đặc biệt là trạng thái của chính sách tiền tệ và chính sách tài khóa.

Sự thay đổi nhanh chóng của trạng thái chính sách từ nới lỏng sang thắt chặt sẽ có thể tạo ra những bất ổn trên thị tài chính, tiền tệ toàn cầu, đặc biệt khi giá của các tài sản đã ở ngưỡng bong bóng, tạo ra sự dịch chuyển nhanh chóng của các dòng vốn từ các nền kinh tế mới nổi... và cuối cùng là sẽ ảnh hưởng tới đà phục hồi của kinh tế thế giới.

SAU NĂM 2020 BỊ ẢNH HƯỞNG NẶNG NỀ DO ĐẠI DỊCH COVID-19, KINH TẾ THẾ GIỚI BƯỚC SANG NĂM 2021 VỚI NHIỀU KỲ VỌNG PHỤC HỒI. TUY NHIÊN, ĐẠI DỊCH VẪN DIỄN BIẾN KHÓ LƯỜNG KHI PHÁT HIỆN CÁC BIẾN CHủng MỚI CỦA COVID. MỖI LẦN CÓ BIẾN CHủng MỚI NHƯ DELTA, OMICRON, TRIỂN VỌNG KINH TẾ THẾ GIỚI LẠI BỊ ẢNH HƯỞNG VÀ TÂM LÝ BỊ QUAN XUẤT HIỆN.



GIÁ DẦU KHÍ THẾ GIỚI TĂNG MẠNH DO CUNG-CẦU MẤT CÂN ĐỐI

Năm 2021, giá dầu thô Brent trung bình đạt mức 70,5 USD/ thùng, tăng 66,5% so với năm 2021. Hoạt động kinh tế xã hội, giao thương tại hầu hết quốc gia khôi phục trở lại đẩy nhu cầu nhiên liệu tăng cao là nguyên nhân chính khiến giá dầu tăng mạnh. Ngoài ra còn có thể kể đến nguyên nhân quan trọng khác như tình trạng tắc nghẽn logistics do đại dịch, thiên tai khắc nghiệt.. khiến giá than và khí tăng, đẩy giá dầu tăng.

Trong năm 2021, khối OPEC+ cũng tuân thủ thỏa thuận cắt giảm sản lượng ký vào đầu năm 2021 trước lo ngại nhu cầu không ổn định. Đặc biệt, biến động địa chính trị tại khu vực Đông Âu đẩy thị trường dầu khí tăng vọt và đầu năm 2022 có lúc vượt mức 100 USD/thùng.

Dự báo trong năm 2022, OPEC+ vẫn thận trọng trong việc tăng sản lượng cùng với sự phục hồi chậm của ngành công nghiệp dầu mỏ Mỹ do thiếu hụt các khoản đầu tư mới trong nhiều năm khiến việc tăng sản lượng khai thác dầu gặp nhiều khó khăn. Rủi ro địa chính trị tại Đông Âu dự kiến tiếp diễn và nhu cầu thế giới khi các nền kinh tế phục hồi sẽ khiến giá dầu khí thế giới duy trì mức cao trong năm 2022.

VIỆT NAM: KINH TẾ LẤY LẠI ĐÀ TĂNG TRƯỞNG

Dịch Covid-19 đã ảnh hưởng nghiêm trọng tới mọi lĩnh vực của nền kinh tế, đặc biệt là trong quý 3/2021 khi nhiều khu vực kinh tế trọng điểm phải thực hiện giãn cách xã hội kéo dài. Tuy vậy, Việt Nam vẫn duy trì được đà tăng trưởng tích cực, tổng sản phẩm trong nước (GDP) năm 2021 tăng 2,58% so với cùng kỳ năm trước. Trong đó, khu vực công nghiệp và xây dựng tăng 4,05%, đóng góp 63,80% vào tốc độ tăng tổng giá trị tăng thêm của toàn nền kinh tế, với ngành công nghiệp chế biến, chế tạo tiếp tục là động lực tăng trưởng của toàn nền kinh tế với tốc độ tăng 6,37%.

Bình quân năm 2021 CPI tăng 1,84% so với bình quân năm 2020, mức thấp nhất kể từ năm 2016. Lạm phát cơ bản bình quân năm 2021 tăng 0,81% so với bình quân năm 2020. Tổng kim ngạch xuất, nhập khẩu hàng hóa đạt 668,5 tỷ USD, tăng 22,6% so với năm trước, trong đó xuất khẩu tăng 19%; nhập khẩu tăng 26,5%. Tổng vốn đầu tư nước ngoài đăng ký tính đến ngày 20/12/2021 bao gồm vốn đăng ký cấp mới, vốn đăng ký điều chỉnh và giá trị góp vốn, mua cổ phần của nhà đầu tư nước ngoài đạt 31,15 tỷ USD, tăng 9,2% so với năm 2020.

Năm 2022, Chính phủ đặt mục tiêu phấn đấu mức tăng trưởng GDP đạt 6-6,5% với các chính sách kích thích kinh tế mạnh mẽ đặc biệt là đầu tư công và hỗ trợ doanh nghiệp khôi phục hoạt động sản xuất kinh doanh. Việt Nam đang nằm trong số các quốc gia có độ phủ vaccine cao nhất thế giới và chủ trương thích ứng an toàn, linh hoạt, kiểm soát hiệu quả dịch bệnh... được xem là nền tảng quan trọng thuận lợi cho hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp và nền kinh tế phục hồi nhanh.

THỊ TRƯỜNG KHÍ TRONG NƯỚC DẦN CHUYỂN SANG CUNG CẤP LNG TỪ NĂM 2022

Hiện hầu hết các mỏ hiện hữu tại Việt Nam đã ở giai đoạn khai thác cuối đời mỏ, với sản lượng suy giảm tự nhiên hàng năm. Trong năm 2021, đáng chú ý là nguồn khí từ Mỏ Sư Tử Trắng – Giai đoạn 2A đã vào bờ trong tháng 6; đồng thời chủ trương triển khai các dự án mỏ khí lớn như Lô B – Ô Môn, Nam Du – U Minh trong năm 2022 cũng sẽ giúp đảm bảo quyền tự chủ nguồn cung khí, vốn vô cùng quan trọng sau cuộc khủng hoảng khí tự nhiên gần đây trên phạm vi toàn cầu. Bên cạnh đó, mỏ Kèn Bầu 2X với trữ lượng kỷ lục 230 bcm được phát hiện ngoài khơi Quảng Trị vào năm 2020 sẽ giúp bổ sung cho nguồn trữ lượng của ngành dầu khí Việt Nam.

Tuy nhiên, nguồn cung khí dự báo tiếp tục bị thiếu hụt trong những năm sắp tới trước nhu cầu tăng mạnh của các hộ sản xuất điện và sản xuất công nghiệp, giao thông vận tải... Cùng với kỳ vọng vào việc phát triển các mỏ khí mới, nhập khẩu LNG là biện pháp khả thi để bù đắp cho sự sụt giảm sản lượng nhanh chóng tại các mỏ khí hiện hữu.

Dự án LNG Thị Vải của Tổng Công ty Khí Việt Nam dự kiến sẽ được hoàn thành trong nửa cuối năm 2022, sẽ bổ sung nguồn cung khí quan trọng cho các khách hàng tại khu vực Đông Nam Bộ.



- CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN ĐẾN NĂM 2025 VÀ ĐỊNH HƯỚNG ĐẾN NĂM 2035

QUAN ĐIỂM PHÁT TRIỂN

ĐỂ ĐÓN ĐẦU XU THẾ VÀ TẠO TIỀN ĐỀ CHO HOẠT ĐỘNG KINH DOANH LNG TRONG TƯƠNG LAI GẦN, CNG VIỆT NAM ĐÃ BAN HÀNH NGHỊ QUYẾT SỐ 65/NQ-CNG NGÀY 31/12/2021 VỀ CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN ĐẾN NĂM 2025 VÀ ĐỊNH HƯỚNG ĐẾN NĂM 2035 VỚI NHIỀU THAY ĐỔI TRỌNG YẾU.

1

Phát triển CNG Việt Nam theo định hướng thị trường với nền tảng gắn chuỗi giá trị với hệ sinh thái của Tổng Công ty Khí Việt Nam hướng đến mục tiêu mở rộng thị trường, chiếm lĩnh thị phần số một Việt Nam về phân phối khí thiên nhiên ngoài đường ống; Nghiên cứu phát triển phân phối đa dạng các sản phẩm năng lượng sạch dạng khí nén/lỏng theo định hướng phát triển của PVN/PV GAS.

2

Phát triển CNG Việt Nam đồng bộ, bền vững, có năng lực cạnh tranh cao, khai phá thị trường - bao phủ toàn quốc, phù hợp với quy hoạch phát triển ngành Công nghiệp Khí Việt Nam và chiến lược phát triển của PV GAS.

3

Phát triển CNG Việt Nam theo hướng cung cấp các sản phẩm nhiên liệu sạch, trong đó lấy khí tự nhiên (LNG/CNG) là các sản phẩm trọng tâm và cung cấp các giải pháp trọn gói đáp ứng mọi yêu cầu chính yếu của khách hàng liên quan đến sản phẩm.

4

Coi con người là yếu tố then chốt, hình thành đội ngũ CB CNV có trình độ cao, trách nhiệm; tác phong chuyên nghiệp, chủ động sáng tạo trong công việc. Xây dựng và phát triển thương hiệu CNG Việt Nam uy tín, chất lượng và phổ biến.

MỤC TIÊU TỔNG QUÁT

Tiếp tục xây dựng CNG Việt Nam phát triển bền vững, mở rộng thị trường, dẫn đầu về thị phần, trở thành nhà cung ứng/phân phối LNG/CNG bằng xe bồn hàng đầu Việt Nam, đi đầu trong lĩnh vực công nghệ phân phối LNG/CNG bằng xe bồn.

Xây dựng và phát triển thương hiệu CNG Việt Nam trở thành thương hiệu của nhà cung cấp nhiên liệu khí sạch uy tín, chất lượng và phổ biến. Đồng thời nghiên cứu phát triển các loại nhiên liệu xanh phù hợp với chiến lược của PVN/PV GAS.

Đảm bảo cho toàn chuỗi SXKD của PV GAS được hoạt động thông suốt; gia tăng lợi ích và chuỗi giá trị khí trong tổng thể PVN.

LĨNH VỰC SẢN XUẤT KINH DOANH

CNG VIỆT NAM XÂY DỰNG CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN THỊ TRƯỜNG, LĨNH VỰC SẢN XUẤT KINH DOANH PHÙ HỢP VỚI TỪNG GIAI ĐOẠN.

Giai đoạn 2021 - 2022

Duy trì thị trường/khách hàng hiện tại và tìm kiếm/tiếp cận thị trường/ khách hàng mới.

Giai đoạn 2023 - 2025

Tăng trưởng khu vực thị trường hiện tại và cung cấp sản phẩm LNG ra thị trường.

Giai đoạn từ sau 2025 đến 2035

Tăng trưởng ổn định sản xuất kinh doanh trên sản phẩm chủ lực LNG/CNG.

CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN TRUNG VÀ DÀI HẠN

CNG VIỆT NAM XÂY DỰNG CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN THỊ TRƯỜNG, LĨNH VỰC SẢN XUẤT KINH DOANH PHÙ HỢP VỚI TỪNG GIAI ĐOẠN.

GIAI ĐOẠN 2021 - 2022

**Duy trì thị trường/
khách hàng hiện tại và
tìm kiếm/tiếp cận thị trường/
khách hàng mới.**

- CNG Việt Nam bán các sản phẩm CNG, LPG tùy thuộc vào diễn biến của thị trường. Sản phẩm chủ lực trong giai đoạn này là CNG với tỷ trọng chiếm trên 90% sản lượng kinh doanh của Công ty.
- Sản phẩm khí CNG chiếm trên 70% thị phần toàn quốc.
- Lên kế hoạch và chuẩn bị công tác thị trường, đầu tư, xây dựng cơ sở hạ tầng để chuyển đổi khách hàng hiện hữu đủ điều kiện sang sử dụng LNG.

GIAI ĐOẠN 2023 - 2025

**Tăng trưởng khu vực
thị trường hiện tại và cung cấp
sản phẩm LNG ra thị trường.**

- Tăng trưởng sản lượng bình quân 11 - 13%/năm.
- Chiếm 70% thị phần cung cấp CNG và 60% thị phần cung cấp LNG bằng xe bồn toàn quốc.
- Khu vực miền Nam: CNG Việt Nam duy trì bán sản phẩm CNG để tận dụng hạ tầng hiện hữu và nguồn khí nội địa do Tổng công ty cung cấp. Từng bước thay thế hệ thống CNG bằng thiết bị cấp LNG với tỷ trọng sản phẩm LNG chiếm từ 45% - 75% sản lượng toàn Công ty.
- Khu vực miền Bắc: thực hiện bán các sản phẩm CNG/LPG tùy thuộc vào diễn biến của thị trường. Triển khai xâm nhập và phát triển thị trường LNG.
- Khu vực miền Trung: xâm nhập thị trường LNG miền Trung.

GIAI ĐOẠN TỪ SAU 2025 ĐẾN 2035

**Tăng trưởng ổn định sản xuất
kinh doanh trên sản phẩm
chủ lực LNG/CNG**

- Tăng trưởng sản lượng bình quân 12 - 14%/năm.
- Cung cấp các sản phẩm LNG/CNG/LPG tùy thuộc vào diễn biến của thị trường, tận dụng hạ tầng CNG hiện hữu để duy trì cung cấp CNG cho một số khách hàng chưa có khả năng chuyển đổi sang sử dụng LNG. Sản phẩm chủ lực trong giai đoạn này là LNG với tỷ trọng chiếm trên 85% sản lượng toàn Công ty.
- Chiếm 70% thị phần cung cấp CNG toàn quốc đến năm 2028 và ngưng kinh doanh CNG từ năm 2029.
- Chiếm 60% thị phần cung cấp LNG bằng xe bồn toàn quốc.

CÁC CHỈ TIÊU CHÍNH CỦA CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN ĐẾN NĂM 2025 VÀ ĐỊNH HƯỚNG ĐẾN NĂM 2035:

| STT | Chỉ tiêu | ĐVT | Giai đoạn 2022-2025 | Giai đoạn 2026-2030 | Giai đoạn 2031-2035 | Ghi chú |
|-----|-------------|-----------------------|------------------------|------------------------|------------------------|---------------------------------------|
| I. | Sản lượng | | 1.262 | 2.762 | 5.231 | |
| 1 | Đông Nam Bộ | Triệu Sm ³ | 932 | 1.930 | 3.490 | Tổng của các năm trong từng giai đoạn |
| 2 | Bắc Bộ | | 280 | 631 | 1.394 | |
| 3 | Trung Bộ | | 50 | 201 | 347 | |
| II. | Doanh thu | Tỷ đồng | 13.860 | 33.460 | 73.450 | |

SỨC MẠNH CẠNH TRANH CỦA CNG VIỆT NAM



Lợi thế cạnh tranh từ sản phẩm LNG/CNG: Là nhiên liệu cho hiệu suất cao, giúp tăng tuổi thọ máy móc, thiết bị; thân thiện môi trường; hiệu quả kinh tế, tiết kiệm chi phí hơn hẳn nhiên liệu truyền thống; và an toàn hơn trong vận hành sản xuất.



Có uy tín và thương hiệu trên thị trường và luôn nhận được sự ủng hộ của khách hàng. Hệ thống khách hàng ổn định đa dạng, tập trung lại các khu vực kinh doanh trọng điểm của Công ty như: Bình Dương, Đồng Nai, TP. Hồ Chí Minh, Bà Rịa-Vũng Tàu, Long An, Hà Nội, Hưng Yên, Hải Phòng, Bắc Ninh, Thái Nguyên, Thái Bình...



Cơ sở hạ tầng và công nghệ: Công suất nhà máy nén khí đạt hơn 220 triệu Sm³/năm ở miền Nam và 110 triệu Sm³ ở miền Bắc, đảm bảo cấp khí cho khách ổn định, hệ thống PRU trải rộng khắp các KCN. Công ty cũng đã làm chủ công nghệ CNG và đang đẩy mạnh nghiên cứu, hướng tới tiên phong trong công nghệ LNG.



Nhân sự và Văn hóa doanh nghiệp: Nhân sự lãnh đạo quản lý cấp cao có trình độ và tầm nhìn quản lý doanh nghiệp, CBCNV năng động, sáng tạo và chủ động công việc; Tạo lập được văn hóa doanh nghiệp, tập hợp được sức mạnh tập thể đoàn kết hướng tới mục tiêu chung của toàn Công ty.

CÁC GIẢI PHÁP THỰC HIỆN



GIẢI PHÁP VỀ AN TOÀN, SẢN XUẤT, VẬN CHUYỂN, PHÂN PHỐI

- Thực hiện tốt công tác an toàn lao động, vận hành, đảm bảo cấp khí an toàn, liên tục cho khách hàng;
- Chuẩn bị vật tư, thiết bị, dụng cụ đầy đủ cho công tác bảo dưỡng, sửa chữa và giám sát chặt chẽ quá trình thực hiện nhằm đảm bảo máy móc, thiết bị luôn trong tình trạng hoạt động tốt nhất;
- Thực hiện tốt công tác bảo trì, bảo dưỡng thiết bị, máy móc, phương tiện vận chuyển phù hợp với quy định của nhà sản xuất và kế hoạch BDSC, giảm thiểu thời gian dừng vận hành;
- Công ty đã xây dựng thành công và tiếp tục áp dụng có hiệu quả hệ thống quản lý tích hợp an toàn chất lượng môi trường theo tiêu chuẩn quốc tế ISO 45001:2018, ISO 9001:2015, ISO 14001:2015 và 5S vào quá trình SXKD của Công ty;
- Phát huy phong trào sáng kiến cải tiến kỹ thuật nhằm tối ưu hóa quá trình SXKD.



GIẢI PHÁP VỀ THỊ TRƯỜNG

- Thực hiện tốt công tác chăm sóc khách hàng, tiếp tục cải tiến, nâng cao chất lượng sản phẩm, dịch vụ của Công ty nhằm đem lại sự thoả mãn cao nhất cho khách hàng;
- Tập trung tìm kiếm, phát triển khách hàng nhằm bao phủ thị trường, mở rộng địa bàn để gia tăng sản lượng tiêu thụ;
- Tiếp tục cân đối nguồn khí và giá khí đầu vào để phát triển khách hàng trên cơ sở kinh doanh hiệu quả nhằm tạo tiền để phát triển LNG;
- Bám sát tiến độ nhập khẩu LNG của PV Gas để triển khai kinh doanh, phát triển thị trường tiêu thụ LNG;
- Đẩy mạnh công tác Marketing, truyền thông để quảng bá thương hiệu, sản phẩm dịch vụ Công ty phục vụ công tác phát triển thị trường;
- Phát triển đội ngũ làm công tác thị trường chuyên nghiệp, thường xuyên theo dõi và bám sát diễn biến thị trường, kịp thời đưa các nhận định, dự báo để phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

GIẢI PHÁP VỀ ĐẦU TƯ - XÂY DỰNG

01

Tăng cường công tác kiểm soát trong quá trình đầu tư nhằm đảm bảo các dự án được triển khai tuyệt đối an toàn, hoàn thành đạt chất lượng và đúng tiến độ đề ra;

02

Chủ động triển khai các bước thủ tục, hồ sơ đúng theo quy trình, quy định của Pháp luật và Công ty;

03

Sử dụng triệt để vai trò của các Nhà thầu Tư vấn QLDA, Tư vấn giám sát... để tư vấn giám sát và thực hiện dự án hiệu quả.



GIẢI PHÁP VỀ TÀI CHÍNH

Tăng cường các biện pháp quản trị dòng tiền và nâng cao hiệu quả sử dụng nguồn vốn của Công ty;

Đa dạng hóa các hình thức huy động vốn trên cơ sở phương án tối ưu để đáp ứng nhu cầu vốn phát triển của Công ty;

Tiếp tục kiểm soát chặt chẽ công nợ, tăng cường mở bảo lãnh thanh toán, quản trị và tiết giảm chi phí.



GIẢI PHÁP VỀ TỔ CHỨC, NHÂN SỰ VÀ PHÁT TRIỂN NGUỒN LỰC

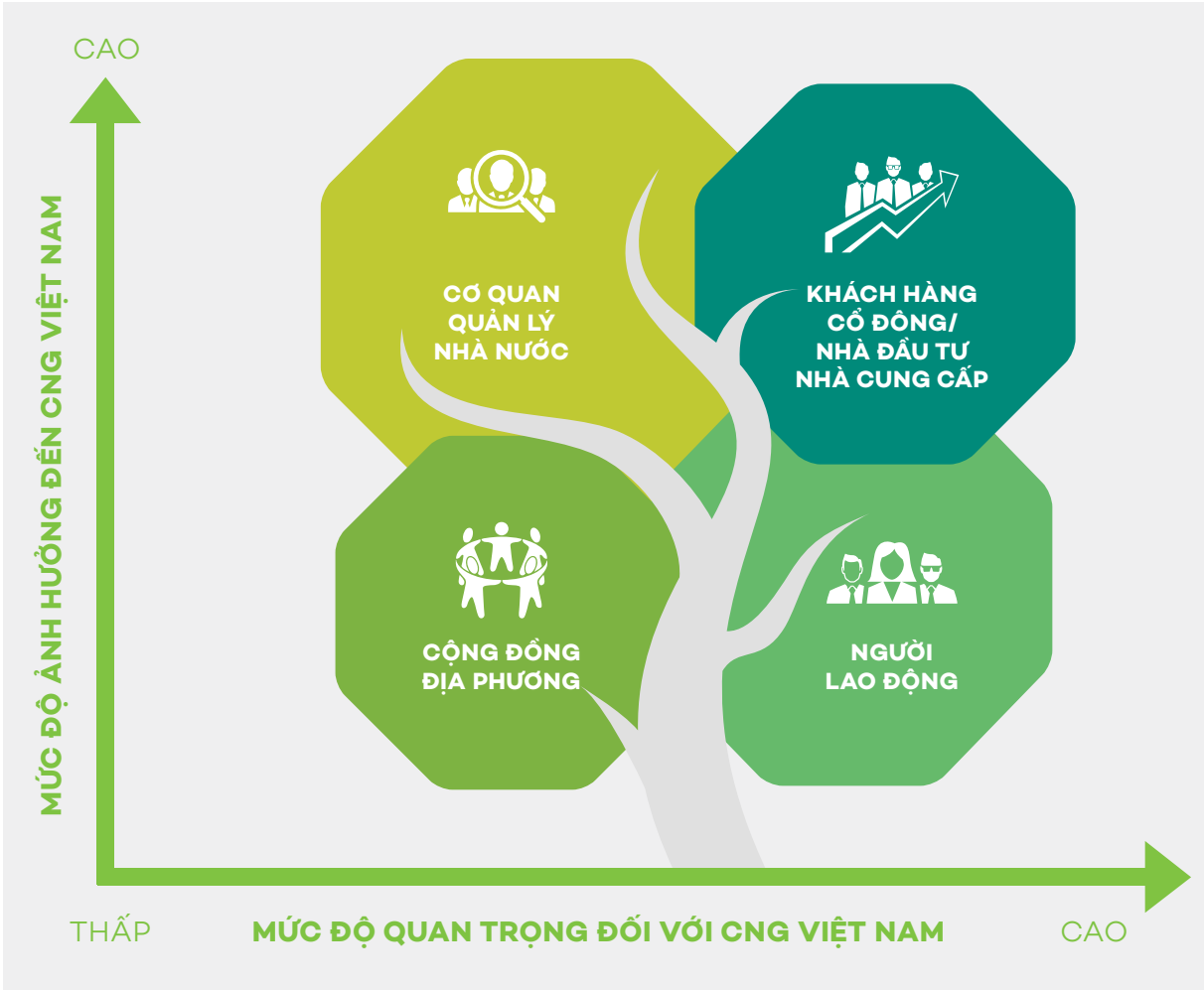
- Rà soát cơ cấu tổ chức, bộ máy, cách thức tổ chức sản xuất mới đảm bảo trên nguyên tắc tinh gọn, khoa học, thích ứng nhanh mỗi khi có biến động, vận hành hiệu quả theo cơ chế thị trường; Sắp xếp, bố trí nhân sự (bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, điều động,...) phù hợp với cơ cấu tổ chức và đáp ứng được yêu cầu của nhiệm vụ SXKD;
- Tăng cường rà soát chức năng, nhiệm vụ các đơn vị, sắp xếp nhân sự đúng yêu cầu về số lượng, chất lượng đảm bảo đáp ứng nhu cầu công việc trên các lĩnh vực đồng thời tăng cường công tác giám sát hoạt động của đơn vị, chi nhánh.
- Đẩy mạnh công tác đào tạo, phát triển năng lực của CBCNV, gia tăng hiệu quả lao động;
- Thực hiện rà soát lại các Quy chế, quy định, quy trình để đơn giản hóa thủ tục đảm bảo sự tuân thủ các quy định của Nhà nước và tối ưu hóa hiệu quả hoạt động của Công ty.

• GẮN KẾT CÁC BÊN LIÊN QUAN TRONG CHIẾN LƯỢC HOẠT ĐỘNG

CNG VIỆT NAM CÓ MỐI QUAN HỆ MẬT THIẾT VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN TỪ ĐẦU VÀO ĐẾN ĐẦU RA CỦA SẢN PHẨM VÀ VỚI CỘNG ĐỒNG – XÃ HỘI. ĐẶT TRONG BỐI CẢNH KINH DOANH VÀ CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN DÀI HẠN, CNG VIỆT NAM LUÔN XEM CÁC BÊN LIÊN QUAN LÀ NHỮNG ĐỐI TÁC QUAN TRỌNG BẬC NHẤT VÀ TÁC ĐỘNG TRỰC TIẾP ĐẾN HOẠT ĐỘNG SXKD CỦA CÔNG TY TRÊN CÁC MẶT KINH TẾ, XÃ HỘI VÀ MÔI TRƯỜNG.

Xác định được điều đó, CNG Việt Nam đã xây dựng mối quan hệ bền vững với các bên liên quan, thường xuyên tham vấn, tìm hiểu tình hình, nắm bắt thông tin của đối tác, khách hàng, đánh giá và đáp ứng nhu cầu, kỳ vọng của họ, cũng là để phục vụ mục tiêu phát triển bền vững của Công ty. CNG Việt Nam xác định các bên liên quan căn cứ vai trò và mức độ ảnh hưởng của các bên liên quan đối với Công ty bao gồm: **Khách hàng; Cổ đông/Nhà đầu tư; Nhà cung cấp; Người lao động; Cơ quan quản lý Nhà nước; Cộng đồng địa phương.**

MÔ HÌNH ĐÁNH GIÁ MỨC ĐỘ ẢNH HƯỞNG CỦA CÁC BÊN LIÊN QUAN ĐỐI VỚI CNG VIỆT NAM



KỶ VỌNG CỦA CÁC BÊN LIÊN QUAN VÀ VẤN ĐỀ TRỌNG YẾU TRONG HĐSXKD

Căn cứ vào việc tương tác và tham vấn với các bên liên quan, CNG Việt Nam có thể xác định được các vấn đề mà họ quan tâm và kỳ vọng. Việc tham vấn cũng giúp Công ty xác định được lĩnh vực cần phải tập trung để đáp ứng sự quan tâm, kỳ vọng đó đồng thời phục vụ cho các định hướng mục tiêu chiến lược.

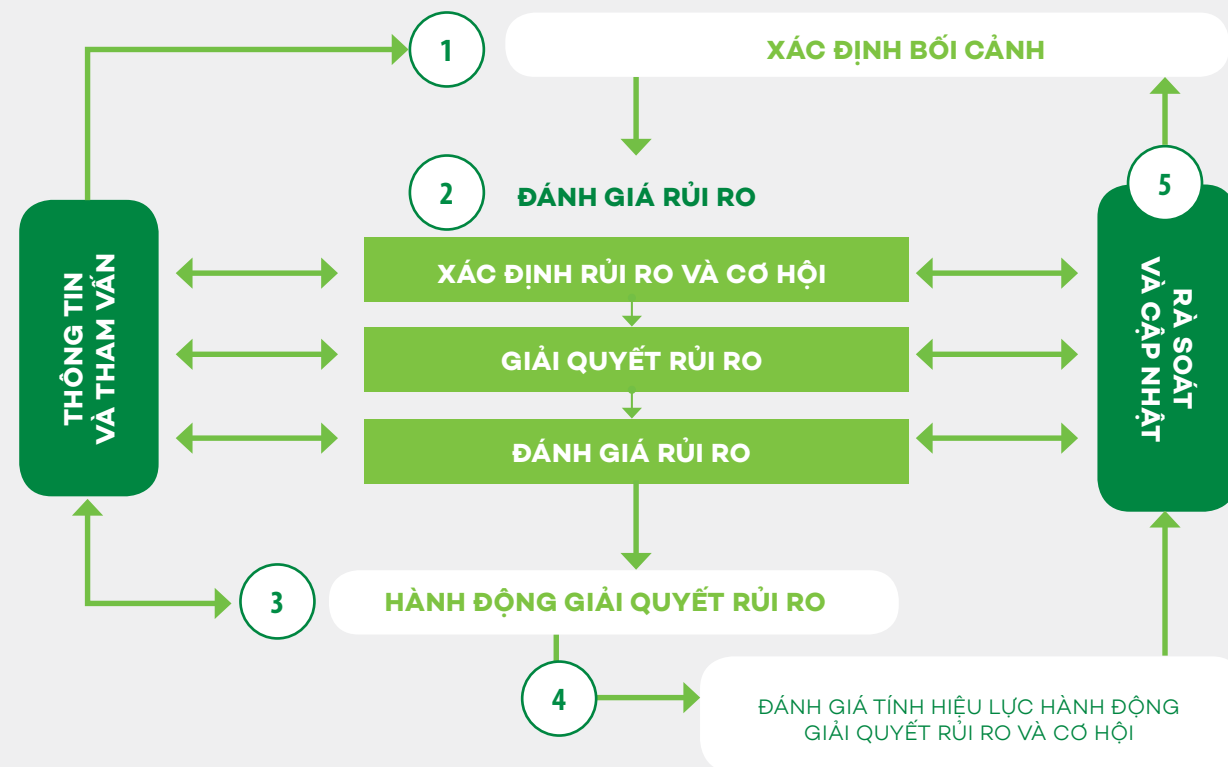
| Bên liên quan | Kênh tham vấn | Mối quan tâm và kỳ vọng | Đáp ứng và kết quả thực hiện của CNG Việt Nam thể hiện trong BCTN và BCPTBV |
|--------------------|---|--|---|
| KHÁCH HÀNG | Thiết lập cơ chế duy trì mối liên hệ, đối thoại thường xuyên và định kỳ thông qua quy trình “Bán khí và chăm sóc khách hàng”. | Giá khí, chất lượng khí, chất lượng dịch vụ khách hàng, cơ chế giải quyết khiếu nại. | <ul style="list-style-type: none">• Báo cáo của Ban Giám đốc• Cộng đồng• Trách nhiệm với môi trường• Quản trị rủi ro |
| | Hàng năm, Công ty khảo sát ý kiến, sự hài lòng của khách hàng thông qua “Phiếu thăm dò ý kiến”. | An toàn trong vận hành và vận chuyển CNG, môi trường. | |
| CỔ ĐÔNG/NHÀ ĐẦU TƯ | Hàng quý, Công ty cũng tập hợp ý kiến phản hồi của khách hàng để trình Ban Lãnh đạo có phương án xử lý, chỉ đạo tích cực, kịp thời. | Tài chính vững mạnh, hoạt động ổn định liên tục. | |
| | Hàng tháng, nếu thị trường nhiên liệu (giá FO, LPG) có biến động, Công ty sẽ gặp trực tiếp với khách hàng để đối thoại, đàm phán giá bán. | | |
| | Phản hồi và trao đổi qua đường dây nóng hoặc email. | | |
| | Giao lưu văn hóa – thể thao với khách hàng. | | |
| | Đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường. | Thành tích của Công ty trên nhiều lĩnh vực: kinh tế, xã hội và môi trường. | <ul style="list-style-type: none">• Báo cáo của Hội đồng Quản trị• Báo cáo của Ban Giám đốc• Phân tích tài chính |
| | Viếng thăm Công ty, nhà máy. | Hoạt động quan hệ nhà đầu tư, công bố thông tin. | |
| | Tiếp nhà đầu tư thông qua điện thoại, đàm thoại. | | |
| | Giải đáp thắc mắc của nhà đầu tư qua hình thức email. | | |
| | Tiếp nhận phản hồi qua website. | | |
| | Tham gia hội thảo đầu tư do các công ty chứng khoán, quỹ đầu tư tổ chức. | | |
| | Báo cáo thường niên, Báo cáo phân tích của công ty chứng khoán, quỹ đầu tư. | | |
| | Công bố thông tin theo quy định. | | |

KỶ VONG CỦA CÁC BÊN LIÊN QUAN VÀ VẤN ĐỀ TRỌNG YẾU TRONG HĐSXKD

| Bên liên quan | Kênh tham vấn | Mối quan tâm và kỳ vọng | Đáp ứng và kết quả thực hiện của CNG Việt Nam thể hiện trong BCTN và BCPTBV |
|---------------|--|--|--|
| NHÀ CUNG CẤP | <p>PVGas là công ty mẹ và cũng là nhà cung cấp khí CNG duy nhất. Ngoài ra, CNG Việt Nam còn có các nhà cung cấp khác như: cung cấp thiết bị, dịch vụ vận chuyển, dịch vụ bảo trì-bảo dưỡng...</p> <p>Công ty duy trì cơ chế tiếp xúc, đàm phán về nguồn cung khí CNG cũng như giá đầu vào để đảm bảo sự ổn định liên tục của nguồn cung và hạn chế rủi ro giá khí đầu vào.</p> <p>Tìm kiếm và đánh giá chi tiết chất lượng của các nhà cung cấp trang thiết bị, dịch vụ... trong và ngoài nước để đảm bảo an toàn, hiệu quả, bền vững, dựa trên các hoạt động đấu thầu và quy chế mua sắm trang thiết bị của Công ty.</p> <p>Giao lưu văn hóa – thể thao với nhà cung cấp.</p> | <p>Giá bán khí đầu vào và các sản phẩm, dịch vụ khác.</p> <p>Khả năng thanh toán hợp đồng cung cấp.</p> <p>Hoạt động sản xuất kinh doanh an toàn, hiệu quả bền vững.</p> | <ul style="list-style-type: none"> • Báo cáo của Ban Giám đốc • Phân tích tài chính • Quản trị rủi ro |
| | <p>Đánh giá thành tích của các đợt bổ nhiệm và xem xét lương.</p> <p>Hoạt động của Công đoàn và Đoàn thanh niên Công ty.</p> <p>Hội nghị Người lao động được tổ chức hằng năm.</p> <p>“Đối thoại định kỳ tại nơi làm việc” theo Quy chế dân chủ mà Công ty đã ban hành.</p> | <p>Chế độ đãi ngộ như quyền lợi lương thưởng, bảo hiểm, an toàn nghề nghiệp, đào tạo...</p> <p>Môi trường làm việc và cơ hội thăng tiến.</p> <p>Thành tích và uy tín của Công ty về kinh tế, môi trường, xã hội.</p> | <ul style="list-style-type: none"> • Người lao động • Cộng đồng • Báo cáo của Ban Giám đốc • Phân tích tài chính |

| Bên liên quan | Kênh tham vấn | Mối quan tâm và kỳ vọng | Đáp ứng và kết quả thực hiện của CNG Việt Nam thể hiện trong BCTN và BCPTBV |
|--------------------------|---|--|--|
| CƠ QUAN QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC | <p>Tham gia các Hội nghị, Hội thảo do các cơ quan trung ương, sở ban ngành tổ chức.</p> <p>Thường xuyên cập nhật các văn bản pháp luật để thay đổi cho phù hợp với những quy định mới, đảm bảo sự tuân thủ, đặc biệt trong lĩnh vực an toàn.</p> <p>Tham gia đóng góp vào quy hoạch phát triển chung của ngành Dầu khí.</p> | <p>Tuân thủ các quy định pháp luật trong các lĩnh vực an toàn, bảo vệ môi trường và các quy định đặc thù của ngành Dầu khí.</p> <p>Đảm bảo môi trường làm việc, an toàn lao động cho CBCNV và cộng đồng địa phương.</p> <p>Tuân thủ các nghĩa vụ tài chính, nghĩa vụ thuế.</p> | <ul style="list-style-type: none"> • Trách nhiệm với môi trường • Cộng đồng • Đóng góp kinh tế bền vững |
| | <p>Phối hợp với chính quyền địa phương nơi đặt trụ sở văn phòng, nhà máy, chi nhánh để tìm hiểu tâm tư, nguyện vọng của người dân địa phương.</p> <p>Gặp mặt trực tiếp để trao đổi các vấn đề phát sinh.</p> | <p>Đảm bảo tuân thủ pháp luật về môi trường, an toàn trong sản xuất kinh doanh.</p> <p>Đóng góp vào sự phát triển của cộng đồng địa phương.</p> | <ul style="list-style-type: none"> • Trách nhiệm với môi trường • Cộng đồng • Đóng góp kinh tế bền vững |

QUY TRÌNH QUẢN TRỊ RỦI RO



01 XÁC ĐỊNH BỐI CẢNH CỦA TỔ CHỨC/ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

- Xác định mục đích, định hướng chiến lược và kết quả đầu ra mong muốn của hệ thống quản lý chất lượng, môi trường và an toàn sức khỏe nghề nghiệp.
- Xác định các vấn đề bên ngoài có thể ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh: chính trị, pháp luật, môi trường kinh tế vĩ mô, tài chính, công nghệ, cạnh tranh, điều kiện môi trường như khí hậu, chất lượng không khí, chất lượng nước, ô nhiễm...
- Các vấn đề bên trong gồm: giá trị, kiến thức văn hóa, nguồn lực, quá trình hoạt động của tổ chức
- Nhu cầu và mong đợi của các bên liên quan về hệ thống quản lý chất lượng, môi trường và an toàn sức khỏe nghề nghiệp

02 ĐÁNH GIÁ RỦI RO

- Phân loại rủi ro dựa trên bản chất rủi ro và phạm vi tác động tiềm năng
- Phân tích, đánh giá rủi ro và cơ hội nhằm xác định kết quả mong đợi, sự không chắc chắn ảnh hưởng đến kết quả mong đợi từ các vấn đề bên trong, bên ngoài đã được xác định. Từ đó xác định cơ hội đạt được sau khi kiểm soát rủi ro.
- Phân tích các rủi ro dựa trên 2 tiêu chí là khả năng xảy ra và hậu quả xảy ra, cũng như xem xét hiệu lực của biện pháp kiểm soát hiện hành thông qua các dữ liệu thống kê trong quá khứ. Từ đó, đưa ra đánh giá mức độ rủi ro cao, thấp, trung bình.

03 HÀNH ĐỘNG GIẢI QUYẾT RỦI RO

- Đối với các rủi ro được đánh giá là thấp và trung bình: duy trì các biện pháp kiểm soát rủi ro hiện hành.
- Đối với các rủi ro được đánh giá cao: cần hành động giải quyết rủi ro và cơ hội, thực hiện các biện pháp kiểm soát bổ sung.
- Phân công người chịu trách nhiệm thực hiện các hành động giải quyết rủi ro và cơ hội.
- Phổ biến và tổ chức thực hiện hành động giải quyết rủi ro và cơ hội.
- Hành động giải quyết rủi ro và cơ hội:
 - Tránh rủi ro
 - Chấp nhận rủi ro để theo đuổi cơ hội
 - Loại bỏ nguồn rủi ro
 - Thay đổi khả năng xảy ra hoặc hậu quả xảy ra để giảm thiểu rủi ro
 - Chia sẻ rủi ro, hoặc lưu giữ lại rủi ro bằng một quyết định công khai.

04 ĐÁNH GIÁ TÍNH HIỆU LỰC HÀNH ĐỘNG GIẢI QUYẾT RỦI RO VÀ CƠ HỘI

- Đánh giá mức độ tuân thủ các biện pháp đã hoạch định
- Đánh giá mức độ đạt được kết quả dự kiến
- Các đơn vị đánh giá tính hiệu lực của các hành động giải quyết rủi ro và cơ hội định kỳ 6 tháng/ lần đối với các rủi ro cao, và báo cáo kết quả về BGĐ Công ty.

05 RÀ SOÁT VÀ CẬP NHẬT

- Theo dõi, rà soát, và cập nhật bảng xác định rủi ro và cơ hội từ bối cảnh của công ty định kỳ hàng năm.
- Nếu có bất kỳ sự thay đổi nào trong bối cảnh của tổ chức (vấn đề bên trong, bên ngoài, nhu cầu mong đợi các bên liên quan) cần phải rà soát và cập nhật bảng xác định rủi ro và cơ hội nhằm đảm bảo hiệu quả hoạt động của hệ thống quản lý chất lượng, môi trường, và an toàn sức khỏe nghề nghiệp.
- Ngoài ra, khi có sự thay đổi, hoặc phát sinh các khía cạnh môi trường có ý nghĩa, cũng cần rà soát và cập nhật các rủi ro liên quan an toàn sức khỏe nghề nghiệp.



PHÂN LOẠI RỦI RO





| Rủi ro | Phạm vi tác động tiềm năng | Bản chất rủi ro |
|---|---|--|
|  <p>GIÁ KHÍ ĐẦU VÀO-ĐẦU RA</p> | <ul style="list-style-type: none"> ◆ Hiệu quả kinh doanh ◆ Kế hoạch kinh doanh trung hạn | <ul style="list-style-type: none"> ◆ CNG Việt Nam hoạt động trong lĩnh vực phân phối CNG. Lợi nhuận thu được phụ thuộc rất lớn vào chênh lệch giá đầu ra và đầu vào của sản phẩm. ◆ Cơ chế giá khí của Công ty được áp dụng dần theo cơ chế thả nổi của giá dầu thế giới. Do vậy, sự biến động mạnh của giá dầu thế giới sẽ gây ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của Công ty. |
|  <p>RỦI RO VỀ LÃI SUẤT</p> | <ul style="list-style-type: none"> ◆ Khẩu vị rủi ro và khả năng chịu đựng rủi ro ◆ Kế hoạch kinh doanh trung hạn ◆ Mục tiêu chiến lược dài hạn | <ul style="list-style-type: none"> ◆ Rủi ro lãi suất phát sinh từ các khoản vay của Công ty. Khi mặt bằng lãi vay tăng cao, chi phí tài chính sẽ tạo áp lực lớn đối với lợi nhuận của Công ty. Thêm vào đó, lãi suất tăng cao sẽ thu hẹp các lựa chọn huy động vốn cho các dự án đầu tư của Công ty trong tương lai. |
|  <p>RỦI RO VỀ NHU CẦU TIÊU THỤ NHIÊN LIỆU</p> | <ul style="list-style-type: none"> ◆ Kế hoạch kinh doanh trung hạn ◆ Mục tiêu chiến lược dài hạn ◆ Hiệu quả kinh doanh | <ul style="list-style-type: none"> ◆ Thị trường tiêu thụ khí của Công ty chủ yếu là các doanh nghiệp sản xuất công nghiệp và các doanh nghiệp hoạt động trong ngành thực phẩm. Đây đều là các ngành chịu ảnh hưởng mạnh từ xu hướng chung của nền kinh tế. Do đó khi nền kinh tế tăng trưởng chậm lại, ngành công nghiệp thu hẹp sản xuất, thị trường bất động sản trầm lắng, người dân hạn chế chi tiêu, nhu cầu đối với sản phẩm CNG sẽ bị suy giảm và ảnh hưởng đến tốc độ tăng trưởng của Công ty. ◆ Thêm vào đó, khí thiên nhiên là sản phẩm năng lượng có sự đa dạng trong sản phẩm thay thế. Khi giá khí biến động mạnh, giá các loại nhiên liệu thay thế thấp hơn giá CNG sẽ khiến nhiều khách hàng của Công ty có xu hướng chuyển sang sử dụng các nhiên liệu thay thế khác. Vì vậy, rủi ro về nhu cầu tiêu thụ nhiên liệu là một yếu tố trọng yếu mà Công ty luôn cần chú trọng. |

| Rủi ro | Phạm vi tác động tiềm năng | Bản chất rủi ro |
|---|--|---|
|  <p>RỦI RO TÍN DỤNG VÀ RỦI RO DÒNG TIỀN</p> | <ul style="list-style-type: none"> ◆ Hiệu quả kinh doanh | <ul style="list-style-type: none"> ◆ Rủi ro tín dụng xuất phát từ nghĩa vụ thanh toán của đối tác. Nếu đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ nợ trong hợp đồng sẽ gây nên tổn thất tài chính cho Công ty. Do đó, khoản phải thu là một trong những rủi ro lớn mà Công ty phải thường xuyên đối diện. Khoản phải thu khó thu hồi sẽ đặt Công ty vào khả năng bị chiếm dụng vốn, gây thất thoát nguồn vốn của Công ty. ◆ Rủi ro về dòng tiền diễn ra khi Công ty gặp khó khăn trong việc thực hiện các nghĩa vụ tài chính, không nắm bắt các cơ hội đầu tư quan trọng khi không có đủ nguồn vốn cần thiết. Đây là vấn đề liên quan đến việc quản trị tài sản và nguồn vốn lưu động. Các khoản nợ xấu phát sinh từ công nợ khách hàng kéo dài, không có khả năng thanh toán bắt buộc Công ty phải trích lập dự phòng, làm giảm lợi nhuận và hao hụt dòng tiền. |
|  <p>RỦI RO VỀ AN TOÀN LAO ĐỘNG</p> | <ul style="list-style-type: none"> ◆ Kế hoạch kinh doanh trung hạn ◆ Danh tiếng của Công ty | <ul style="list-style-type: none"> ◆ Với đặc thù sản xuất cung cấp các sản phẩm năng lượng Dầu khí, sử dụng nhiều nhân lực và phương tiện hoạt động, môi trường kinh doanh của CNG Việt Nam luôn tiềm ẩn nguy cơ cháy nổ cao, nguy cơ xảy ra thiệt hại lao động cho con người, sự cố hư hỏng thiệt hại tài sản có giá trị lớn, sự cố rò rỉ khí và thậm chí là các sự cố ảnh hưởng tiêu cực đến môi trường thiên nhiên. ◆ Một khi sự cố xảy ra, hậu quả sẽ đặc biệt nghiêm trọng. Đối với Công ty, những rủi ro này sẽ gây tổn thất lớn về tài sản, con người, tiến độ các dự án, uy tín của Công ty đối với người lao động và khách hàng. Đối với người lao động, thiệt hại về tính mạng, tâm lý bị ảnh hưởng tiêu cực, suy giảm hiệu suất lao động là điều không thể tránh khỏi. Những rủi ro này khi xảy ra sẽ khiến Công ty mất nhiều thời gian để khắc phục và phục hồi nguồn lực trở lại nguyên trạng ban đầu. |
|  <p>RỦI RO VỀ QUẢN LÝ NHÂN SỰ</p> | <ul style="list-style-type: none"> ◆ Kế hoạch kinh doanh trung hạn ◆ Mục tiêu chiến lược dài hạn | <ul style="list-style-type: none"> ◆ Với quan điểm con người là hạt nhân của sự thành công của doanh nghiệp, rủi ro trong quá trình quản trị nguồn nhân lực luôn là vấn đề được Công ty quan tâm. ◆ Với hoạt động chính là sản xuất và chiết nạp khí thiên nhiên, nguồn nhân lực Công ty luôn đòi hỏi sự đào tạo bài bản. Nhân viên luôn được đòi hỏi cao về kỹ thuật và trình độ chuyên môn trong việc vận hành các hệ thống máy nén khí, trạm giảm áp, các trang thiết bị máy móc kỹ thuật chuyên dụng. Việc quản trị kém hiệu quả sẽ dẫn đến thiếu hụt nhân lực có trình độ cao, mất đoàn kết nội bộ, vận hành không hiệu quả. Trong môi trường kinh doanh nhiều biến động, sự ổn định của nguồn nhân lực chất lượng càng trở thành vấn đề thách thức đối với Công ty. |

BIỆN PHÁP QUẢN TRỊ ĐỐI VỚI TỪNG LOẠI RỦI RO

| Rủi ro | Biện pháp quản trị rủi ro |
|---|---|
|  <p>GIÁ KHÍ ĐẦU VÀO-ĐẦU RA</p> | <ul style="list-style-type: none"> Mục tiêu quản trị rủi ro chi phí đầu vào nhận được sự chú trọng thông qua hoạt động thu mua dựa theo dự báo về tình hình giá dầu thế giới. Công ty liên tục theo sát diễn biến và tiến hành dự báo giá dầu thế giới để có những điều chỉnh phù hợp trong giá bán. Đối với giá khí đầu ra, Công ty ưu tiên đàm phán với khách hàng theo các hợp đồng với thời hạn ngắn nhằm giảm thiểu tác động từ sự biến động của giá dầu lên biên lợi nhuận, qua đó gia tăng hiệu quả kinh doanh cho cả khách hàng và Công ty. Công ty đẩy mạnh phát triển thị trường để tăng sản lượng, thực hiện các hợp đồng có điều khoản điều chỉnh linh hoạt giá bán khi có sự biến động lớn của giá nguyên liệu. Thực hiện các chiến lược kinh doanh phù hợp với thị trường tại từng thời điểm, từng đối tượng khách hàng và từng khu vực. Thắt chặt mối quan hệ với nhà cung cấp thông qua việc xây dựng uy tín bằng thực hiện tốt các nghĩa vụ thanh toán và các yêu cầu liên quan. Xây dựng kế hoạch ngân sách, giám sát chặt chẽ chi phí hoạt động, chi phí bảo trì mua sắm... đảm bảo các chi phí tuân theo tiến trình ngân sách được hoạch định. Ngoài những chi tiêu cần thiết nhằm phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh thì Công ty luôn hạn chế ở mức tối thiểu các chi phí khác nhằm đạt lợi nhuận cao nhất. |
|  <p>RỦI RO VỀ LÃI SUẤT</p> | <ul style="list-style-type: none"> Công ty tiến hành phân tích và xây dựng cơ cấu nguồn vốn hợp lý phù hợp với hoạt động sản xuất công ty. Công ty xây dựng nguồn vốn tự có thông qua hoạt động kinh doanh hiệu quả để tài trợ hoạt động. Thực hiện khảo sát, tiếp cận với các phương án vốn khác nhau nhằm lựa chọn nguồn vốn với chi phí rẻ nhất. Thực hiện các biện pháp cần thiết nhằm phòng hộ rủi ro biến động lãi suất và duy trì hợp lý mức rủi ro trong biên độ cho phép. Công ty phân tích các nguồn vốn cho hoạt động đầu tư để chi phí sử dụng vốn ở mức thấp nhất nhưng vẫn đảm bảo cấu trúc tài chính an toàn. |

| Rủi ro | Biện pháp quản trị rủi ro |
|---|--|
|  <p>RỦI RO VỀ NHU CẦU TIÊU THỤ NHIÊN LIỆU</p> | <ul style="list-style-type: none"> Công ty luôn quan tâm đến việc thắt chặt mối quan hệ với khách hàng hiện có. Nỗ lực đa dạng hóa mạng lưới cung cấp sản phẩm bằng cách tăng cường tìm kiếm các khách hàng mới thông qua các hợp đồng và thỏa thuận bán khí đảm bảo lợi ích cho cả hai bên. Công ty luôn chủ động quảng bá hình ảnh, tăng cường tiếp thị quảng cáo lợi ích khi sử dụng các sản phẩm khí thiên nhiên nhằm mở rộng thị trường tiêu thụ. Bên cạnh đó là duy trì khả năng cạnh tranh trong môi trường kinh doanh hiện tại. Đa dạng hóa lĩnh vực tiêu thụ trong mạng lưới khách hàng. Cụ thể, CNG Việt Nam luôn tìm kiếm các khách hàng mới trên mọi lĩnh vực, ngành nghề kinh doanh cũng như khu vực kinh doanh để giảm bớt những rủi ro đến từ sự tập trung với mật độ cao ở một số ngành nghề nhất định như hiện tại. Công ty luôn thực hiện công tác cập nhật thông tin, dự báo nhu cầu tiêu thụ của thị trường để có bức tranh tổng quan và chính xác nhất về doanh thu, lợi nhuận. Việc lập ngân sách, các kế hoạch đầu tư, sử dụng nguồn vốn, thời điểm đầu tư cũng được xây dựng linh hoạt dựa trên những dự báo để tránh những hoạt động đầu tư không hiệu quả hoặc bỏ qua các cơ hội đầu tư tiềm năng. Công ty phân loại khách hàng để có kế hoạch cung ứng phù hợp, hiệu quả. |
|  <p>RỦI RO TÍN DỤNG VÀ RỦI RO DÒNG TIỀN</p> | <ul style="list-style-type: none"> Công ty thường xuyên tiến hành các hoạt động kiểm soát công nợ như phân tích về tuổi nợ, ngày thu nợ. Thẩm định sức khỏe tài chính của khách hàng trước khi ký kết hợp đồng. Thực hiện chính sách tín dụng đối với từng nhóm khách hàng cụ thể, theo sức khỏe tài chính, khu vực và loại hình kinh doanh. Thường xuyên theo dõi để đánh giá chính xác những rủi ro tín dụng tiềm ẩn có thể phát sinh. Bên cạnh đó, Công ty luôn tạo chiều sâu trong mối liên hệ hợp tác với khách hàng nhằm hiểu rõ về tình trạng tài chính, uy tín giao dịch của từng khách hàng định kỳ. Bên cạnh đó, Công ty cũng chia sẻ khó khăn với khách hàng thông qua việc nới lỏng về thời gian trả chậm nhưng vẫn kiểm soát chặt chẽ khoản phải thu. Với công tác quản trị rủi ro tín dụng hiệu quả, Công ty không có bất kỳ rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng và các đối tác. Các khoản phải thu đến từ các khách hàng hoạt động trong nhiều ngành khác nhau và phân bố ở các khu vực địa lý khác nhau. Đối với các khoản phải thu có nhiều rủi ro, Công ty trích lập dự phòng hợp lý. Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ 6 tháng trở lên, hoặc các khoản phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự. Dù kiểm soát chặt chẽ rủi ro tín dụng nhưng Công ty vẫn duy trì sự linh hoạt tối thiểu nhằm đạt sự hài hòa với khả năng đạt được các mục tiêu tăng trưởng đề ra của Công ty. Song hành cùng những nỗ lực quản trị rủi ro dòng tiền từ vốn luân chuyển, sự cân đối dòng tiền thuần cũng là một nhân tố quan trọng nhằm đạt sự cân bằng giữa hoạt động đầu tư xây dựng mà không ảnh hưởng đến cấu trúc nguồn vốn của Công ty. |

BIỆN PHÁP QUẢN TRỊ ĐỐI VỚI TỪNG LOẠI RỦI RO

Rủi ro

Biện pháp quản trị rủi ro



RỦI RO VỀ AN TOÀN LAO ĐỘNG

- ◇ Với đặc thù phân phối năng lượng, công tác đảm bảo an toàn lao động trong quá trình hoạt động luôn được đặt lên hàng đầu. Các hoạt động vận hành luôn được giám sát chặt chẽ và tuân theo quy trình nhất định.
- ◇ CNG hoàn thành việc nâng cấp hệ thống quản lý An toàn – Chất lượng – Môi trường (ATCLMT) theo các tiêu chuẩn ISO 9001:2015, ISO 14001:2015 & ISO 45001:2018, được Viện Tiêu chuẩn Anh (BSI) Việt Nam đánh giá công nhận. Bên cạnh đó, quy trình quản trị rủi ro được liên tục cải tiến phù hợp với những thay đổi trong điều kiện sản xuất. Từ lúc vận hành đến nay, Công ty chưa để xảy ra bất kỳ một sự cố nghiêm trọng nào, đây là điều đáng tự hào của một doanh nghiệp kinh doanh trong ngành khí.
- ◇ Người lao động được đào tạo bài bản trước khi vận hành, công tác bảo hộ lao động đặc biệt được chú trọng. Công ty thường xuyên tổ chức các lớp đào tạo, huấn luyện về phòng cháy chữa cháy nhằm xây dựng văn hóa lao động an toàn, nâng cao ý thức và đào tạo những kỹ năng cần thiết đối với các trường hợp bất ngờ xảy ra.
- ◇ Nhà máy và các máy móc thiết bị luôn có kế hoạch bảo trì, sửa chữa định kỳ và luôn được duy trì trong trạng thái vận hành tốt nhất và an toàn nhất. Công ty sử dụng công cụ, phần mềm quản lý công tác kiểm tra bảo dưỡng trang thiết bị, máy móc, phương tiện nhằm đảm bảo tình trạng an toàn kỹ thuật và tối ưu hóa chất lượng cho sản phẩm.
- ◇ Công ty tiến hành mua bảo hiểm con người (bảo hiểm tai nạn, bảo hiểm sinh mạng cá nhân, bảo hiểm trợ cấp nằm viện, phẫu thuật) cho người lao động. Cùng với đó là các chính sách mua bảo hiểm cho tài sản hoạt động nhằm giúp giảm bớt thiệt hại cho Công ty nếu có rủi ro tai nạn xảy ra.



RỦI RO VỀ QUẢN LÝ NHÂN SỰ

- ◇ Công ty luôn cân bằng giữa lợi ích của người lao động và lợi ích chung của Công ty trong việc quản trị nguồn nhân lực.
- ◇ Lao động được tuyển dụng, điều chuyển hợp lý, đảm bảo đầy đủ nguồn nhân lực trong quá trình vận hành. Công ty đảm bảo lương, thưởng và quy trình đánh giá năng lực diễn ra công bằng, minh bạch theo quy chế Công ty và quy định của pháp luật. Công ty luôn chăm lo đời sống vật chất và tinh thần, tạo điều kiện phát triển tốt nhất cho đội ngũ CBCNV của Công ty. Bên cạnh đó, với sự hồi phục của thị trường dầu khí và triển vọng khả quan của nền kinh tế, đây cũng là cơ hội để Công ty có thể tìm kiếm và bổ sung nguồn nhân lực chất lượng cho các dự án đầu tư mở rộng trong tương lai.
- ◇ CBCNV thường xuyên được đào tạo bồi dưỡng, trau dồi, nâng cao chuyên môn, nghiệp vụ và tay nghề nhằm nâng cao năng lực.



03

BÁO CÁO CỦA HĐQT, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN GIÁM ĐỐC

| | |
|---|-----|
| Báo cáo của Hội đồng Quản trị | 72 |
| Báo cáo của Ban Kiểm soát | 84 |
| Báo cáo của Ban Giám đốc | 88 |
| Cơ cấu cổ đông và Hoạt động Quan hệ nhà đầu tư | 110 |



HOẠT ĐỘNG CỦA ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Là cơ quan có thẩm quyền cao nhất, quyết định những vấn đề thuộc nhiệm vụ và quyền hạn theo luật pháp và Điều lệ tổ chức hoạt động, bên cạnh phiên họp thường niên, CNG Việt Nam luôn chủ động tổ chức các phiên họp ĐHĐCĐ bất thường nhằm giải quyết kịp thời các yêu cầu, nhiệm vụ phát sinh. Cụ thể, trong năm qua, CNG Việt Nam đã tổ chức ĐHĐCĐ bất thường về lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản vào ngày 19/4/2021 và 01 phiên họp ĐHĐCĐ thường niên vào ngày 18/5/2021, với các Nghị quyết được thông qua như sau:

| STT | Số Nghị quyết | Ngày | Nội dung |
|-----|---------------|-----------|---|
| 1 | 22/NQ-ĐHĐCĐ | 19/4/2021 | Nghị quyết ĐHĐCĐ bất thường về lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản |
| 2 | 29/NQ-ĐHĐCĐ | 18/5/2021 | Nghị quyết cuộc họp ĐHĐCĐ thường niên năm 2021 |
| 3 | 30/NQ-ĐHĐCĐ | 18/5/2021 | Nghị quyết cuộc họp ĐHĐCĐ thường niên năm 2021 về việc miễn nhiệm TV. HĐQT đối với ông Bùi Tường Định |
| 4 | 31/NQ-ĐHĐCĐ | 18/5/2021 | Nghị quyết cuộc họp ĐHĐCĐ thường niên năm 2021 về việc miễn nhiệm TV. Ban kiểm soát đối với bà Nguyễn Thị Kim Yến |
| 5 | 32/NQ-ĐHĐCĐ | 18/5/2021 | Nghị quyết cuộc họp ĐHĐCĐ thường niên năm 2021 về việc bổ nhiệm ông Bùi Văn Đản giữ chức TV. HĐQT |
| 6 | 33/NQ-ĐHĐCĐ | 18/5/2021 | Nghị quyết cuộc họp ĐHĐCĐ thường niên năm 2021 về việc bổ nhiệm ông Nguyễn Hữu Thắng giữ chức TV. HĐQT |
| 7 | 33/NQ-ĐHĐCĐ | 18/5/2021 | Nghị quyết cuộc họp ĐHĐCĐ thường niên năm 2021 về việc bổ nhiệm bà Lê Thị Thanh Huyền giữ chức Ban kiểm soát |



HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Trong năm 2021, có hai thành viên HĐQT chuyên trách được bổ nhiệm mới là Ông Bùi Văn Đản và Ông Nguyễn Hữu Thắng, thay thế cho hai thành viên miễn nhiệm là Ông Phạm Đình Đạt và Ông Bùi Tường Định. Bên cạnh đó, Ông Vũ Văn Thực tiếp tục được bổ nhiệm là thành viên HĐQT với nhiệm kỳ 5 năm, kiêm nhiệm chức danh Giám đốc Công ty. HĐQT tiếp tục đảm bảo tính độc lập với 01 thành viên độc lập (20%) là Bà Lê Thị Thu Giang; cơ cấu HĐQT cũng cho thấy tính bình đẳng giới rất cao khi có tới 2/5 là thành viên nữ.

Bên cạnh các quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ hoạt động của Công ty, CNG Việt Nam luôn mong muốn vươn tới các thông lệ quản trị tốt nhất và chuẩn mực quản trị tiên tiến trên thế giới. Với kinh nghiệm đa dạng và chuyên sâu trong lĩnh vực dầu khí, tài chính-kinh doanh, các thành viên HĐQT đã thảo luận và tư vấn nhiều vấn đề của Công ty một cách dân chủ, minh bạch, khoa học, kịp thời đưa ra các giải pháp để đảm bảo lợi ích cao nhất cho cổ đông và các bên liên quan.

| Họ và tên | Chức vụ | Ngày bổ nhiệm | Ngày miễn nhiệm | Số buổi họp tham dự | Tỷ lệ tham dự buổi họp (%) | Lý do |
|------------------------|-----------------------|---------------|-----------------|---------------------|----------------------------|---|
| Bà Nguyễn Thị Hồng Hải | Chủ tịch HĐQT | 28/4/2020 | | 4/4 | 100% | |
| Ông Vũ Văn Thực | TV HĐQT kiêm Giám đốc | 19/4/2021 | | 4/4 | 100% | |
| Ông Bùi Văn Đản | TV. HĐQT chuyên trách | 18/5/2021 | | 3/4 | 75% | Bổ nhiệm sau ngày họp HĐQT quý 1/2021 |
| Ông Nguyễn Hữu Thắng | TV HĐQT chuyên trách | 18/5/2021 | | 3/4 | 75% | Bổ nhiệm sau ngày họp HĐQT quý 1/2021 |
| Bà Lê Thị Thu Giang | TV độc lập HĐQT | 18/4/2018 | | 4/4 | 100% | |
| Ông Phạm Đình Đạt | TV HĐQT chuyên trách | | 21/4/2021 | 1/4 | 25% | Miễn nhiệm trước ngày họp HĐQT quý 2/2021 |
| Ông Bùi Tường Định | TV HĐQT chuyên trách | | 18/5/2021 | 1/4 | 25% | Miễn nhiệm trước ngày họp HĐQT quý 2/2021 |

HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Năm 2021 khởi đầu khó khăn do tiếp diễn của dịch Covid-19. Tuy nhiên, việc triển khai thành công chiến lược tiêm chủng vaccine cùng với nhiều biện pháp quyết liệt của Chính phủ, Việt Nam đã mở cửa nền kinh tế mạnh mẽ trở lại, đặc biệt là từ quý 4. Điều này đã giúp nhiều doanh nghiệp khôi phục hoạt động sản xuất, mặc dù môi trường kinh doanh vẫn còn nhiều thách thức.

Trong bối cảnh này, HĐQT đã thực hiện hiệu quả các quyền hạn và trách nhiệm theo quy định, tập trung vào: Xây dựng chiến lược, Quản trị công ty, Giám sát hoạt động của bộ máy điều hành, và Quản trị rủi ro.

| Vai trò | Nhiệm vụ trọng tâm | Cách thức thực hiện |
|---|---|--|
| XÂY DỰNG CHIẾN LƯỢC | Xây dựng chiến lược kinh doanh, phương hướng hoạt động và định hướng tạo giá trị dài hạn của Công ty. | HĐQT phân tích các thay đổi, phát triển của thị trường, kinh tế vĩ mô trong ngắn hạn, trung hạn và dài hạn. Từ đó, nhận diện các cơ hội mới và rủi ro tiềm ẩn nhằm thiết lập các chiến lược, giải pháp kinh doanh phù hợp. |
| | Chịu trách nhiệm xét duyệt và chấp thuận các kế hoạch hoạt động thường niên. | Đảm bảo công tác truyền thông chiến lược phát triển, mục tiêu hoạt động cốt lõi đến các bộ phận chủ chốt được liên tục, góp phần duy trì hoạt động kinh doanh theo đúng mục tiêu đề ra. |
| QUẢN TRỊ CÔNG TY | Đảm bảo hoạt động QTCT tuân thủ các quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty, Quy chế nội bộ về QTCT và các quy chế, quy định khác, nhằm giúp Công ty hoạt động hiệu quả, phát triển bền vững. | Thường xuyên đánh giá các thay đổi của quy phạm pháp luật để đảm bảo hoạt động QTCT tuân thủ tuyệt đối, đảm bảo quyền lợi của các bên liên quan. Đánh giá hoạt động của các thành viên HĐQT hàng năm để duy trì tính hiệu quả của HĐQT. Thông qua hoạt động trao đổi định kỳ và đột xuất với Ban Điều hành và các bên liên quan để nắm bắt các yêu cầu của bên liên quan nhằm đáp ứng phù hợp. Dựa trên kết quả hoạt động và định hướng phát triển ngắn hạn của Công ty để xây dựng và đánh giá chính sách phân phối thu nhập cho cổ đông định kỳ hàng quý, hàng năm. |
| | Giám sát hiệu quả hoạt động của Công ty. Đảm bảo kết quả hoạt động tuân thủ nghiêm ngặt kế hoạch và chiến lược đề ra. | Duy trì tính liên tục và sự phù hợp của bộ máy lãnh đạo đối với sự vận hành của CNG Việt Nam trong nhiều năm qua. Do đó, HĐQT có trách nhiệm đảm bảo việc lựa chọn nhân sự phù hợp nhất về chuyên môn và văn hóa hoạt động của Công ty. Đánh giá hiệu quả hoạt động và hiệu quả tài chính của Công ty định kỳ. Dựa trên kết quả hoạt động thực tế, đưa ra yêu cầu cần thiết về sự cải thiện hiệu quả hoạt động cùng việc thực hiện các giám sát hoạt động thường xuyên trong năm tài chính. |
| GIÁM SÁT HOẠT ĐỘNG CỦA BỘ MÁY ĐIỀU HÀNH | | |
| | | |
| QUẢN TRỊ RỦI RO | Đảm bảo sự nhận dạng chính xác các rủi ro trọng yếu ảnh hưởng lên hoạt động kinh doanh của Công ty. | HĐQT, trực tiếp hoặc gián tiếp thông qua các bộ phận chức năng, thường xuyên đánh giá quy trình quản trị rủi ro. |
| | Đảm bảo quy trì kiểm soát và quản trị rủi ro diễn ra chính xác và kịp thời. | Thường xuyên đánh giá tính hiệu quả của quy trình quản trị rủi ro và quy trình kiểm soát nội bộ của Công ty nhằm đưa ra những sự điều chỉnh cần thiết kịp thời. Thiết lập quy trình đánh giá tác động lên lợi nhuận hoạt động và lợi nhuận tài chính từ biến động giá nhiên liệu đầu vào. Xây dựng các kịch bản giá nhiên liệu và cách thức Công ty phản ứng với các biến động ngoài dự kiến của thị trường dầu mỏ và thị trường khí thiên nhiên. Vui lòng xem thêm ở phần Quản trị Rủi ro . |

HĐQT đã tổ chức 04 phiên họp HĐQT thường kỳ và nhiều lần lấy ý kiến các thành viên HĐQT bằng văn bản để kịp thời xem xét và giải quyết các công việc thuộc trách nhiệm của HĐQT như các định hướng lớn trong sản xuất kinh doanh, phê duyệt chủ trương nhận chuyển nhượng hệ thống CNG Miền Bắc, kế hoạch kinh doanh, hoạt động

đầu tư, quy chế lương thưởng... Ngoài ra, các thành viên HĐQT cũng thường xuyên trao đổi công việc qua email, hội nghị thoại, trực tiếp làm việc với các bộ phận chức năng... để thảo luận các vấn đề cấp bách phát sinh, kịp thời đưa ra các ý kiến tư vấn, tham mưu Ban Điều hành chỉ đạo hoạt động sản xuất kinh doanh vượt qua giai đoạn khó khăn.

MỘT SỐ NỘI DUNG CÔNG VIỆC QUAN TRỌNG ĐƯỢC HĐQT PHÊ DUYỆT

| Stt | Số Nghị quyết/ Quyết định | Ngày | Nội dung | Tỷ lệ thông qua |
|-----|---------------------------|------------|---|-----------------|
| 1. | 04/QĐ - CNG | 12/01/2021 | Phân cấp các nội dung của hợp đồng mua khí với PVGAS D | 100% |
| 2. | 05/QĐ - CNG | 22/01/2021 | Phê duyệt quỹ tiền lương, thù lao kế hoạch 2020 | 100% |
| 3. | 06/NQ - CNG | 28/01/2021 | Phê duyệt kế hoạch SXKD năm 2021 | 100% |
| 4. | 08/NQ - CNG | 01/03/2021 | Chấp thuận đề nghị bổ nhiệm lại Giám đốc Công ty | 100% |
| 5. | 10/NQ - CNG | 11/03/2021 | Thông qua nội dung chính của hợp đồng mua LPG với KDK | 100% |
| 6. | 15/NQ-CNG | 24/03/2021 | Chấp thuận vay bổ sung vốn lưu động cho SXKD | 100% |
| 7. | 20/QĐ-CNG | 15/04/2021 | Phê duyệt quỹ lương thực hiện năm 2020 | 100% |
| 8. | 39/QĐ-CNG | 18/05/2021 | Phê duyệt và ban hành quy chế nội bộ về quản trị Công ty | 100% |
| 9. | 40/QĐ-CNG | 18/05/2021 | Phê duyệt và ban hành quy chế hoạt động của HĐQT Công ty | 100% |
| 10. | 42/QĐ-CNG | 07/06/2021 | Quyết định chi thưởng ban quản lý điều hành chuyên trách năm 2020 | 100% |
| 11. | 44/QĐ-CNG | 25/06/2021 | Phê duyệt định mức cung đường khách hàng tại khu vực miền Nam | 100% |
| 12. | 47/QĐ-CNG | 22/07/2021 | Quyết định phê duyệt quy chế quản lý công nợ | 100% |
| 13. | 47A/QĐ-CNG | 02/08/2021 | Quyết định phê duyệt 38 định mức kinh tế kỹ thuật cho thiết bị mới đưa vào vận hành | 100% |
| 14. | 49/QĐ-CNG | 09/08/2021 | Quy định phân cấp đầu tư | 100% |
| 15. | 50/QĐ-CNG | 09/08/2021 | Quy định phân cấp quản lý đấu thầu | 100% |
| 16. | 51/QĐ-CNG | 10/08/2021 | Quyết định phân cấp triển khai dự án đầu tư xây dựng | 100% |
| 17. | 52/QĐ-CNG | 10/08/2021 | Phân cấp quyết định kế hoạch LCNT trong giai đoạn chuẩn bị dự án đầu tư xây dựng | 100% |
| 18. | 53/QĐ-CNG | 24/08/2021 | Phê duyệt Quy chế kinh doanh các sản phẩm khí | 100% |
| 19. | 64/NQ-CNG | 29/12/2021 | Ký hợp đồng mua bán LPG với Chi nhánh Tổng công ty Khí Việt Nam – CTCP- Công ty kinh doanh sản phẩm khí | 100% |
| 20. | 65/NQ-CNG | 31/12/2021 | Nghị quyết phê duyệt Chiến lược phát triển tới 2025 và định hướng tới 2035 của Công ty | 100% |

ĐÁNH GIÁ CỦA HĐQT VỀ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH CỦA CÔNG TY

| | |
|-----------------------|---|
| | 274,31 |
| Triệu Sm ³ | Sản lượng tiêu thụ CNG năm 2021 vượt 13% so với kế hoạch, tăng 21% so với năm 2020 và chiếm 71% thị phần cả nước. |
| | 3.063,4 |
| Tỷ đồng | Tổng doanh thu tăng 30,3% so với năm 2020 |
| | 82,3 |
| Tỷ đồng | Lợi nhuận sau thuế vượt 71,2% kế hoạch và tăng 61,3% so với năm 2020 |

Chúng ta tiếp tục trải qua năm 2021 với nhiều biến động. Kinh tế thế giới phục hồi trở lại sau khi đại dịch Covid-19 từng bước được khống chế, dù mức độ phục hồi của các khu vực là không đồng đều. Giá dầu thế giới tăng trở lại trước nhu cầu cao của các hoạt động kinh tế-xã hội trong trạng thái bình thường mới, bên cạnh tác động từ các rủi ro địa chính trị và hạn chế nguồn cung. Giá dầu thô Brent trung bình đạt mức 70,5 USD/thùng trong năm 2021, và có lúc đã vượt mức 100 USD/thùng vào đầu năm 2022.

Kinh tế trong nước gặp nhiều thách thức khi dịch Covid-19 bùng phát mạnh ở các tỉnh phía Nam, đặc biệt trong Quý 3. Nhờ những biện pháp phòng chống dịch bệnh hiệu quả của Chính phủ, thực hiện mục tiêu kép vừa phòng chống Covid-19 vừa phát triển kinh tế, hoạt động sản xuất kinh doanh và tâm lý của người tiêu dùng đã hồi phục đáng kể về cuối năm 2021.

Thị trường khí tự nhiên trong nước từng bước có sự dịch chuyển mạnh sang LNG, với sự tham gia của các doanh nghiệp tư nhân, mức độ cạnh tranh dự báo sẽ tăng mạnh trong thời gian tới. Trong bối cảnh đó, HĐQT đã luôn theo sát các biến động của thị trường đầu khí thế giới, triển vọng kinh tế vĩ mô trong nước, tình hình dịch bệnh và diễn biến hoạt động kinh doanh của Công ty để đưa ra những định hướng chỉ đạo phù hợp, linh hoạt, đảm bảo an toàn trong sản xuất kinh doanh và tận dụng mọi cơ hội có được. Với sự chỉ đạo của Tổng Công ty Khí Việt Nam (PV Gas), Tập đoàn Dầu khí Quốc gia (PVN) và nỗ lực vượt bậc, đoàn kết một lòng, tập thể CBCNV Công ty đã hoàn thành tốt các nhiệm vụ và chỉ tiêu kế hoạch kinh doanh năm 2021.

Năm 2021, CNG Việt Nam đã đưa thêm 09 nhà máy/khách hàng mới vào nhận khí, sản lượng tiêu thụ CNG đạt 274,31 triệu Sm³, vượt 13% so với kế hoạch, tăng 21% so với năm 2020 và chiếm 71% thị phần cả nước.

Tổng doanh thu đạt 3.063,4 tỷ đồng, tăng 30,3% so với năm 2020 và vượt 29,2% so với kế hoạch đề ra. Lợi nhuận sau thuế đạt 82,3 tỷ đồng, vượt 71,2% kế hoạch và tăng 61,3% so với năm 2020.

Trong năm qua đã không có bất kỳ sự cố nghiêm trọng nào gây ảnh hưởng đến tính mạng, môi trường cũng

như hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Trong bối cảnh Covid-19, Công ty đã duy trì đầy đủ các biện pháp phòng chống dịch bệnh theo khuyến cáo của Bộ Y tế, cơ quan phòng chống dịch bệnh địa phương, đảm bảo điều kiện làm việc an toàn tuyệt đối cho người lao động. Công ty đã không ngừng cải tiến phương pháp vận hành, thực hiện các biện pháp cắt giảm chi phí hoạt động nhằm tạo ra kết quả sản xuất tối ưu và an toàn nhất.

Các dự án đầu tư thực hiện trong năm đảm bảo về chất lượng công trình, chất lượng thiết bị, an toàn lao động, đáp ứng nhu cầu nhận khí của khách hàng, tuân thủ kế hoạch sản xuất kinh doanh của Công ty. Các chủ trương về tiết kiệm, giảm chi phí, duy trì ổn định tốc độ quay vòng vốn, tính toán, cân đối nguồn vốn phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh tiếp tục triển khai hiệu quả.

Việc tuyển dụng, sử dụng, điều chuyển lao động hợp lý, phù hợp điều kiện sản xuất kinh doanh. Công tác đào tạo cũng được triển khai thường xuyên nhằm nâng cao tay nghề, trình độ của nhân viên, chuẩn bị nguồn nhân lực để đáp ứng nhu cầu phát triển trong tương lai gần. Các chế độ, chính sách cho người lao động theo quy định của pháp luật, quy chế của Công ty luôn được thực hiện nghiêm túc, tạo việc làm và thu nhập ổn định cho CBCNV.

Hoạt động xã hội và cộng đồng: Công ty luôn chia sẻ và đồng hành với các chương trình thiện nguyện, luôn chung tay giúp đỡ, hỗ trợ những hoàn cảnh khó khăn trong giai đoạn dịch Covid-19. Các chương trình an sinh xã hội, đặc biệt là các chương trình mang dấu ấn của CNG Việt Nam luôn được duy trì, đóng góp chung vào sự phát triển bền vững của cộng đồng.

GIÁM SÁT VÀ ĐÁNH GIÁ BAN ĐIỀU HÀNH

HĐQT CNG Việt Nam thường xuyên theo dõi sát sao, giải quyết kịp thời các vấn đề phát sinh thuộc thẩm quyền, nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho hoạt động của Ban Giám đốc trên cơ sở tuân thủ quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty cũng như Quy chế hoạt động của HĐQT Công ty.

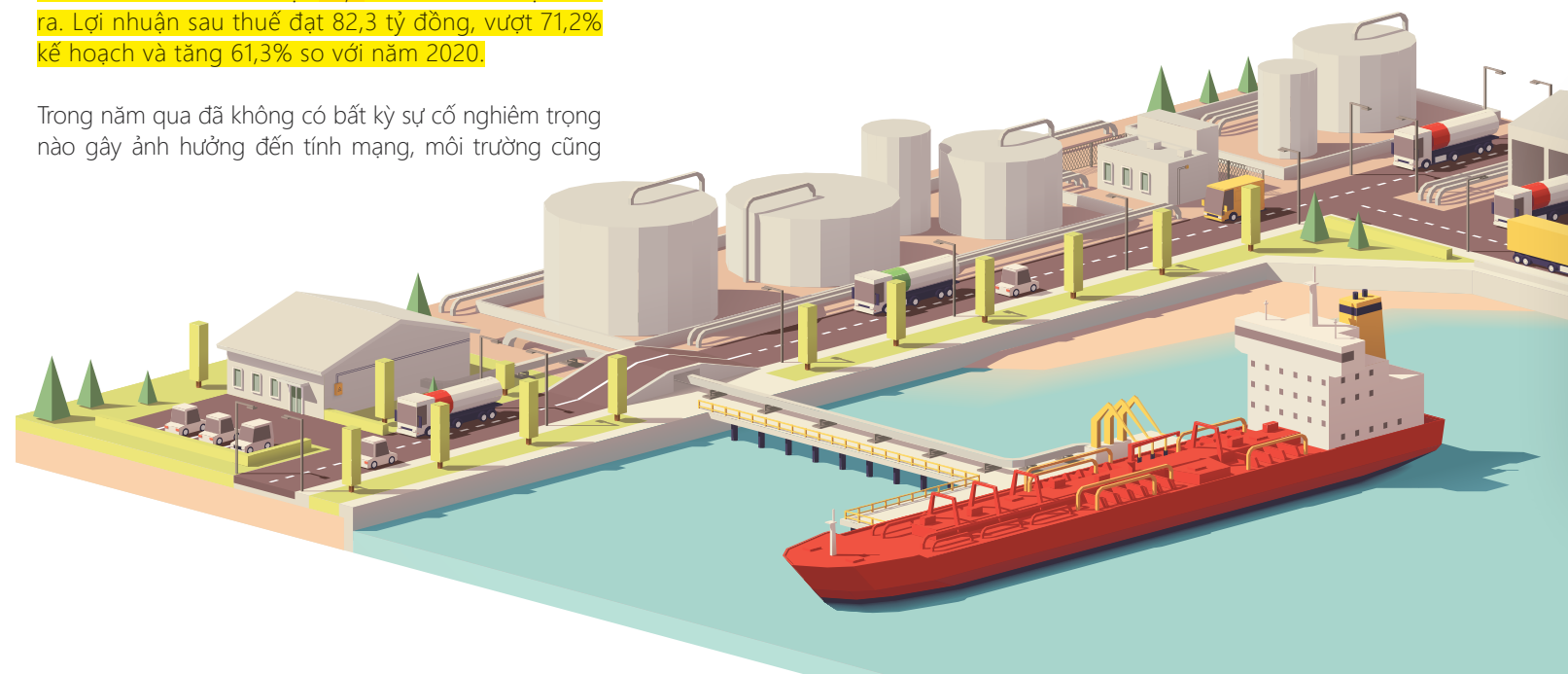
Ban Giám đốc đã xây dựng, thực hiện các giải pháp linh hoạt trong điều hành các hoạt động sản xuất kinh doanh trên cơ sở nhận thức đúng đắn khó khăn, thách thức mà Công ty phải đối mặt. Nhờ vậy, kết quả sản xuất kinh doanh đã hoàn thành vượt các chỉ tiêu kế hoạch do ĐHĐCĐ đề ra.

Ban Giám đốc đã giám sát, phân bổ nguồn vốn đầu tư hiệu quả, đảm bảo tài sản đem lại mức sinh lời cao cho Công ty, đồng thời đề xuất các điều chỉnh về kế hoạch đầu tư trong tương lai.

Ban Giám đốc đã đề xuất và phối hợp với HĐQT một cách tích cực trong việc thực hiện những biện pháp xử lý những vấn đề phát sinh, tạo mọi điều kiện thuận lợi nhất cho hoạt động của Công ty.

KẾT LUẬN

Trong một năm hoạt động với nhiều thách thức của môi trường vĩ mô, Ban Điều hành đã đoàn kết, nỗ lực vượt bậc, đưa ra các giải pháp điều hành phù hợp, kịp thời, hoàn thành các chỉ tiêu sản xuất kinh doanh, thực hiện tốt các Nghị quyết/Quyết định của ĐHĐCĐ và HĐQT.



ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH QUẢN TRỊ CÔNG TY

CNG Việt Nam luôn nỗ lực xây dựng hệ thống quản trị theo các thông lệ quản trị tốt nhất và tiếp cận các chuẩn mực quốc tế. Xây dựng hệ thống quản trị công ty hiệu quả sẽ giúp Công ty tăng trưởng bền vững, giảm thiểu các rủi ro, giúp nâng cao năng lực cạnh tranh và danh tiếng, qua đó gia tăng khả năng tiếp cận thị trường vốn, tối đa hóa lợi ích của các bên liên quan.

Công tác quản trị công ty tại CNG Việt Nam được xây dựng trên 4 yếu tố cốt lõi được chấp nhận chung trên toàn cầu là:



CÔNG BẰNG

Bảo vệ quyền của cổ đông và đảm bảo sự đối xử công bằng đối với mọi cổ đông, kể cả cổ đông thiểu số và cổ đông nước ngoài.



MINH BẠCH

Đảm bảo việc công bố thông tin về mọi vấn đề trọng yếu liên quan đến công ty bao gồm tình hình tài chính, cấu trúc quản trị, tình hình hoạt động, và sở hữu công ty kịp thời và chính xác.



TRÁCH NHIỆM

Công nhận quyền của các bên có quyền lợi liên quan đã được pháp luật quy định, khuyến khích sự hợp tác tích cực giữa công ty và các bên có quyền lợi liên quan trong việc tạo lập tài sản, việc làm, và đảm bảo sự ổn định.



TRÁCH NHIỆM GIẢI TRÌNH

HĐQT phải đảm bảo định hướng chiến lược của công ty, giám sát BĐH hiệu quả, và trách nhiệm của mình đối với công ty cũng như các cổ đông.

BẢY NGUYÊN TẮC QUẢN TRỊ CÔNG TY CỦA CNG VIỆT NAM quy định rõ tại Quy chế quản trị nội bộ của Công ty và được ĐHCĐ thông qua, bao gồm: (1) Tuân thủ các quy định hiện hành của pháp luật; (2) Đảm bảo một cơ cấu quản trị hiệu quả; (3) Đảm bảo quyền lợi của cổ đông; (4) Đối xử công bằng với cổ đông; (5) Đảm bảo vai trò của các bên có quyền lợi liên quan đến Công ty; (6) Minh bạch trong hoạt động của Công ty; (7) HĐQT định hướng và giám sát, BKS kiểm soát Công ty hiệu quả.

1

TUÂN THỦ CÁC QUY ĐỊNH HIỆN HÀNH CỦA PHÁP LUẬT

- Đối với hoạt động đầu tư và SXKD: công tác đầu tư xây dựng và sản xuất kinh doanh của Công ty được thực hiện dựa trên nguyên tắc đảm bảo tuân thủ các quy định liên quan, Luật đấu thầu và quy định về quản lý chất lượng, quản lý chi phí xây dựng công trình, Luật Doanh nghiệp, cũng như Điều lệ Công ty.
- Đối với hoạt động báo cáo, công bố thông tin: CNG Việt Nam tuân thủ các quy định liên quan đối với các công ty niêm yết. Các thông tin được công bố kịp thời và đầy đủ trên website Công ty.
- Việc ban hành các quy chế, quy định nội bộ đều được thực hiện chặt chẽ, cẩn trọng dựa trên cơ sở thực tiễn doanh nghiệp và phù hợp với các quy định pháp luật hiện hành.

2

ĐẢM BẢO CƠ CẤU QUẢN TRỊ HIỆU QUẢ

- Tính hiệu quả của bộ máy quản trị tại CNG Việt Nam được bảo đảm bởi những TV HĐQT dày dặn kinh nghiệm nghề nghiệp, và kiến thức chuyên môn vững chắc
- HQĐT của CNG Việt Nam hoạt động với 01 TV HĐQT độc lập và 03 TV HĐQT chuyên trách, tương đương 4/5 thành viên là thành viên không điều hành.

3

ĐẢM BẢO QUYỀN LỢI CỦA CỔ ĐÔNG

- Điều lệ Công ty của CNG Việt Nam đã đưa ra những quy định chi tiết về quyền và nghĩa vụ liên quan của cổ đông nhằm đảm bảo tính công bằng và quyền lợi cho tất cả các cổ đông:

» Điều 13 và 14 quy định rõ quyền và nghĩa vụ của cổ đông

» Điều 22 quy định các nghị quyết và quyết định được thông qua với ít nhất 51% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả các cổ đông. Và các nghị quyết, quyết định có nội dung quan trọng thì cần ít nhất 65% tổng số phiếu có quyền biểu quyết của tất cả cổ đông (hoặc các đại diện được ủy quyền, phiếu biểu quyết thông qua hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản).

- Quy chế quản trị nội bộ của CNG Việt Nam đã đưa ra những quy định liên quan nhằm đảm bảo lợi ích và công bằng cho các cổ đông:

» Điều 50 quy định những người được tiếp cận các thông tin nội bộ không được phép mua bán cũng như không được dùng thông tin đó tư vấn hoặc xúi khiến người khác mua chứng khoán liên quan tới thông tin nội bộ mà mình tiếp cận.

» Điều 48 quy định việc công bố thông tin phải được thực hiện theo những phương thức mà cổ đông và công chúng đầu tư có thể tiếp cận một cách công bằng và đồng thời.

- Hoạt động giám sát, kiểm tra việc quyết toán vốn đầu tư và hiệu quả đầu tư của các công trình được BKS liên tục thực hiện dựa trên Quy chế phân cấp đầu tư và quản lý đấu thầu nhằm đảm bảo lợi ích cho cổ đông.

4

ĐỐI XỬ CÔNG BẰNG GIỮA CÁC CỔ ĐÔNG

ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH HÌNH QUẢN TRỊ CÔNG TY

5 ĐẢM BẢO VAI TRÒ CỦA CÁC BÊN CÓ QUYỀN LỢI LIÊN QUAN ĐẾN CÔNG TY

- Quy chế trả lương, trả thưởng đối với CBCNV đảm bảo quyền lợi cho CBNV và đáp ứng đúng các quy định pháp luật hiện hành.
- Trách nhiệm với các bên có quyền lợi liên quan đến Công ty như cổ đông, người lao động, cộng đồng-xã hội luôn được CNG Việt Nam coi trọng. Vui lòng xem thêm thông tin chi tiết về các chính sách và hoạt động có liên quan tại Báo cáo Phát triển Bền vững.

6 MINH BẠCH TRONG HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

- Hiện tại, HĐQT của CNG Việt Nam hoạt động với 03 thành viên HĐQT chuyên trách và 01 thành viên HĐQT độc lập trên tổng số 05 thành viên HĐQT nhằm nâng cao tính minh bạch trong hoạt động của Công ty.
- Các giao dịch, thù lao và khoản lợi ích của HĐQT, BGĐ, BKS, và Kế toán trưởng được công khai chi tiết tại BCTN của Công ty nhằm thể hiện tính minh bạch trong hoạt động.
- Các biên bản họp ĐHĐCĐ, nghị quyết, quyết định đều được công bố tại website Công ty. Ngoài ra, BCTN và BCTC cũng được đăng tải trên website Công ty bằng tiếng Anh và tiếng Việt giúp cổ đông trong và ngoài nước có thể theo dõi, góp phần đảm bảo công bằng cho cổ đông.
- Hoạt động phát ngôn và cung cấp thông tin tại CNG Việt Nam đang được thực hiện theo các quy định pháp luật hiện hành và Quy chế phát ngôn và cung cấp thông tin cho Báo chí, Cơ quan quản lý nhà nước được ban hành vào ngày 21/3/2018.
- Quy chế tài chính Công ty được rà soát thường xuyên nhằm cập nhật kịp thời các quy định, chuẩn mực mới nhằm nâng cao tính minh bạch cho hoạt động tài chính và giảm thiểu rủi ro pháp lý của Công ty.
- CNG Việt Nam ban hành Quy chế phân cấp đầu tư và quản lý đấu thầu để phân định trách nhiệm giữa HĐQT và Ban giám đốc trong công tác đầu tư và đấu thầu của Công ty.

7 HĐQT ĐỊNH HƯỚNG VÀ GIÁM SÁT, BKS KIỂM SOÁT CÔNG TY HIỆU QUẢ

- Các thành viên Ban lãnh đạo thường xuyên tham gia các chương trình về quản trị công ty nhằm nâng cao năng lực hoạt động và đóng góp hiệu quả hơn cho quá trình hoạt động của Công ty.
- BKS đã nỗ lực việc thực hiện nhiệm vụ giám sát nhằm phát hiện và ngăn chặn kịp thời những sai phạm, sai sót để đảm bảo hoạt động Công ty tuân theo quy định pháp luật, Điều lệ, Quy chế Quản trị nội bộ và các nghị quyết ĐHĐCĐ đề ra.
- HĐQT đã triển khai các nhiệm vụ cụ thể dựa trên các mục tiêu và định hướng ĐHĐCĐ đề ra.
- HĐQT cũng thường xuyên trao đổi với BKS, BGĐ thông qua các cuộc họp định kỳ và kênh thông tin nội bộ nhằm đưa ra các định hướng và quyết định kịp thời.

ĐÁNH GIÁ THEO TIÊU CHÍ CỦA BỘ NGUYÊN TẮC QTCT TỐT NHẤT ÁP DỤNG CHO CÔNG TY ĐẠI CHÚNG

Năm 2019, UBCKNN phối hợp cùng IFC – Ngân hàng Thế giới (WB) đã ban hành Bộ Nguyên tắc QTCT tốt nhất dành cho các doanh nghiệp đại chúng ở Việt Nam. CNG Việt Nam đã sử dụng Bộ Nguyên tắc này để đánh giá tình hình QTCT trong năm qua. Đây là những nỗ lực từ phía Ban lãnh đạo và tập thể CNG Việt Nam nhằm cập nhật những quan điểm mới nhất về QTCT đến các cổ đông và nhà đầu tư, thể hiện cố gắng và tinh thần cầu thị, không ngừng cải tiến thực hiện QTCT theo các thông lệ tốt nhất cũng như các chuẩn mực quốc tế.

| Tiêu chí | Thực hiện tại CNG Việt Nam | Đánh giá kết quả thực hiện |
|---|---|----------------------------|
| <div>THIẾT LẬP RÕ VAI TRÒ, TRÁCH NHIỆM VÀ CAM KẾT CỦA HĐQT</div> <div>01</div> | <div>♦ Hoạt động của HĐQT CNG Việt Nam luôn đảm bảo tuân thủ quy định của pháp luật, đồng thời các quyền hạn và trách nhiệm được quy định rõ ràng và nhất quán trong các văn bản của Công ty như Điều lệ, Quy chế nội bộ về QTCT, Quy chế tổ chức, hoạt động của HĐQT.</div> <div>♦ Mọi hoạt động của HĐQT đều được thực hiện một cách minh bạch, vì lợi ích cao nhất của Công ty và cổ đông, quan tâm đến các bên liên quan.</div> <div>♦ Hoạt động đào tạo luôn được HĐQT chú trọng để vừa tạo ra một đội ngũ có đủ phẩm chất, năng lực vừa đảm bảo lực lượng kế thừa, giúp Công ty phát triển bền vững.</div> | Tốt |
| <div>THIẾT LẬP HĐQT CÓ NĂNG LỰC VÀ CHUYÊN NGHIỆP</div> <div>02</div> | <div>♦ HĐQT của CNG Việt Nam hiện có 01 thành viên độc lập và 02 thành viên chuyên trách trong tổng số 05 thành viên, bao gồm 02 thành viên là Nữ.</div> <div>♦ Các thành viên HĐQT đều có kinh nghiệm sâu rộng trong lĩnh vực dầu khí, tài chính, kinh doanh, đầu tư xây dựng, hành chính. Sự đa dạng của thành phần, kiến thức và kinh nghiệm giúp HĐQT có quan điểm đa dạng, giúp có thể thảo luận và đưa ra các quyết định hiệu quả.</div> <div>♦ Công ty cũng đã bổ nhiệm Người phụ trách QTCT nhằm theo dõi, cập nhật và đánh giá hiệu quả công tác QTCT cũng như đảm bảo việc tuân thủ đầy đủ các quy định pháp luật trong lĩnh vực này.</div> | Tốt |
| <div>BẢO ĐẢM VAI TRÒ LÃNH ĐẠO HIỆU QUẢ VÀ TÍNH ĐỘC LẬP CỦA HĐQT</div> <div>03</div> | <div>♦ HĐQT hiện có 01 thành viên độc lập, 02 thành viên chuyên trách có nhiều kinh nghiệm trong lĩnh vực tài chính-đầu tư, là tiếng nói tham mưu quan trọng trong các quyết định; trong khi chỉ có 01 thành viên kiêm Giám đốc Công ty.</div> <div>♦ Quy chế nội bộ QTCT và Điều lệ Công ty đã quy định rõ về quyền hạn và trách nhiệm của HĐQT nhằm đảm bảo vai trò lãnh đạo một cách hiệu quả nhất. Thực tế cho thấy HĐQT đã phối hợp hỗ trợ Ban điều hành trong mọi hoạt động sản xuất kinh doanh, đồng thời đảm bảo lợi ích hợp pháp của cổ đông và các bên liên quan.</div> | Tốt |

ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH QUẢN TRỊ CÔNG TY

ĐÁNH GIÁ THEO TIÊU CHÍ CỦA BỘ NGUYÊN TẮC QTCT TỐT NHẤT ÁP DỤNG CHO CÔNG TY ĐẠI CHÚNG

| Tiêu chí | Thực hiện tại CNG Việt Nam | Đánh giá kết quả thực hiện |
|---|---|---|
| <div>THÀNH LẬP CÁC ỦY BAN THUỘC HĐQT</div> <div>04</div> | <div>♦ Căn cứ quy định pháp luật và nhu cầu nâng cao chất lượng công tác quản trị, Công ty có kế hoạch thành lập một số Ủy ban/Tiểu ban thuộc HĐQT trong thời gian tới.</div> | Khá |
| <div>BẢO ĐẢM HOẠT ĐỘNG HIỆU QUẢ CỦA HĐQT</div> <div>05</div> | <div>♦ HĐQT đánh giá hoạt động hàng năm của mình dựa trên các thông lệ tốt nhất và đặc biệt là mức độ hoàn thành kế hoạch kinh doanh do ĐHĐCĐ phê duyệt. Mức chi trả thù lao của các thành viên được căn cứ một cách khách quan, khoa học, minh bạch dựa trên năng lực, hiệu quả đóng góp vào công việc chung.</div> | Tốt |
| <div>THIẾT LẬP VÀ DUY TRÌ VĂN HOÁ ĐẠO ĐỨC</div> <div>06</div> | <div>♦ Công ty đã ban hành các văn bản lập quy nhằm xây dựng một môi trường làm việc trung thực, chuyên nghiệp, đặt mục tiêu chung lên hàng đầu. Có thể kể đến là các văn bản lập quy như: Bộ quy tắc ứng xử, Quy trình bán hàng và chăm sóc khách hàng, Đánh giá thi đua khen thưởng hàng quý, hàng năm... hay Cơ chế phản hồi thông qua Hội nghị người lao động.</div> <div>♦ HĐQT là người đứng đầu, chịu trách nhiệm về mức độ thành công của Công ty trong mọi mặt hoạt động, đảm bảo mang lại giá trị bền vững cho các bên liên quan. Hoạt động chuyên nghiệp, hiệu quả của HĐQT là kim chỉ nam, là tấm gương cho Ban Điều hành và nhân viên.</div> | Tốt |
| <div>THIẾT LẬP KHUNG QUẢN LÝ RỦI RO VÀ MÔI TRƯỜNG KIỂM SOÁT VỮNG MẠNH</div> <div>07</div> | <div>♦ Công ty hiện duy trì cơ chế Ban Kiểm soát và chưa thành lập bộ phận tuân thủ riêng biệt mà thay vào đó kiểm tra chéo giữa các phòng ban theo từng công việc theo chức năng quy định. Đồng thời, Công ty tổ chức các đoàn kiểm tra nội bộ để định kỳ kiểm tra, kiểm soát hoạt động của các đơn vị trực thuộc.</div> | Công ty đang thiết lập bộ phận Kiểm toán Nội bộ trực thuộc HĐQT để tăng cường công tác kiểm soát nội bộ hiệu quả. |

| Tiêu chí | Thực hiện tại CNG Việt Nam | Đánh giá kết quả thực hiện |
|--|---|----------------------------|
| <div>TĂNG CƯỜNG HOẠT ĐỘNG CBTT VÀ QUAN HỆ NHÀ ĐẦU TƯ/ THỰC HIỆN QUYỀN CỔ ĐÔNG</div> <div>08 09</div> | <div>♦ Hệ thống các văn bản lập quy trong lĩnh vực CBTT luôn được Công ty chú trọng, chẳng hạn như Quy chế nội bộ về QTCT, Điều lệ, Quy chế CBTT của Công ty.</div> <div>♦ HĐQT thường xuyên chỉ đạo việc thực hiện công bố thông tin cho các cổ đông theo đúng quy định hiện hành của Bộ Tài chính và Ủy ban Chứng khoán Nhà nước. Thông tin công bố được đăng tải bằng tiếng Việt và tiếng Anh trên website công ty một cách kịp thời, đầy đủ, chính xác.</div> <div>♦ CNG Việt Nam đẩy mạnh công bố các thông tin liên quan đến phát triển bền vững để đáp ứng nhu cầu của các bên liên quan. Công ty luôn thực hiện đầy đủ nghĩa vụ nộp thuế và các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của pháp luật, đảm bảo sự cân bằng và hài hòa lợi ích của các bên với sự đồng thuận cao giữa cổ đông và người lao động.</div> | Tốt |
| <div>TĂNG CƯỜNG THAM GIA HIỆU QUẢ CỦA CÁC BÊN CÓ QUYỀN LỢI LIÊN QUAN</div> <div>10</div> | <div>♦ CNG Việt Nam thực hiện gắn kết các bên liên quan thông qua các kênh đối thoại hiệu quả, qua đó có thể thực hiện các hành động để đứng ứng các mối quan tâm và kỳ vọng của họ. Ngoài ra, HĐQT thực hiện giám sát thông qua các cơ chế như: Quy định lựa chọn nhà thầu, Quy trình bán hàng và chăm sóc khách hàng, Quy chế thi đua khen thưởng, Hội nghị người lao động,...</div> | Tốt |

ĐÁNH GIÁ CỦA THÀNH VIÊN ĐỘC LẬP HĐQT

Thành viên độc lập HĐQT tiếp tục duy trì tương tác tích cực với HĐQT và Ban Điều hành, kịp thời thảo luận, tư vấn và đưa ra những giải pháp định hướng kịp thời, góp phần ứng phó với những diễn biến phức tạp của thị trường đầu khí trong bối cảnh khủng hoảng do Covid-19. Thành viên độc lập HĐQT đã tham gia đầy đủ các cuộc họp trong năm của HĐQT, và góp phần hoàn thiện các chính sách, công tác điều hành... bằng các kinh nghiệm và kiến thức chuyên môn của mình thông qua việc đóng góp ý kiến tại các buổi họp.

Đội ngũ lãnh đạo và điều hành đã làm việc tận tụy và chuyên nghiệp, cũng như phối hợp với nhau một cách nhịp nhàng vì lợi ích chung của Công ty và cổ đông để đạt được kết quả kinh doanh cao nhất trong bối cảnh thị trường đầu khí thế giới diễn biến khó lường.

HĐQT đã không ngừng cập nhật, cải thiện hoạt động của mình nhằm hướng đến các chuẩn mực quốc tế về Quản trị công ty. Nhờ vậy, kết quả hoạt động trong năm đã hoàn thành tốt kế hoạch do ĐHĐCĐ giao phó.

DANH SÁCH CÁC THÀNH VIÊN HĐQT CÓ CHỨNG CHỈ ĐÀO TẠO VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY

Các thành viên trong Ban lãnh đạo Công ty thường xuyên tham gia các chương trình về quản trị công ty nhằm phát huy năng lực hoạt động, sự đóng góp đối với quá trình hoạt động của CNG Việt Nam. Ý thức được vai trò quyết định của đội ngũ lãnh đạo, công tác đào tạo các chứng chỉ, chương trình về quản trị luôn được Công ty chú trọng.

| Stt | Họ và tên | Chức vụ |
|-----|------------------------|------------------------------|
| 1. | Bà Nguyễn Thị Hồng Hải | Chủ tịch HĐQT |
| 2. | Ông Vũ Văn Thực | Thành viên HĐQT kiêm GD |
| 3. | Ông Nguyễn Hữu Thắng | Thành viên HĐQT chuyên trách |
| 4. | Ông Bùi Văn Đản | Thành viên HĐQT chuyên trách |
| 5. | Bà Lê Thị Thu Giang | Thành viên độc lập HĐQT |

KẾ HOẠCH, ĐỊNH HƯỚNG CỦA HĐQT NĂM 2022

VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA HĐQT

Thực hiện và đảm bảo hoạt động của HĐQT tuân thủ theo đúng các quy định của pháp luật và điều lệ của Công ty.

Đảm bảo hoạt động của HĐQT luôn dựa trên lợi ích tốt nhất cho cổ đông và Công ty.

Thực hiện đầy đủ các các cuộc họp, trao đổi định kỳ đều đặn, nắm bắt kịp thời hoạt động kinh doanh của Công ty, chỉ đạo kịp thời đảm bảo việc hoàn thành kế hoạch sản xuất kinh doanh mà ĐHCĐ giao phó.

Tiếp tục hoàn thiện và triển khai công tác kiểm toán nội bộ theo đúng quy định pháp luật.

Lập kế hoạch và triển khai thực hiện công tác kiểm tra, giám sát các đơn vị theo chủ đề.

Đảm bảo quyền lợi của các cổ đông theo đúng các quy định của pháp luật.

Tiếp tục cải tiến hoàn thiện bộ máy HĐQT đáp ứng theo yêu cầu của quy định pháp luật về quản trị công ty áp dụng cho công ty đại chúng cũng như tiến tới chuẩn mực quốc tế.

VỀ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

Đảm bảo hiệu quả hoạt động SXKD, đẩy mạnh công tác phát triển, mở rộng thị trường, quảng bá thương hiệu CNG Việt Nam để chiếm lĩnh thị phần tạo tiền đề kinh doanh sản phẩm LNG; chuẩn bị cơ sở vật chất, thiết bị và các phương án để sẵn sàng kinh doanh LNG theo kế hoạch nhập khẩu LNG của PV Gas.

Vận hành và khai thác hiệu quả hệ thống CNG, đảm bảo công tác an ninh, an toàn trên tất cả các công trình khí hiện có của Công ty, đảm bảo cấp khí liên tục cho khách hàng.

Liên tục cập nhật tình hình dịch bệnh và diễn biến giá dầu thế giới; chủ động sẵn sàng các phương án phòng, chống dịch Covid-19 và xây dựng các kịch bản giá dầu để có giải pháp SXKD phù hợp với tình hình thực tế.

Nâng cao hiệu quả công tác quản trị nội bộ, từng bước số hóa, tinh gọn hệ thống quản lý của Công ty.

Tái cấu trúc, sắp xếp lại cơ cấu tổ chức, chức năng nhiệm vụ của các Đơn vị theo tình hình thực tế SXKD của Công ty; nâng cao hiệu quả sử dụng nguồn nhân lực đáp ứng yêu cầu của hoạt động SXKD.

Tập trung triển khai thực hiện các dự án đầu tư trọng điểm nhằm đáp ứng, phục vụ nhu cầu hoạt động SXKD của Công ty đảm bảo an toàn, chất lượng, tiến độ, hiệu quả.

CƠ CẤU VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT

| Stt | Họ và tên | Chức vụ | Ngày bổ nhiệm | Ngày miễn nhiệm | Số buổi họp tham dự | Tỷ lệ tham dự buổi họp (%) | Lý do |
|-----|--------------------|----------------|---------------|-----------------|---------------------|----------------------------|------------------------------|
| 1 | Phan Thị Kim Thoa | Trưởng BKS | 11/4/2017 | | 2/2 | 100% | |
| 2 | Nguyễn Thị Kim Yến | Kiểm soát viên | | 18/5/2021 | 0/2 | 0% | Miễn nhiệm từ ngày 18/5/2021 |
| 3 | Nguyễn Quang Bá | Kiểm soát viên | 11/4/2017 | | 2/2 | 100% | |
| 4 | Lê Thị Thanh Huyền | Kiểm soát viên | 18/5/2021 | | 2/2 | 100% | |

CÁC NHIỆM VỤ ĐÃ ĐƯỢC BKS TRIỂN KHAI TRONG NĂM

- Tham gia đầy đủ các phiên họp HĐQT, kịp thời nắm bắt tình hình hoạt động của Công ty, tích cực tham gia đóng góp ý kiến, thường xuyên có những kiến nghị kịp thời nhằm hoàn thiện chính sách, quy trình, quy chế nâng cao năng lực quản trị điều hành và ngăn ngừa rủi ro trong hoạt động của Công ty.
- Xem xét, thẩm định báo cáo tài chính Quý, soát xét 6 tháng và năm của Công ty.
- Giám sát, kiểm tra việc quyết toán vốn đầu tư và hiệu quả đầu tư của công trình.



KẾT QUẢ GIÁM SÁT ĐỐI VỚI THÀNH VIÊN HĐQT VÀ BAN ĐIỀU HÀNH

01 VỀ THỰC THI NHIỆM VỤ, QUYỀN HẠN CỦA HĐQT, BAN GIÁM ĐỐC

- HĐQT, Ban Giám đốc đã thực thi đúng quyền hạn và nghĩa vụ với tinh thần trách nhiệm cao, vì lợi ích hợp pháp của Công ty và cổ đông. HĐQT đã bám sát các mục tiêu, định hướng ĐHCĐ quyết nghị để triển khai các nhiệm vụ cụ thể. Ban Giám đốc căn cứ nghị quyết, quyết định của HĐQT triển khai nhiệm vụ một cách kịp thời và có những ứng xử linh hoạt để đạt được kết quả tốt nhất.
- Lãnh đạo Công ty đã chú trọng thực hiện các biện pháp bảo toàn vốn, công tác thu hồi công nợ được quan tâm sâu sát, sử dụng nhiều biện pháp để thu hồi, thực hiện trích lập quỹ dự phòng tài chính đầy đủ, đúng quy định.

02 VỀ VIỆC TUÂN THỦ CÁC QUI ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT TRONG QUẢN LÝ, ĐIỀU HÀNH

- Công tác đầu tư: Đầu tư tài sản cố định của Công ty đã thực hiện đúng Điều lệ. Công tác đầu tư xây dựng được thực hiện tuân thủ đúng các quy định của Luật đấu thầu, Luật xây dựng, các quy định về quản lý chất lượng, quản lý chi phí xây dựng công trình.
- Chế độ báo cáo: Công ty đã chấp hành tốt quy định về công bố thông tin đối với công ty niêm yết. Báo cáo tài chính, báo cáo quản trị, báo cáo thường niên, báo cáo về giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ, mua bán cổ phiếu quỹ, tạm ứng cổ tức, thay đổi, bổ sung nhân sự cấp cao...được công bố kịp thời, đăng tải đầy đủ trên website Công ty, tạo điều kiện cung cấp thông tin chính thống cho cổ đông, nhà đầu tư.

03 VỀ CÔNG TÁC KIỂM TOÁN VÀ THẨM ĐỊNH BCTC

- Báo cáo tài chính quý, báo cáo 6 tháng, báo cáo năm được chuẩn bị một cách khoa học, chính xác và phù hợp với quy định của pháp luật.
- BKS đã triển khai thẩm định và thống nhất với báo cáo của Ban điều hành và ý kiến đánh giá của PwC Việt Nam về kết quả báo cáo tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2021.
- BCTC của Công ty được PwC Việt Nam đánh giá là phản ánh trung thực và hợp lý các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh cũng như tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021. Các hoạt động của Công ty rõ ràng, minh bạch theo các chuẩn mực Kế toán và Hệ thống Kế toán Việt Nam.

04 VIỆC BAN HÀNH CÁC QUI CHẾ, QUI ĐỊNH NỘI BỘ

- Được thực hiện chặt chẽ, cẩn trọng trên cơ sở thực tiễn doanh nghiệp và phù hợp với quy định của pháp luật. Thông qua các ý kiến đóng góp vào dự thảo đã phát huy được trí tuệ tập thể, do đó các quy định khi ban hành có tính khả thi cao, thực sự là công cụ hữu hiệu phục vụ công tác quản lý, điều hành.

ĐÁNH GIÁ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT

Ban Kiểm soát hiện tại có 03 thành viên. Với kiến thức và kinh nghiệm lâu năm trong lĩnh vực tài chính, các thành viên Ban Kiểm soát luôn xác định được vai trò trách nhiệm thực hiện kiểm soát các hoạt động của Công ty theo qui định nhằm bảo vệ lợi ích cao nhất cho các cổ đông của CNG Việt Nam.

Trong suốt năm vừa qua, Ban Kiểm soát đã nỗ lực giám sát hoạt động kinh doanh, phát hiện và ngăn chặn kịp thời những vấn đề sai phạm, sai sót nhằm

đảm bảo hoạt động Công ty theo đúng qui định của pháp luật và Điều lệ cũng như thực hiện các Nghị quyết ĐHCĐ đề ra hàng năm. Đồng thời, Ban Kiểm soát cũng tham gia đầy đủ các phiên họp của HĐQT, kịp thời nắm bắt tình hình hoạt động của Công ty, tích cực tham gia đóng góp ý kiến cũng như thường xuyên có những kiến nghị kịp thời nhằm hoàn thiện chính sách, quy trình, quy chế, nâng cao năng lực quản trị điều hành và ngăn ngừa rủi ro trong hoạt động của Công ty.

SỰ PHỐI HỢP HOẠT ĐỘNG GIỮA BKS ĐỐI VỚI HOẠT ĐỘNG CỦA HĐQT, BGĐ VÀ CÁC BỘ PHẬN QUẢN LÝ KHÁC

BKS luôn phối hợp chặt chẽ và hỗ trợ HĐQT, BGĐ trong các hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

BKS phối hợp với HĐQT trong việc cải thiện quy trình quản trị rủi ro và hệ thống kiểm soát nội bộ.

KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG CỦA BKS NĂM 2022

ĐỂ THỰC HIỆN TỐT CÔNG TÁC SOÁT XÉT THEO LUẬT DOANH NGHIỆP VÀ ĐIỀU LỆ CÔNG TY, BAN KIỂM SOÁT XÂY DỰNG KẾ HOẠCH LÀM VIỆC NHƯ SAU:

Thực hiện giám sát Hội đồng Quản trị và Ban điều hành trong việc quản lý điều hành Công ty.

Tiếp tục thực hiện nhiệm vụ kiểm tra giám sát các hoạt động điều hành quản lý kinh doanh theo chức năng, nhiệm vụ quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.

Giám sát việc chấp hành Điều lệ và các quy chế, quy trình quản lý nội bộ của Công ty.

Giám sát, kiểm tra việc quyết toán vốn đầu tư và hiệu quả xây lắp tại các công trình.

Cử các thành viên trong Ban Kiểm soát tham gia các lớp đào tạo nâng cao trình độ chuyên môn, tham gia đầy đủ các hội nghị chuyên ngành liên quan đến công tác kiểm soát.

Tăng cường phối hợp chặt chẽ giữa các thành viên Ban Kiểm soát tại các đơn vị với bộ phận kiểm soát nội bộ để thực hiện công tác kiểm tra, giám sát.

Xem xét thẩm định báo cáo tài chính quý, năm của Công ty.

HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2021: DUY TRÌ ĐÀ TĂNG TRƯỞNG, VƯỢT QUA THÁCH THỨC

Năm 2021 là một năm khó khăn khi CNG Việt Nam triển khai kế hoạch sản xuất kinh doanh trong điều kiện dịch bệnh Covid-19 diễn biến phức tạp, kéo dài, lan rộng hầu khắp các tỉnh thành trên toàn quốc và đặc biệt nghiêm trọng ở các tỉnh phía Nam, có những thời điểm hơn 40 nhà máy/khách hàng của Công ty tạm dừng sản xuất.

Trước tình hình đó, Ban Lãnh đạo Công ty đã nỗ lực triển khai thực hiện nhiều giải pháp đồng bộ về công tác an toàn – phòng chống dịch, quản trị và thị trường. Cùng với sự chỉ đạo sát sao và hỗ trợ kịp thời từ Tổng Công ty Khí Việt Nam (PV Gas), CNG Việt Nam đã hoàn thành xuất sắc mục tiêu kép của năm 2021 – Hoàn thành xuất sắc các chỉ tiêu về sản lượng, doanh thu, lợi nhuận, tiếp tục mở rộng thị phần, phát triển thị trường song song với sản xuất an toàn, phòng chống dịch hiệu quả.

Cụ thể, với các giải pháp phát triển và chăm sóc khách hàng hiệu quả ở cả hai miền Bắc-Nam, Công ty đã đưa thêm 09 nhà máy/khách hàng mới vào nhận khí trong năm qua. Sản lượng tiêu thụ CNG thực hiện năm 2021 đạt 274,31 triệu Sm³, vượt xấp xỉ 13% so với kế hoạch ĐHCĐ giao phó, tăng mạnh 21% so với năm 2020. Đến cuối năm 2021, hoạt động cung cấp CNG của Công ty đã chiếm đến 71% thị phần cả nước.

| Stt | Các chỉ tiêu chính | Đvt | Năm 2021 | | | Năm 2020 | |
|-----|----------------------|-----------------------|----------|-----------|-----------------|-----------|---------------------|
| | | | Kế hoạch | Thực hiện | Tỷ lệ TH/KH (%) | Thực hiện | Tỷ lệ 2021/2020 (%) |
| I | Tổng sản lượng CNG | Triệu Sm ³ | 243,0 | 274,31 | 112,9% | 227,0 | 120,9% |
| 1 | Miền Nam | Triệu Sm ³ | 183,0 | 205,5 | 112,3% | 177,2 | 116,0% |
| 2 | Miền Bắc | Triệu Sm ³ | 60,0 | 68,81 | 114,7% | 49,8 | 138,1% |
| II | Tổng doanh thu | Tỷ đồng | 2.371,3 | 3.063,4 | 129,2% | 2.351,1 | 130,3% |
| III | Lợi nhuận trước thuế | Tỷ đồng | 60,1 | 107,6 | 179,1% | 65,4 | 164,6% |
| IV | Lợi nhuận sau thuế | Tỷ đồng | 48,1 | 82,3 | 171,2% | 51,0 | 161,3% |

| | |
|-----------------------|---|
| Triệu Sm ³ | Sản lượng tiêu thụ CNG năm 2021 |
| | vượt 13% so với kế hoạch, tăng 21% so với năm 2020 và chiếm 71% thị phần cả nước. |
| Tỷ đồng | Tổng doanh thu |
| | tăng 30,3% so với năm 2020 |

Bên cạnh yếu tố sản lượng, giá nhiều liệu gia tăng khi nền kinh tế mở cửa trở lại đã giúp doanh thu và lợi nhuận vượt kế hoạch và tăng trưởng mạnh so với năm trước. Theo đó, tổng doanh thu của Công ty năm 2021 đạt 3.063,4 tỷ đồng, tăng vượt bậc 30,3% so với thực hiện năm 2020 và vượt 29,2% so với kế hoạch đề ra. Lợi nhuận trước thuế ghi nhận 107,6 tỷ đồng, tương ứng vượt kế hoạch 79,1% và tăng 64,6% so với năm trước; Lợi nhuận sau thuế đạt 82,3 tỷ đồng, vượt 71,2% kế hoạch và tăng trưởng 61,3% so với năm 2020.



AN TOÀN LAO ĐỘNG: ĐẢM BẢO MỤC TIÊU KÉP SẢN XUẤT AN TOÀN, PHÁT TRIỂN KINH DOANH

Năm 2021, Công ty chuyển sang trạng thái thích ứng với dịch Covid-19, đảm bảo hoàn thành mục tiêu kép: sản xuất an toàn, phát triển kinh doanh. Công ty đã kịp thời triển khai các kế hoạch, biện pháp đồng bộ phòng chống dịch hiệu quả, phù hợp diễn biến dịch bệnh từng giai đoạn theo chỉ đạo chung của Chính phủ, các kế hoạch phòng chống dịch cụ thể phù hợp theo phạm vi quản lý của cơ sở ở từng địa phương nơi có hoạt động của đơn vị.

Tích cực phối hợp đầu nối các đơn vị, cơ quan chức năng và Tổng Công ty, kết hợp các nguồn để thực hiện tiêm đủ 02 mũi vắc xin cho CBCNV. Trang bị dụng cụ, phương tiện bảo vệ: Khẩu trang 61.550, quần áo BH 430 bộ, dung dịch nước rửa tay 1.146 lít, hóa chất khử trùng 68 kg, găng tay y tế 1.050 đôi, CN Phú Mỹ có 01 buồng khử khuẩn. Các thiết bị kiểm soát hỗ trợ: Máy đo thân nhiệt cầm tay 04 máy, máy tạo oxy hỗ trợ thở 05 máy. Trang bị bộ kit test nhanh cho CBCNV tự thực hiện, tần suất từ 3-7 ngày tùy yêu cầu công việc và đối tượng làm việc theo từng giai đoạn.

Cập nhật, ban hành các văn bản chỉ đạo, hướng dẫn hoạt động phòng chống dịch của các cơ quan nhà nước, của địa phương, của PV Gas và của Công ty đầy đủ, kịp thời. Gửi công văn đến các cơ quan chức năng, địa phương để tháo gỡ những khó khăn,

vướng mắc trong phòng chống dịch kết hợp bảo đảm hoạt động SXKD của Công ty.

Về công tác ATCLMT, Ban Lãnh đạo đã luôn cam kết và đảm bảo cung cấp các nguồn lực cần thiết cho việc thiết lập, thực hiện, duy trì và cải tiến thường xuyên hệ thống quản lý ATCLMT bao gồm: con người, cơ sở hạ tầng, môi trường vận hành các quá trình, hệ thống quản lý tích hợp.

CNG Việt Nam đã hoàn thành chương trình đánh giá giám sát định kỳ duy trì chứng nhận HTQL ATCLMT theo tiêu chuẩn ISO 9001: 2015, ISO 14001: 2015, ISO 45001: 2018 bằng hình thức trực tuyến vào tháng 9/2021, hoàn thành các thủ tục để tiếp tục duy trì chứng nhận HTQL của công ty. Công tác an ninh an toàn, phòng cháy chữa cháy đã thực hiện tốt, không có tai nạn lao động, không có sự cố gây thiệt hại nghiêm trọng đến tài sản, môi trường, ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Công tác tuyên truyền, huấn luyện về an toàn vệ sinh lao động, phòng cháy chữa cháy được thực hiện thường xuyên và định kỳ, giúp CBCNV nâng cao ý thức trách nhiệm về an toàn nơi làm việc. Thực hiện đầy đủ và chặt chẽ công tác huấn luyện, giám sát an toàn nhà thầu. Thực hiện tốt công tác BDSC đã góp phần ngăn ngừa sự cố thiết bị, ảnh hưởng đến sản xuất.

NÂNG CAO UY TÍN THƯƠNG HIỆU, HỖ TRỢ CÔNG TÁC BÁN HÀNG

Công ty đã hoàn tất nâng cấp bộ nhận diện thương hiệu mới, bộ tài liệu bán hàng, thiết kế mới website của Công ty với giao diện thân thiện, nội dung cập nhật chuyên sâu để có thể tiếp cận rộng rãi khách hàng tiềm năng mà không bị giới hạn phạm vi địa

lý. Công ty cũng đã tích cực triển khai các hoạt động quảng bá hình ảnh, quảng bá sản phẩm CNG, LNG, LPG bằng Digital Marketing và bảng quảng cáo ngoài trời, quảng cáo trên xe buýt,... để không ngừng phát triển thương hiệu CNG Việt Nam trở thành thương hiệu uy tín, chất lượng và phổ biến khắp cả nước.

Song song với các hoạt động marketing để quảng bá thương hiệu cũng như sản phẩm nhiên liệu xanh đến thị trường, công tác quan hệ và chăm sóc khách hàng luôn được Công ty chú trọng với phương pháp làm việc khoa học, hiệu quả.



ĐỐI VỚI CÁC KHÁCH HÀNG TIỀM NĂNG:

CNG Việt Nam tiếp tục đẩy mạnh công tác quan hệ khách hàng và phát triển thị trường thông qua tiếp xúc và các chính sách phát triển thị trường, chính sách bán hàng, chính sách tín dụng và các chương trình hỗ trợ hợp lý.



ĐỐI VỚI CÁC KHÁCH HÀNG HIỆN HỮU:

Công ty thắt chặt mối quan hệ, tìm hiểu tình hình sản xuất kinh doanh để có chính sách hấp dẫn nhằm gia tăng sản lượng tiêu thụ và các chính sách hỗ trợ khác.

Công ty tăng cường công tác kiểm soát chất lượng, khối lượng sản phẩm khí:

- Cập nhật, tính toán, báo cáo số liệu khí chênh lệch hàng tháng giữa Công ty với đơn vị cung cấp khí và với các khách hàng sử dụng khí CNG theo quy trình CNG.QTHĐ.06, cho thấy số liệu chênh lệch khí nằm trong phạm vi cho phép $\pm 1\%$.
- Thống kê, theo dõi và báo cáo chất lượng khí (thành phần khí) của nhà cung cấp khí đầu vào hàng quý so với thành phần khí được quy định trong hợp đồng mua bán khí, cho kết quả ghi nhận là phù hợp.
- Các thiết bị theo dõi và đo lường lưu lượng khí được kiểm định, hiệu chuẩn theo định kỳ để đảm bảo đo đếm khí chính xác.



ĐỐI VỚI CÔNG TÁC HẬU MÃI/CHĂM SÓC KHÁCH HÀNG:

Định kỳ mỗi 6 tháng, Công ty thực hiện đánh giá sự thỏa mãn của khách hàng theo Quy trình bán khí CNG và chăm sóc khách hàng, nhằm để không ngừng cải thiện chất lượng sản phẩm, dịch vụ, gia tăng sự gắn bó của khách hàng, gia tăng uy tín thương hiệu. Sự thỏa mãn của khách hàng được đánh giá căn cứ vào 08 yếu tố:

- | | | | | |
|--|---|---|---|---|
| 01 | 02 | 03 | 04 | 05 |
| Chất lượng khí CNG do Công ty cung cấp | Thời gian giao khí CNG đến kho của khách hàng | Thái độ, tác phong làm việc và nghiệp vụ của Nhân viên Vận hành | Thái độ, tác phong làm việc và nghiệp vụ của Nhân viên Kinh doanh | Thái độ, tác phong làm việc và nghiệp vụ của Nhân viên Kế toán thanh toán |
| 06 | 07 | 08 | Tất cả các phản hồi, ý kiến của khách hàng đều được các đơn vị ghi nhận, phản hồi khách hàng trong vòng 03 ngày làm việc. Những tiêu chí khách hàng chưa hoàn toàn thỏa mãn trong năm đều được các đơn vị, bộ phận chức năng lập kế hoạch thực hiện hành động khắc phục, hướng đến thỏa mãn nhu cầu khách hàng. | |
| Thái độ, tác phong làm việc và nghiệp vụ của Nhân viên Kế toán công nợ | Thái độ, tác phong làm việc và nghiệp vụ của Tài xế | Cách xử lý các khiếu nại, kiến nghị (giá, sản lượng, thanh toán...) | | |

| Mức độ thỏa mãn | Kết quả | | | | So sánh tăng/giảm |
|------------------------|---------|--------|--------|---------|-------------------|
| | 2018 | 2019 | 2020 | 2021 | |
| Mức 5 (rất thỏa mãn) | 18% | 15% | 43,24% | 33,33 % | Giảm |
| Mức 4 (thỏa mãn) | 51,5% | 72,5% | 48,65% | 58,97 % | Tăng |
| Mức 3 (chấp nhận được) | 27,2% | 12,5 % | 8,11 % | 7,69 % | Giảm |
| Mức 2 (không thỏa mãn) | 3,3 % | 0 | 0 | 0 | |
| Mức 1 (rất kém) | | 0 | 0 | 0 | |

HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ – XÂY DỰNG: XÂY DỰNG CÁC TRẠM CẤP KHÍ LNG - ĐƯA VÀO SỬ DỤNG HỆ THỐNG CNG TẠI MIỀN BẮC

Hoạt động đầu tư - xây dựng của CNG Việt Nam nhằm mục đích phát triển năng lực sản xuất, kinh doanh để tạo thế chủ động và chiếm lĩnh thị trường, phát triển cơ sở hạ tầng để phục vụ chiến lược phát triển bền vững của Công ty. Toàn bộ quá trình đầu tư - xây dựng các dự án của CNG Việt Nam đảm bảo tuân thủ theo các quy định hiện hành và chịu sự kiểm tra, giám sát nghiêm ngặt nên luôn đảm bảo chất lượng công trình và đúng mục tiêu và nguồn vốn của dự án.

Công tác đầu tư xây dựng được triển khai tích cực, bám sát kế hoạch, tiến độ đề ra. Tổng giá trị giải ngân vốn đầu tư trong kỳ 2021 (giá trị khối lượng thực hiện) đạt 249,17 tỷ đồng, không xảy ra tình trạng nợ đọng hay lãng phí, thất thoát vốn đầu tư. Công việc thực hiện năm 2021 của một số dự án lớn cụ thể như sau:

DỰ ÁN MUA HỆ THỐNG CNG TẠI MIỀN BẮC

Đầu tư Dự án mua hệ thống CNG tại miền Bắc là cơ hội lớn đối với CNG Việt Nam để giành thế chủ động trong toàn bộ quá trình sản xuất, vận chuyển và phân phối CNG, chiếm lĩnh thị trường miền Bắc, tạo tiền đề cho kinh doanh LNG trong tương lai gần.

- **Tiến độ thực hiện:** Đúng tiến độ.
- **Công việc thực hiện trong năm:** Nghiệm thu và bàn giao đưa vào sử dụng.
- **Khối lượng thực hiện và giá trị thực hiện:** 218,02 tỷ đồng.

TRẠM CẤP KHÍ LNG TÔN ĐÔNG Á 2 – BÌNH DƯƠNG

Tạm dừng lập dự án do chưa thỏa thuận được phương án đầu tư với khách hàng.

TRẠM CẤP KHÍ LNG THUẬN ĐẠO LONG AN

- **Công việc thực hiện trong năm:** Hoàn thành Lập Báo cáo nghiên cứu khả thi.
- **Tiến độ thực hiện:** Đến thời điểm báo cáo chậm 2 tháng do chưa có công trình tương tự nên cơ quan PCCC chậm thẩm duyệt PCCC.
- **Khối lượng và giá trị khối lượng thực hiện:** 0,28 tỷ đồng.

TRẠM CẤP KHÍ LNG TRUNG NGUYÊN BÌNH THUẬN

- **Công việc thực hiện trong năm:** Hoàn thành Lập Báo cáo nghiên cứu khả thi.
- **Tiến độ thực hiện:** Đến thời điểm báo cáo chậm 2 tháng do dịch bệnh, cơ quan PCCC không tiếp nhận hồ sơ PCCC.

TRẠM CẤP KHÍ LNG MỸ PHƯỚC 3

- **Công việc thực hiện trong năm:** Lập Báo cáo nghiên cứu khả thi.
- **Tiến độ thực hiện:** Đến thời điểm báo cáo đúng tiến độ.
- **Khối lượng và giá trị khối lượng thực hiện:** 0,09 tỷ đồng

DỰ ÁN TRỤ SỞ VĂN PHÒNG CNG VIỆT NAM

Đầu tư xây dựng "Trụ sở văn phòng CNG Việt Nam" với mô hình văn phòng xanh thoáng mát, thân thiện với môi trường đáp ứng nhu cầu mở rộng, chiến lược phát triển bền vững của Công ty cũng như phát triển CNG Việt Nam trở thành thương hiệu có uy tín trong nước và khu vực.

- **Công việc thực hiện trong năm:** Thi công xây dựng và hoàn thiện công trình.
- **Khối lượng thực hiện và giá trị thực hiện:** 20,53 tỷ đồng.

NHÂN SỰ VÀ CƠ CẤU TỔ CHỨC: ĐẢM BẢO CHẾ ĐỘ PHÚC LỢI TRONG MÔI TRƯỜNG KINH DOANH NHIỀU BIẾN ĐỘNG

Công ty đã thực hiện đầy đủ các chủ trương chính sách của Nhà nước liên quan đến Người lao động và thực hiện tốt thỏa ước lao động tập thể, góp phần không ngừng cải thiện đời sống vật chất và tinh thần cho NLĐ. Công ty tiếp tục thực hiện đúng Quy chế dân chủ và hướng dẫn đối thoại tại nơi làm việc, các câu hỏi và thắc mắc của NLĐ được Công ty xử lý kịp thời, thỏa đáng theo đúng Quy định. Mặc dù điều kiện làm việc có nhiều khó khăn do dịch bệnh Covid-19, song NLĐ vẫn hăng hái, nhiệt huyết, hoàn thành tốt công việc được giao để góp phần thực hiện mục tiêu chung. Bên cạnh

đó, BCH Công đoàn cũng tích cực tuyên truyền, triển khai Văn hóa doanh nghiệp một cách thiết thực, thông qua các phong trào thi đua hoàn thành kế hoạch SXKD, phong trào sáng kiến cải tiến, phong trào ATVSLĐ, thi tìm hiểu kiến thức phòng chống dịch bệnh Covid-19...

Số lượng CBCNV tính đến hết 31/12/2021 là 271 người, mức tiền lương bình quân ước thực hiện trong năm đạt 20 triệu đồng/người/tháng. Bên cạnh lương thưởng, Công ty còn duy trì nhiều chế độ phúc lợi như:

Công ty tổ chức khám sức khỏe định kỳ, khám bệnh nghề nghiệp định kỳ hàng năm cho toàn thể CBCNV Công ty;

Chế độ trang bị bảo hộ lao động đầy đủ, đúng quy định của pháp luật đảm bảo an toàn lao động, giảm thiểu tác động của môi trường làm việc tới sức khỏe người lao động;

Các chế độ phúc lợi khác: Trợ cấp xăng xe hàng tháng, tiền tàu xe khi CBCNV nghỉ phép, sinh nhật, ma chay, cưới hỏi, tham quan du lịch hàng năm;

Bảo hiểm y tế, bảo hiểm tai nạn tự nguyện...

HOẠT ĐỘNG ĐÀO TẠO NGƯỜI LAO ĐỘNG:

Công tác đào tạo trong năm 2021 được xác định là mục tiêu quan trọng nhằm nâng cao tay nghề, trình độ chuyên môn của người lao động, phát triển nguồn nhân lực để chuẩn bị nhân sự cho các dự án mới của Công ty, cụ thể đã tổ chức được 33 khóa đào tạo, với 1.326 lượt người, tương ứng chi phí 1,78 tỷ đồng.

100% NLĐ được đào tạo, phổ biến TƯLĐTT, NQLĐ, Văn hóa doanh nghiệp, Quy định về BHLĐ và an toàn lao động trước khi ký Hợp đồng lao động (HĐLĐ) với Công ty. Ngoài ra, Công ty tập trung, chú trọng hướng tới các khóa đào tạo phát triển kỹ năng góp phần hỗ trợ người lao động trong công việc tác nghiệp thường nhật (ngoại ngữ, tin học ứng dụng, ...).

Về cơ cấu tổ chức: Bổ sung thêm các chức năng nhiệm vụ và thành lập các Tổ/Kíp trong Phòng/Trung tâm trực thuộc Chi nhánh Miền Bắc đảm bảo đáp ứng được yêu cầu của hoạt động sản xuất kinh doanh sau khi tiếp nhận hệ thống CNG tại miền Bắc theo chủ trương tái

cấu trúc, chuyên môn hóa kinh doanh các sản phẩm khí của Tập đoàn và Tổng Công ty Khí Việt Nam.

Về nhân sự: Thực hiện chính sách điều động, bổ nhiệm nhân sự một cách hợp lý nhằm đáp ứng nhu cầu sản xuất kinh doanh theo từng thời điểm. Tăng cường công tác đào tạo giúp nâng cao năng lực, trình độ, tay nghề của CBCNV đáp ứng nhu cầu công việc, định hướng phát triển sắp tới của Công ty. Thực hiện và cải cách các chính sách đãi ngộ đối với người lao động theo hiệu quả công việc, phù hợp với thị trường lao động nội bộ ngành.

Về chính sách, quản trị nội bộ: Áp dụng thành tựu của khoa học quản lý trong hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, cụ thể trên cơ sở cơ cấu tổ chức và chức năng nhiệm vụ được rà soát ban hành lại; Công ty tiếp tục xây dựng bộ chỉ tiêu đánh giá hiệu quả công việc (KPIs) làm cơ sở đánh giá hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh.

| | |
|--------------|-------|
| Khóa đào tạo | 33 |
| Lượt người | 1.326 |
| Tỷ đồng | 1,78 |



The infographic features a large green square with rounded corners. Inside, a white horizontal line and a white vertical line intersect to form a cross. The number '1,76' is displayed in large white font in the top-right quadrant. In the bottom-left quadrant, the text 'Tỷ lệ' is positioned above 'đồng'. In the bottom-right quadrant, the text 'Chi phí dành cho hoạt' is positioned above 'động cộng đồng'.

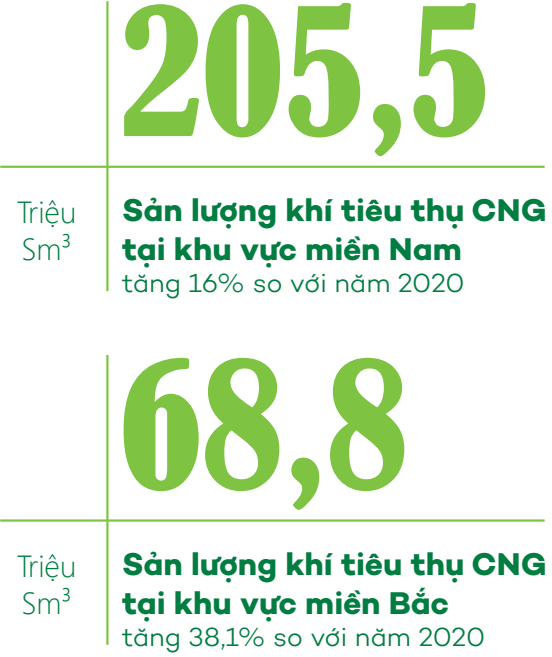
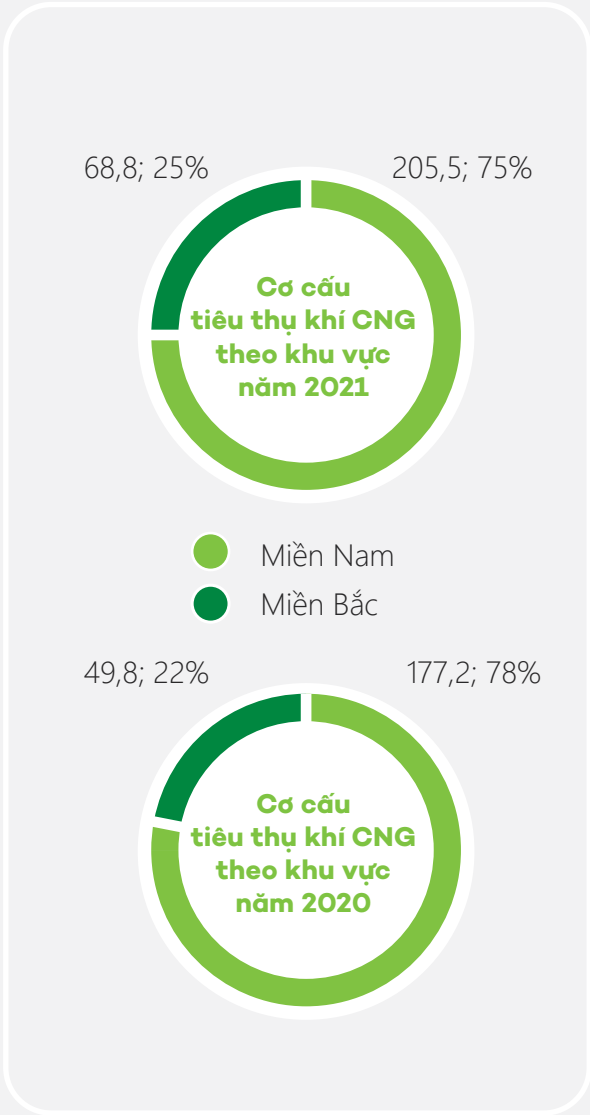
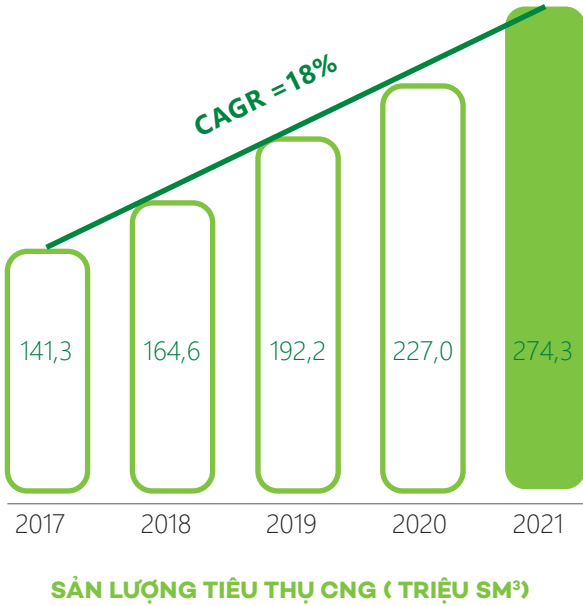
| Chỉ số | Giá trị |
|--------------------------------------|---------|
| Tỷ lệ đồng | 1,76 |
| Chi phí dành cho hoạt động cộng đồng | |



PHÂN TÍCH TÀI CHÍNH

| KẾT QUẢ KINH DOANH (Tỷ đồng) | 2017 | 2018 | 2019 | 2020 | 2021 | 2021 so với 2020 |
|--|---------|---------|---------|---------|---------|---------------------|
| Doanh thu thuần | 1.314,7 | 1.819,2 | 2.130,4 | 2.337,9 | 3.057,7 | 30,8% |
| Giá vốn hàng bán | 1.077,5 | 1.582,6 | 1.941,1 | 2.187,6 | 2.849,1 | 30,2% |
| Lợi nhuận gộp | 237,2 | 236,6 | 189,2 | 150,3 | 208,6 | 38,8% |
| Doanh thu hoạt động tài chính | 9,7 | 11,6 | 13,5 | 10,7 | 4,3 | -60,2% |
| Chi phí tài chính | 2,0 | 0,1 | 0,0 | 0,0 | 0,4 | - |
| Trong đó: Chi phí lãi vay | 2,0 | 0,1 | 0,0 | 0,0 | 0,4 | - |
| Chi phí bán hàng | 27,9 | 34,4 | 24,9 | 25,5 | 26,8 | 5,0% |
| Chi phí quản lý doanh nghiệp | 74,6 | 75,1 | 72,9 | 72,6 | 76,5 | 5,3% |
| Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh | 142,3 | 138,6 | 104,9 | 62,8 | 109,2 | 73,9% |
| Thu nhập khác | 0,1 | 7,3 | 2,9 | 2,5 | 1,4 | -44,4% |
| Chi phí khác | 0,1 | 0,66 | 0,1 | 0,0 | 3,0 | - |
| Lợi nhuận khác | 0,1 | 6,6 | 2,7 | 2,5 | (1,6) | -164,4% |
| Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế | 142,4 | 145,2 | 107,6 | 65,4 | 107,6 | 64,5% |
| Lợi nhuận sau thuế | 109,3 | 114,3 | 84,3 | 51,0 | 82,3 | 61,4% |

SẢN LƯỢNG CNG
TIÊU THỤ ĐẠT 274,3 TRIỆU SM³,
TĂNG 20,9% SO VỚI
NĂM TRƯỚC



Năm 2021, CNG Việt Nam tiếp tục duy trì đà tăng trưởng sản lượng, với tổng lượng CNG tiêu thụ đạt 274,3 triệu Sm³, tăng 20,9% so với năm trước và đạt tăng trưởng kép (CAGR) 18% trong giai đoạn 5 năm vừa qua. Điều này có được là nhờ Công ty tích cực bám sát diễn biến thị trường dầu khí thế giới và có những giải pháp linh hoạt để vượt qua giai đoạn khó khăn do dịch Covid-19 bùng phát mạnh, đặc biệt là trong Quý 3.

Mặc dù bị ảnh hưởng nặng nề do Covid-19, sản lượng khí tiêu thụ CNG tại khu vực miền Nam vẫn duy trì mức cao đạt 205,5 triệu Sm³, tăng 16% so với năm 2020; trong khi sản lượng tại khu vực miền Bắc tăng 38,1% đạt 68,8 triệu Sm³.

PHÂN TÍCH TÀI CHÍNH

DOANH THU BÁN KHÍ ĐẠT 3.057,7 TỶ ĐỒNG, TĂNG MẠNH 30,8% SO VỚI NĂM TRƯỚC. BIÊN LỢI NHUẬN GỘP TĂNG LÊN MỨC 6,8%

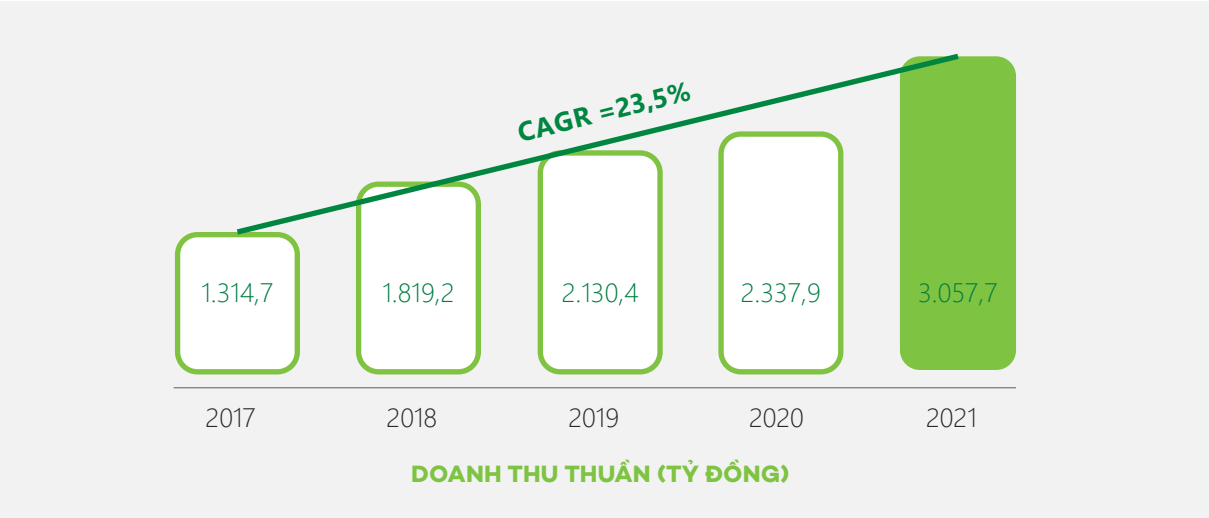
Doanh thu từ hoạt động bán khí năm 2021 đạt 3.057,7 tỷ đồng, tăng mạnh 30,8% so với năm trước, duy trì tăng trưởng doanh thu thuần (CAGR) trong giai đoạn 5 năm gần đây ở mức 23,5%. Điều này đã giúp tổng doanh thu (bao gồm cả doanh thu tài chính và doanh thu khác) của Công ty đạt 3.063,4 tỷ đồng, bằng 129% so với kế hoạch ĐHĐCĐ giao phó. Bên cạnh sản lượng liên tục được cải thiện, giá đầu khí thế giới tăng khi dịch Covid-19 dần được khống chế và nguồn cung thiếu hụt giúp doanh thu tăng trưởng đáng kể.

Tỷ đồng

3.057,7

Doanh thu bán khí tăng mạnh 30,8% so với năm trước. Biên lợi nhuận gộp tăng lên mức 6,8%

Biên lợi nhuận gộp của Công ty cũng tăng khá mạnh từ 6,4% năm trước lên mức 6,8% trong năm 2021, giúp lợi nhuận gộp đạt 208,6 tỷ đồng so với 150,3 tỷ đồng của năm 2020.



CÔNG TÁC QUẢN TRỊ CHI PHÍ ĐƯỢC CHÚ TRỌNG, GIÚP GIA TĂNG HIỆU QUẢ

| CƠ CẤU CHI PHÍ (Tỷ đồng) | 2017 | 2018 | 2019 | 2020 | 2021 |
|--------------------------|------|------|------|------|--------|
| Chi phí khấu hao | 46,7 | 45,2 | 54,3 | 43,3 | 107,35 |
| Chi phí tài chính | 2,01 | 0,07 | 0,02 | 0,00 | 0,42 |
| Chi phí lãi vay | 2,01 | 0,07 | 0,02 | 0,00 | 0,42 |
| Chi phí bán hàng | 27,9 | 34,4 | 24,9 | 25,5 | 26,78 |
| Chi phí QLDN | 74,6 | 75,1 | 72,9 | 72,6 | 76,46 |
| Chi phí khác | 0,07 | 0,66 | 0,1 | 0,0 | 3,00 |

| CƠ CẤU CHI PHÍ (% DTT) | 2017 | 2018 | 2019 | 2020 | 2021 |
|------------------------------------|------|------|------|------|------|
| Chi phí khấu hao/ Doanh thu thuần | 3,5% | 2,5% | 2,5% | 1,9% | 3,5% |
| Chi phí tài chính/ Doanh thu thuần | 0,2% | 0,0% | 0,0% | 0,0% | 0,0% |
| Chi phí lãi vay/ Doanh thu thuần | 0,2% | 0,0% | 0,0% | 0,0% | 0,0% |
| Chi phí bán hàng/ Doanh thu thuần | 2,1% | 1,9% | 1,2% | 1,1% | 0,9% |
| Chi phí QLDN/ Doanh thu thuần | 5,7% | 4,1% | 3,4% | 3,1% | 2,5% |
| Chi phí khác/ Doanh thu thuần | 0,0% | 0,0% | 0,0% | 0,0% | 0,1% |

Mặc dù doanh thu hoạt động kinh doanh tăng trưởng 30,8% nhưng hai khoản mục chi phí chính yếu là Chi phí bán hàng và Chi phí quản lý doanh nghiệp chỉ tăng nhẹ so với năm trước, tương ứng ở mức 26,78 tỷ đồng và 76,46 tỷ đồng. Tỷ lệ Chi phí bán hàng/ Doanh thu thuần và Chi phí QLDN/ Doanh thu thuần tiếp tục được kè giảm xuống còn tương ứng 0,9% và 2,5%.

Đây là minh chứng cho sự hiệu quả của công tác quản trị chi phí chặt chẽ, triển khai nhiều chương trình tiết kiệm chi phí trong tất cả các phòng ban, chi nhánh của Công ty.

Để phục vụ cho chiến lược phát triển trong giai đoạn sắp tới, trong năm qua, Công ty đã đầu tư mạnh vào máy móc, trang thiết bị chuyên ngành và Chi phí khấu hao ghi nhận ở mức 107,35 tỷ đồng, tương ứng tỷ lệ 3,5% Doanh thu thuần.



Tỷ đồng

82,3

Lợi nhuận sau thuế Tăng trưởng 61,3% so với năm trước

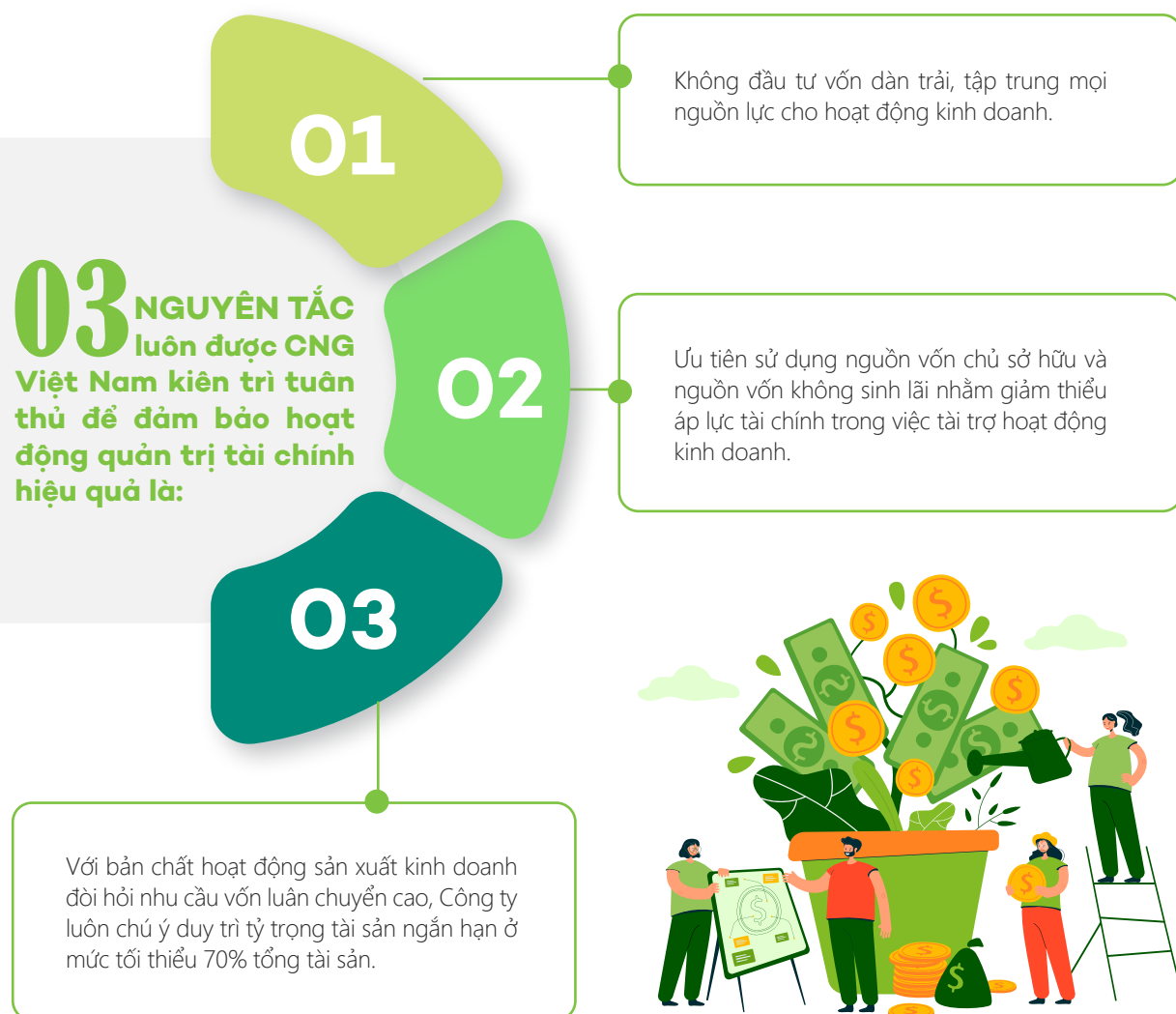
BIÊN LỢI NHUẬN CẢI THIẾN MẠNH, LNST TĂNG TRƯỞNG 61,3% SO VỚI NĂM TRƯỚC

Biên lợi nhuận của Công ty cải thiện mạnh trong năm 2021 đạt 2,7% so với chỉ 2,2% của năm 2020. Theo đó, Lợi nhuận sau thuế tăng trưởng 61,3% so với năm trước lên mức 82,3 tỷ đồng, bằng 171,2% so với kế hoạch của ĐHĐCĐ.

TÀI SẢN VÀ NGUỒN VỐN

| Chỉ tiêu (Tỷ đồng) | ĐVT | 2017 | 2018 | 2019 | 2020 | 2021 |
|-----------------------|----------------|--------------|--------------|--------------|----------------|----------------|
| Tổng tài sản | Tỷ đồng | 730 | 835,5 | 838,6 | 1.063,7 | 1.122,6 |
| Tài sản ngắn hạn | Tỷ đồng | 537,1 | 615,5 | 660,0 | 899,3 | 829,6 |
| Tài sản dài hạn | Tỷ đồng | 192,8 | 220,0 | 178,6 | 164,4 | 293,0 |
| Nợ phải trả | Tỷ đồng | 249,3 | 298,2 | 295,8 | 554,3 | 600,9 |
| Nợ ngắn hạn | Tỷ đồng | 230,9 | 280,4 | 278,0 | 536,6 | 578,9 |
| Nợ dài hạn | Tỷ đồng | 18,5 | 17,8 | 17,8 | 17,7 | 22,0 |
| Vốn chủ sở hữu | Tỷ đồng | 480,6 | 537,3 | 542,9 | 509,4 | 521,7 |

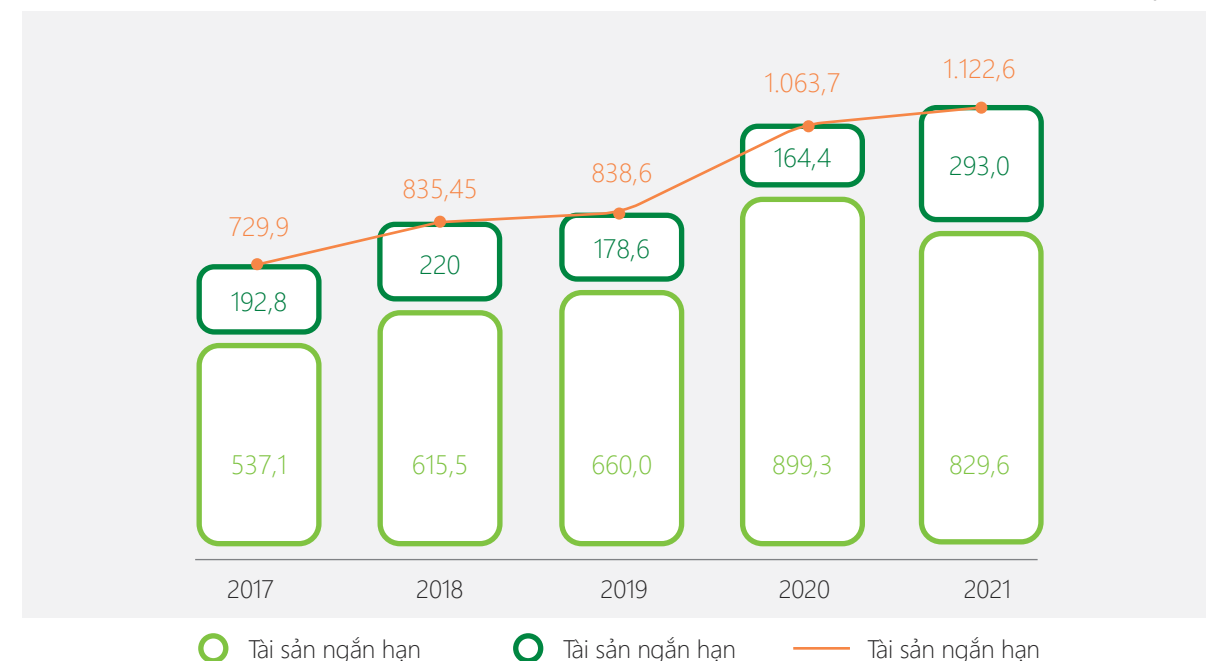
Để duy trì sự an toàn và hiệu quả trong hoạt động kinh doanh, CNG Việt Nam luôn chú trọng duy trì cơ cấu tài sản và nguồn vốn lành mạnh.



03 NGUYÊN TẮC
luôn được CNG Việt Nam kiên trì tuân thủ để đảm bảo hoạt động quản trị tài chính hiệu quả là:

TÀI SẢN

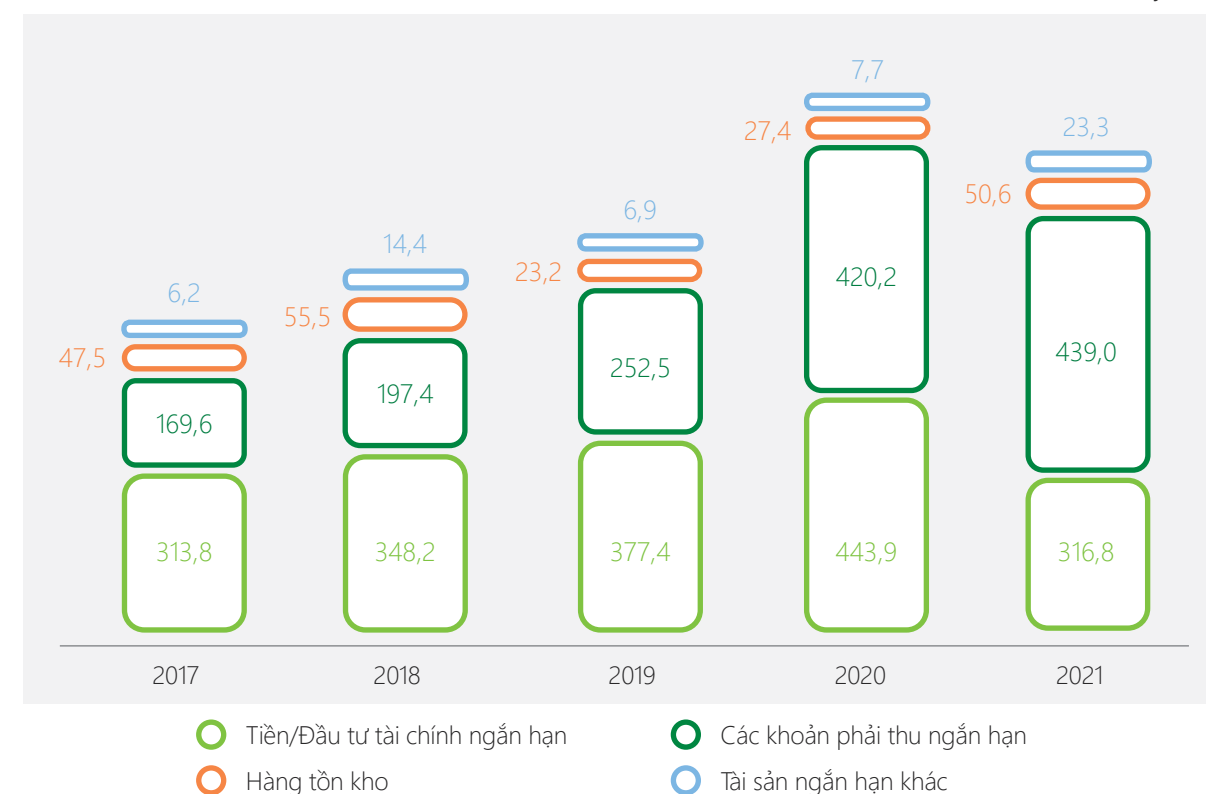
ĐVT: Tỷ đồng



Trong năm qua, Tổng tài sản của CNG Việt Nam tăng từ 1.063,7 tỷ đồng lên 1.122,6 tỷ đồng tính đến 31/12/2021, tương ứng mức tăng 5,5%. Tài sản ngắn hạn vẫn được duy trì tỷ trọng lớn với 73,9% trong cơ cấu tổng tài sản, và tăng 78,3% so với năm trước; trong khi đó tài sản dài hạn giảm 7,8% so với năm 2020.

TÀI SẢN NGẮN HẠN

ĐVT: Tỷ đồng



TÀI SẢN VÀ NGUỒN VỐN



TÀI SẢN NGẮN HẠN

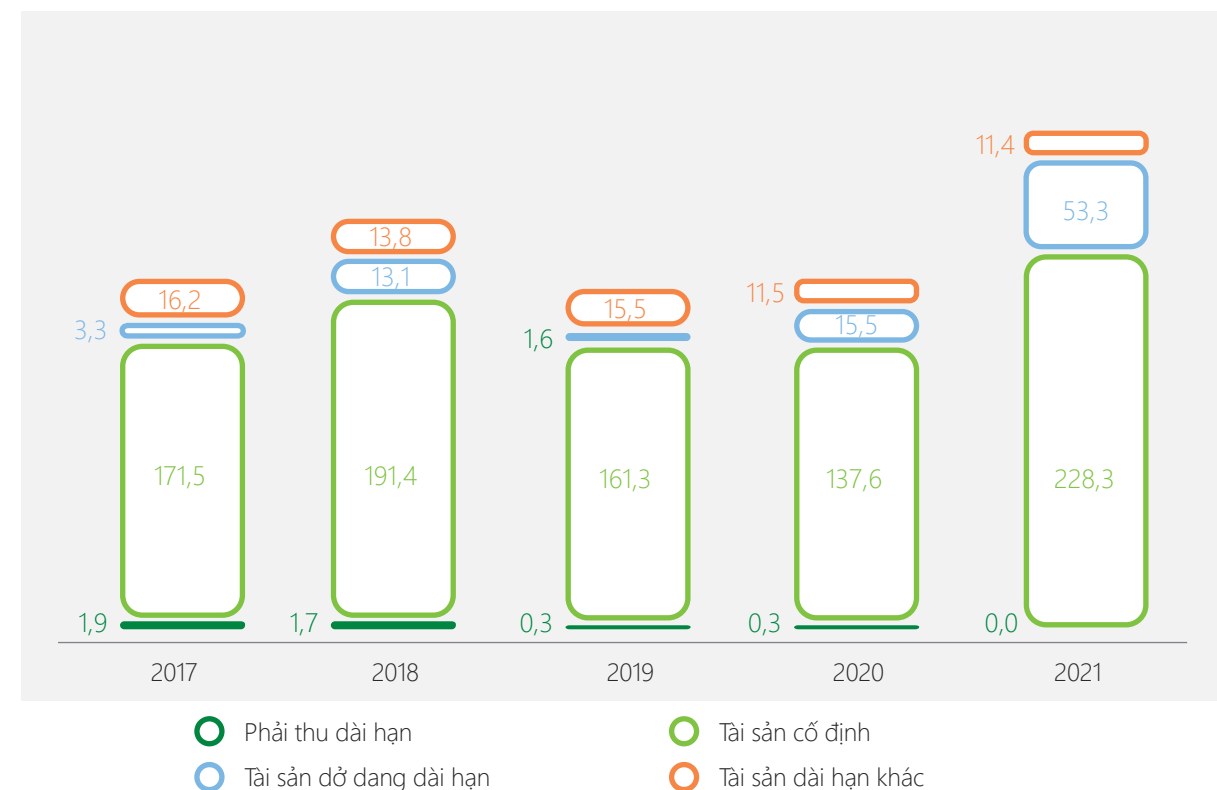
Tiền/Đầu tư tài chính ngắn hạn và Các khoản phải thu ngắn hạn là hai khoản mục chiếm tỷ trọng cao nhất trong cơ cấu tài sản ngắn hạn, và lần lượt đạt 316,8 và 439 tỷ đồng. CNG Việt Nam luôn chú ý duy trì tỷ trọng khoản mục tài sản ngắn hạn nhằm đảm bảo khả năng thanh toán các nghĩa vụ nợ ngắn hạn cũng như đáp ứng kịp thời dòng tiền cho các hoạt động đầu tư mở rộng trong tương lai gần.

Các khoản phải thu và Hàng tồn kho gia tăng khi quy mô doanh số và hoạt động của Công ty được mở rộng. Tuy nhiên, các khoản phải thu của Công ty không xảy ra tình trạng nợ quá hạn, đảm bảo khả năng thu hồi cao; Hàng tồn kho của Công ty duy trì ổn định đáp ứng kịp thời nhu cầu tiêu thụ của khách hàng.

TÀI SẢN DÀI HẠN

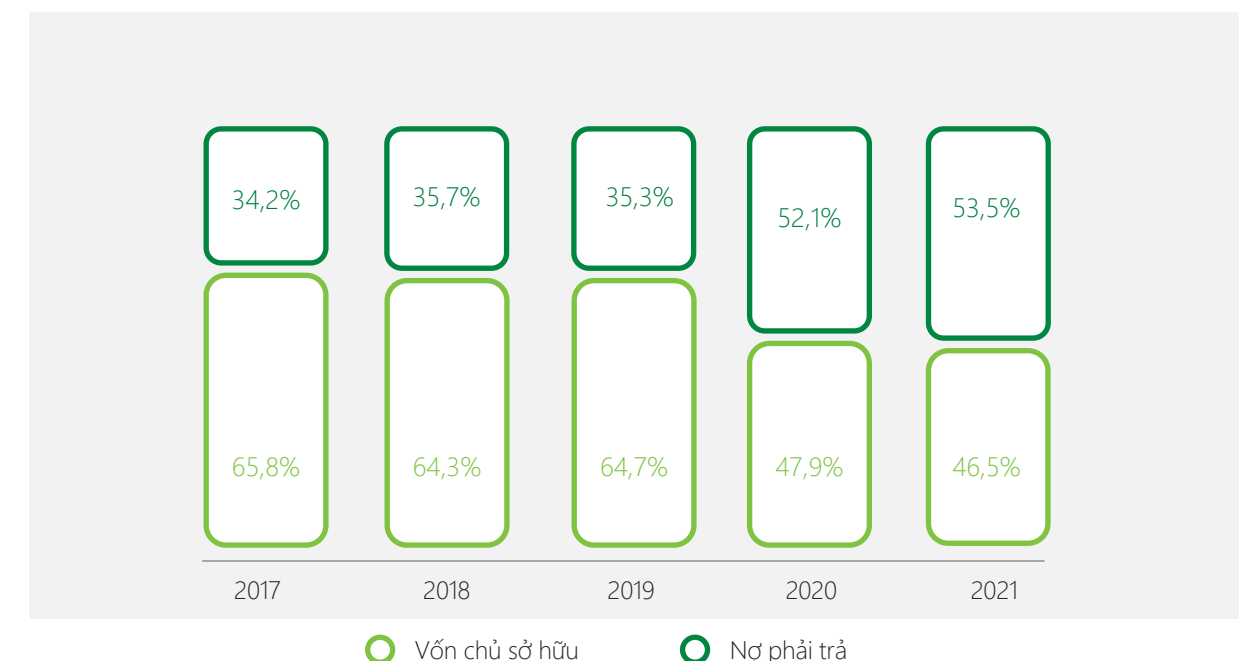
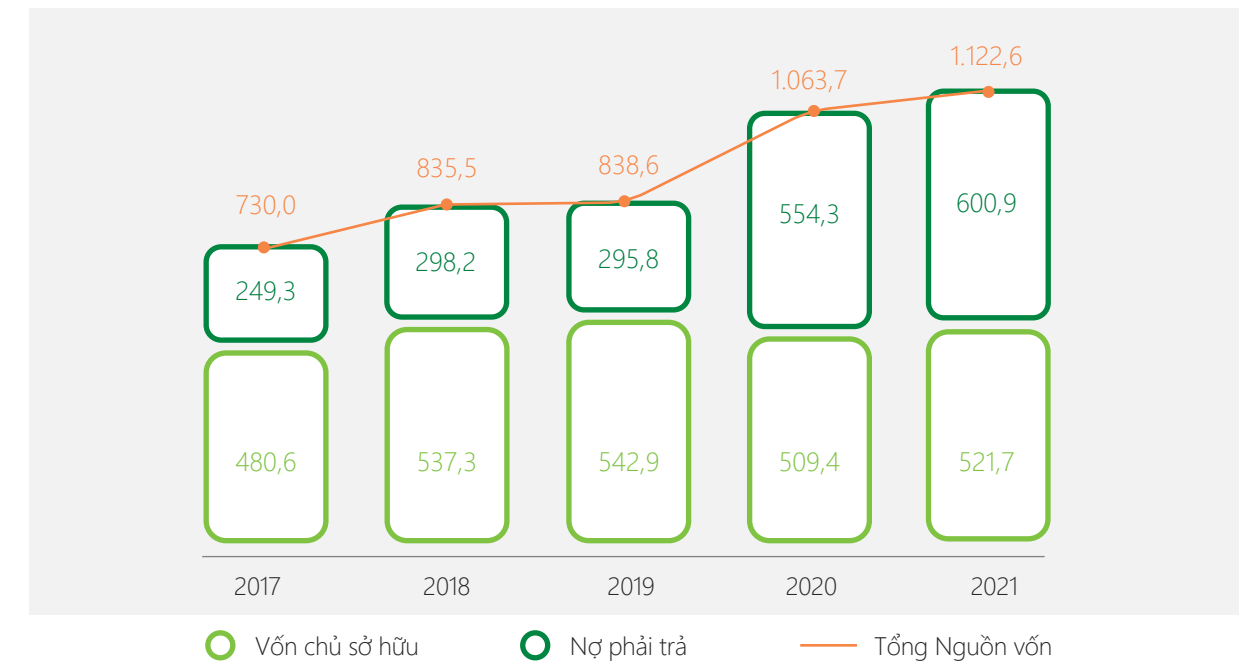
Do đặc trưng của ngành, tài sản cố định luôn chiếm tỷ trọng lớn trong tài sản dài hạn của Công ty, đạt 228,3 tỷ đồng vào cuối năm 2021. Trong năm, Công ty cũng đã đầu tư mạnh vào hệ thống các máy móc thiết bị chuyên ngành để phục vụ nhu cầu mở rộng SXKD trong giai đoạn mới.

ĐVT: Tỷ đồng



NGUỒN VỐN

ĐVT: Tỷ đồng



Đến cuối năm 2021, nguồn vốn chủ sở hữu chiếm 46,5% tổng nguồn vốn. Trong khi đó, nợ phải trả tăng nhẹ lên 53,5%, tương ứng với 600,9 tỷ đồng, tuy nhiên đây chủ yếu là các khoản phải trả cho nhà cung cấp không chịu lãi nên không gây áp lực về chi phí.

Với mục tiêu sử dụng chủ yếu nguồn vốn chủ sở hữu và nguồn vốn không sinh lãi tài trợ cho hoạt động kinh doanh của Công ty để giảm thiểu áp lực lãi vay, nên tỷ trọng vốn chủ sở hữu trong cơ cấu nguồn vốn được duy trì mức cao trong những năm qua.

CHỈ SỐ TÀI CHÍNH

| Chi tiêu | Đvt | 2017 | 2018 | 2019 | 2020 | 2021 |
|--|------|-------|--------|-------|--------|--------|
| Chi tiêu về Khả năng thanh toán | | | | | | |
| Hệ số thanh toán ngắn hạn (hiện hành) | lần | 2,3 | 2,2 | 2,4 | 1,7 | 1,4 |
| Hệ số thanh toán nhanh | lần | 2,1 | 1,9 | 2,3 | 1,6 | 1,3 |
| Hệ số thanh toán tiền mặt | lần | 1,2 | 1,2 | 1,4 | 0,8 | 0,5 |
| Chi tiêu về Hiệu quả hoạt động | | | | | | |
| Kỳ thu tiền bình quân | ngày | 38,3 | 36,6 | 37,7 | 50,2 | 49,6 |
| Kỳ lưu kho bình quân | ngày | 15,2 | 11,9 | 7,4 | 4,2 | 5,0 |
| Kỳ trả tiền bình quân | ngày | 42,9 | 44,3 | 45,0 | 59,9 | 63,8 |
| Vòng quay tổng tài sản | lần | 1,9 | 2,3 | 2,5 | 2,5 | 2,8 |
| Chi tiêu về Khả năng sinh lời | | | | | | |
| Hệ số lợi nhuận gộp | % | 18,0% | 13,0% | 8,9% | 6,4% | 6,8% |
| Hệ số lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/ Doanh thu thuần | % | 10,2% | 7,6% | 4,9% | 2,7% | 3,6% |
| Hệ số lợi nhuận sau thuế/ Doanh thu | % | 8,3% | 6,3% | 4,0% | 2,2% | 2,7% |
| Hệ số lợi nhuận sau thuế/ Vốn chủ sở hữu (ROEA) | % | 23,1% | 22,46% | 15,6% | 9,9% | 16,3% |
| Hệ số lợi nhuận sau thuế/ Tổng tài sản (ROAA) | % | 15,8% | 14,6% | 10,1% | 5,4% | 7,5% |
| Chi tiêu về Cơ cấu vốn | | | | | | |
| Hệ số nợ/ Tổng tài sản | % | 34,2% | 35,7% | 35,3% | 52,1% | 53,5% |
| Hệ số nợ/ Vốn chủ sở hữu | % | 51,9% | 55,5% | 54,5% | 108,8% | 115,2% |

KHẢ NĂNG THANH TOÁN

Hệ số thanh toán ngắn hạn (hiện hành), hệ số thanh toán nhanh, hệ số thanh toán tiền mặt của CNG Việt Nam vào cuối năm 2021 lần lượt đạt mức 1,4, 1,3 và 0,5 lần, sụt giảm nhẹ so với năm trước. Lý do chủ yếu là vì khoản phải trả người bán gia tăng khi Công ty đẩy mạnh doanh thu, đồng thời Công ty phải đầu tư đáng kể cho trang thiết bị, máy móc chuyên ngành phục vụ cho chiến lược phát triển sắp tới.

Tuy vậy, có thể thấy phần lớn các hệ số thanh toán này vẫn đang lớn hơn mức 1 cho thấy tính an toàn cao trong khả năng thanh toán ngắn hạn của CNG Việt Nam và Công ty không hề có khoản thanh toán nào quá hạn.



HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG

Năm 2021 là một năm khó khăn đối với hầu hết khách hàng của CNG Việt Nam nên Công ty đã áp dụng đã áp dụng triệt để các chế độ ưu đãi trong bán hàng như nới lỏng tín dụng. Vì vậy, kỳ thu tiền bình quân vẫn đứng ở mức gần 50 ngày trong năm 2021.

Kỳ trả tiền bình quân tăng nhẹ lên gần 64 ngày do Công ty đẩy mạnh hoạt động kinh doanh trong năm vừa qua. Vòng quay tổng tài sản của CNG Việt Nam duy trì ở mức 2,8 lần, thể hiện được tính ổn định trong việc sử dụng tài sản hiệu quả.

KHẢ NĂNG SINH LỜI

Là một năm gặt hái nhiều thành công đối với CNG Việt Nam, các tỷ số sinh lời đều cải thiện khá so với năm trước. Cụ thể, Hệ số lợi nhuận gộp tăng từ 6,4% lên 6,8%; Hệ số lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/ Doanh thu thuần tăng vọt lên 3,6% so với mức 2,7% của năm trước; ROE và ROA tăng mạnh mẽ lên tương ứng 16,3% và 7,5%.

CƠ CẤU VỐN

Hệ số nợ phải trả trong năm 2021 tăng chủ yếu do mở rộng kinh doanh và nợ phải trả nhà cung cấp khí đầu vào. Đây là những khoản phải trả không chịu lãi và Công ty hoàn toàn không chịu áp lực về tài chính.

PHÂN TÍCH DÒNG TIỀN

| Chi tiêu | 2017 | 2018 | 2019 | 2020 | 2021 |
|---|---------|--------|--------|--------|---------|
| Dòng tiền thuần từ hoạt động kinh doanh | 165,3 | 138,8 | 98,3 | 142,0 | 128,9 |
| Dòng tiền thuần từ hoạt động đầu tư | (100,8) | (29,3) | (1,1) | (10,0) | (247,8) |
| Dòng tiền thuần từ hoạt động tài chính | (127,3) | (41,2) | (68,0) | (65,5) | (42,5) |
| Tiền và tương đương tiền cuối kỳ | 279,9 | 348,2 | 377,4 | 443,9 | 282,5 |

Dòng tiền từ hoạt động kinh doanh của Công ty trong năm 2021 tiếp tục duy trì vị thế dương với 128,9 tỷ đồng. Trong khi đó, do tăng cường hoạt động đầu tư tài sản cố định nên dòng tiền thuần từ hoạt động đầu tư âm 247,8 tỷ đồng. Dòng tiền thuần từ hoạt động tài chính âm 42,5 tỷ đồng chủ yếu do Công ty thực hiện chi trả cổ tức với tổng tỷ lệ 20%. Cuối năm 2021, CNG Việt Nam ghi nhận số tiền và tương đương tiền cuối kỳ đạt 282,5 tỷ đồng.

ĐỊNH HƯỚNG GIẢI PHÁP VÀ KẾ HOẠCH KINH DOANH NĂM 2022

GIẢI PHÁP VỀ THỊ TRƯỜNG VÀ KINH DOANH



Với áp lực cạnh tranh diễn ra theo chiều hướng gia tăng trong ngành, việc duy trì mối quan hệ đối với nhóm khách hàng cũ sẽ được Công ty chú trọng. Cùng với đó là hoạt động mở rộng thị trường, tìm kiếm khách hàng mới nhằm thúc đẩy tăng trưởng sẽ tiếp tục là mục tiêu hàng đầu của Công ty.

Mức độ biến động trên thị trường dầu khí thế giới vẫn duy trì ở mức cao và đe dọa khả năng ổn định hoạt động kinh doanh của ngành khí trong nước. Các chính sách duy trì giá bán linh hoạt, gia tăng ưu đãi, hạn chế tình trạng khách hàng chuyển sang sử dụng nhiên liệu khác là những giải pháp cần thiết nhằm duy trì thị phần mà vẫn đảm bảo lợi nhuận cho Công ty và ổn định sản xuất cho khách hàng.

Nhằm hạn chế ảnh hưởng từ những biến động ngoài dự kiến của tăng trưởng kinh tế trong nước và quốc tế, Công ty nỗ lực phát triển thị trường tiêu thụ khí theo hướng đa dạng hóa lĩnh vực sản xuất. Điều này giúp Công ty đa dạng hóa phân khúc khách hàng, tận dụng tối đa cơ hội tìm kiếm khách hàng mới và giảm thiểu rủi ro biến động doanh thu từ sự phụ thuộc vào một ngành sản xuất nhất định.

Các giải pháp về bán hàng đóng vai trò quan trọng, bao gồm phát triển các kế hoạch marketing tại các thị trường hiện hữu và các thị trường mới của Công ty. Nhờ đó, chính sách bán hàng sẽ có sự linh hoạt hơn nhằm mở rộng nhanh thị phần khách hàng.

Nâng cao khả năng cạnh tranh chi phí của Công ty so với các đối thủ cạnh tranh thông qua các biện pháp tối ưu hóa hiệu quả hoạt động của tài sản.

Đề cao việc tiết giảm chi phí hoạt động và chi phí tài chính nhằm hạn chế biến động từ chi phí đầu vào lên biên lợi nhuận. Song song với đó là gia tăng sự an toàn, hiệu quả và bền vững trong hoạt động kinh doanh.

Tận dụng cơ hội mở rộng thị trường tiêu thụ sang nhóm khách hàng vận tải nhằm tận dụng sự chuyển đổi xu hướng sang các loại nhiên liệu thân thiện với môi trường. Nổi bật trong đó là hệ thống xe bus tiêu thụ khí CNG đang được Chính phủ chú trọng trong những năm qua.

GIẢI PHÁP VỀ QUẢN LÝ ĐIỀU HÀNH

Sản xuất, vận chuyển, phân phối CNG

Đảm bảo an toàn tuyệt đối trong hoạt động sản xuất, phân phối và vận chuyển là mục tiêu quan trọng nhất và quyết định đến sự thành công của Công ty. Sự tuân thủ nghiêm ngặt các quy định về an toàn trong hoạt động kinh doanh tạo nên giá trị an toàn, hiệu quả hoạt động cho tài sản và nâng cao thương hiệu CNG Việt Nam.

Nhận biết rõ tầm quan trọng của yếu tố an toàn trong hoạt động kinh doanh, Công ty luôn duy trì công tác bảo dưỡng, sửa chữa và giám sát chặt chẽ quá trình sản xuất, vận chuyển nhằm đảm bảo máy móc, thiết bị luôn trong tình trạng hoạt động tốt nhất. Bên cạnh đó là hoạt động triển khai các biện pháp quản lý an toàn một cách hiệu quả để giảm thiểu tai nạn, sự cố. Nghiêm túc xử lý và loại bỏ các tình trạng mất an toàn.

Áp dụng hiệu quả hệ thống quản lý tích hợp An toàn – Chất lượng – Môi trường theo tiêu chuẩn ISO 9001:2015 và ISO 14001:2018 vào quá trình sản xuất kinh doanh của Công ty.

Phát huy phong trào sáng kiến cải tiến kỹ thuật nhằm tối ưu hóa quá trình sản xuất kinh doanh.

Đầu tư

Đứng trước triển vọng tăng trưởng của nền kinh tế, Công ty có cơ hội đón nhận nhiều hơn nhu cầu tiêu thụ khí từ các nhóm ngành khách hàng. Do đó, các kế hoạch đầu tư nâng công suất cung cấp khí, mở rộng mạng lưới trạm cung cấp tại khu vực cùng các dịch vụ song hành sẽ được lưu tâm, chú trọng nhằm đáp ứng kịp thời nhu cầu tiêu thụ khí trong tương lai.

• Lên kế hoạch cho các dự án và triển khai đầu tư kịp thời. Giúp tăng cường hiệu quả cho nguồn vốn giải ngân và kịp thời cung cấp khí cho khách hàng.

• Tăng cường công tác kiểm soát trong quá trình đầu tư nhằm đảm bảo các dự án được triển khai tuyệt đối an toàn và hoàn thành đạt chất lượng và đúng tiến độ đề ra.

• Chủ động triển khai các bước thủ tục, hồ sơ đúng theo quy trình, quy định của pháp luật và Công ty.



Tài chính

Chủ động thu xếp các nguồn vốn để phục vụ cho các dự án đầu tư và SXKD của Công ty.

Các chính sách tín dụng được xem xét phù hợp với mục tiêu tìm kiếm khách hàng mới và mở rộng thị phần kinh doanh. Tuy nhiên, việc hạn chế rủi ro phát sinh nợ quá hạn của khách hàng cần được thực hiện song hành nhằm đảm bảo công tác quản lý chi phí, công nợ hiệu quả.

Với đặc thù hoạt động kinh doanh chịu ảnh hưởng từ biến động của thị trường nhiên liệu đầu vào, kế hoạch quản trị hàng tồn kho, dự trữ nhiên liệu khí đầu vào để tối thiểu hóa tác động lên hoạt động kinh doanh sẽ tiếp tục được Công ty thực hiện trong những năm tới.

Tối ưu hóa nguồn vốn kinh doanh. Sử dụng vốn và quỹ linh hoạt nhằm tăng thêm thu nhập từ hoạt động tài chính. Ưu tiên giữ vững sự an toàn trong cấu trúc vốn và hạn chế rủi ro tài chính tiếp tục nhận được sự chú trọng từ Công ty.

Gia tăng dòng tiền hình thành từ hoạt động kinh doanh mà vẫn duy trì được mối quan hệ hợp lý với khách hàng và nhà cung ứng. Nỗ lực duy trì ổn định tốc độ tăng trưởng dòng tiền và khả năng phân phối thu nhập cho cổ đông.

Hỗ trợ công tác công bố thông tin đúng quy định, tập trung cho hoạt động quan hệ nhà đầu tư (IR) nhằm góp phần giữ vững uy tín, hình ảnh của Công ty trước cổ đông.

ĐỊNH HƯỚNG GIẢI PHÁP VÀ KẾ HOẠCH KINH DOANH NĂM 2022

GIẢI PHÁP VỀ QUẢN LÝ ĐIỀU HÀNH

Tổ chức, nhân sự và phát triển nguồn lực

- Rà soát cơ cấu tổ chức, bộ máy, cách thức tổ chức sản xuất mới đảm bảo phù hợp với sự phát triển của Công ty trong từng giai đoạn. Tạo dựng môi trường làm việc gắn với “hiệu quả” nhằm thu hút nguồn lực có trình độ, kinh nghiệm làm việc lâu dài cho Công ty.
- Tiếp tục đẩy mạnh triển khai hoạt động 5S trong toàn công ty.
- Triển khai thực hiện hoạt động đánh giá công việc theo KPI nhằm đánh giá đúng hiệu quả công việc của CBCNV, đề xuất các chế độ khen thưởng hợp lý.
- Thực hiện chính sách điều động, luân chuyển nhân lực một cách hợp lý nhằm đáp ứng nhu cầu sản xuất kinh doanh theo từng thời điểm.
- Tuyển dụng nhân sự có trình độ, tay nghề, phẩm chất và kinh nghiệm đáp ứng nhu cầu công việc, định hướng phát triển của Công ty. Thực hiện và cải cách các chính sách đãi ngộ đối với người lao động theo hiệu quả công việc, phù hợp với thị trường lao động nội bộ ngành.
- Tăng cường công tác đào tạo, giúp nâng cao năng lực làm việc của CBCNV.

NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM NĂM 2022

01

Đảm bảo hiệu quả hoạt động SXKD, đẩy mạnh công tác phát triển, mở rộng thị trường, quảng bá thương hiệu CNG Việt Nam để chiếm lĩnh thị phần tạo tiền đề kinh doanh sản phẩm LNG; chuẩn bị cơ sở vật chất, thiết bị và các phương án để sẵn sàng kinh doanh LNG theo kế hoạch nhập khẩu LNG của PV Gas.

02

Vận hành và khai thác hiệu quả hệ thống CNG, đảm bảo công tác an ninh, an toàn trên tất cả các công trình khí hiện có của Công ty, đảm bảo cấp khí liên tục cho khách hàng.

03

Liên tục cập nhật tình hình dịch bệnh và diễn biến giá dầu thế giới; chủ động sẵn sàng các phương án phòng, chống dịch Covid-19 và xây dựng các kịch bản giá dầu để có giải pháp SXKD phù hợp với tình hình thực tế.

04

Nâng cao hiệu quả công tác quản trị nội bộ, từng bước số hóa, tinh gọn hệ thống quản lý của Công ty.

05

Tái cấu trúc, sắp xếp lại cơ cấu tổ chức, chức năng nhiệm vụ của các Đơn vị theo tình hình thực tế SXKD của Công ty; nâng cao hiệu quả sử dụng nguồn nhân lực đáp ứng yêu cầu của hoạt động SXKD.

06

Tập trung triển khai thực hiện các dự án đầu tư trọng điểm nhằm đáp ứng, phục vụ nhu cầu hoạt động SXKD của Công ty đảm bảo an toàn, chất lượng, tiến độ, hiệu quả.

CHỈ TIÊU KẾ HOẠCH NĂM 2022

| STT | Chỉ tiêu | ĐVT | Kế hoạch năm 2022 |
|-----|--------------------------|-----------------------|-------------------|
| I | Tổng sản lượng CNG | Triệu SM ³ | 286,00 |
| - | Miền Nam | Triệu SM ³ | 195,00 |
| - | Miền Bắc | Triệu SM ³ | 91,00 |
| II | Tổng Doanh thu | Tỷ đồng | 3.236,12 |
| 1 | Doanh thu bán CNG | Tỷ đồng | 3.232,12 |
| - | Miền Nam | Tỷ đồng | 2.194,45 |
| - | Miền Bắc | Tỷ đồng | 1.037,67 |
| 2 | Doanh thu tài chính khác | Tỷ đồng | 4,00 |
| - | Miền Nam | Tỷ đồng | 4,00 |
| - | Miền Bắc | Tỷ đồng | |
| III | Lợi nhuận trước thuế | Tỷ đồng | 110,03 |
| IV | Lợi nhuận sau thuế | Tỷ đồng | 88,02 |



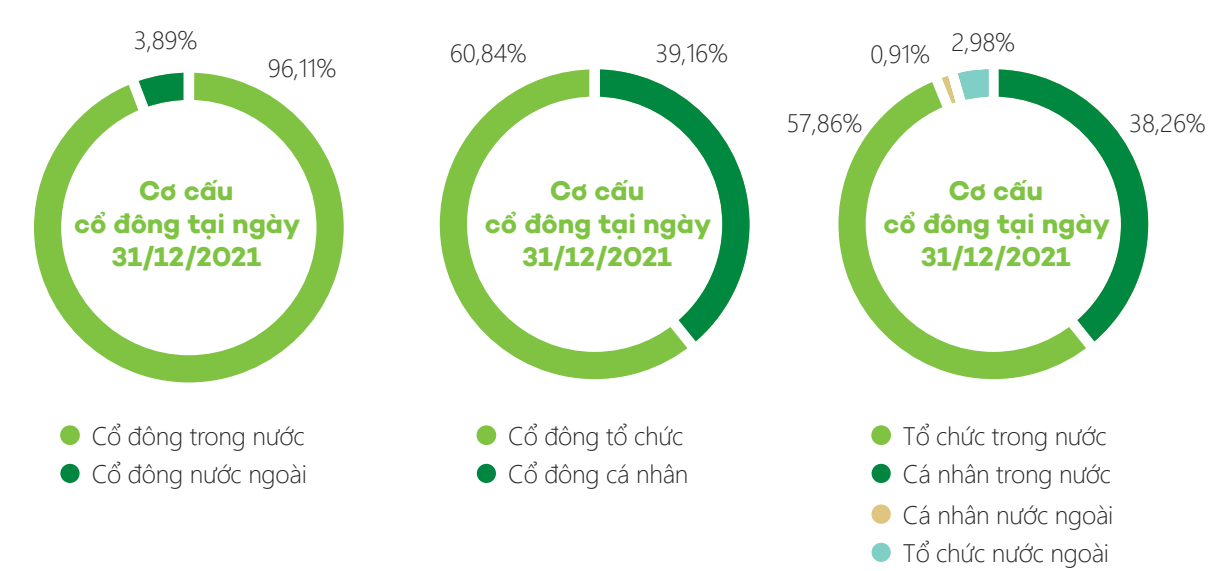
THÔNG TIN CỔ PHẦN

- Tổng số cổ phần : 27.000.000 cp
- Loại cổ phần : Cổ phiếu phổ thông
- Số lượng cổ phần hạn chế chuyển nhượng : Không
- Số lượng cổ phần chuyển nhượng tự do : 27.000.000 cp

CƠ CẤU CỔ ĐÔNG

Phân loại theo cổ đông trong nước và nước ngoài tại ngày 31/12/2021

| Tên cổ đông | Trong nước | | Nước ngoài | | Tổng cộng | |
|-------------|------------|--------|------------|-------|------------|---------|
| | Cổ phần | % VĐL | Cổ phần | % VĐL | Cổ phần | % VĐL |
| Cá nhân | 10.329.272 | 38,26% | 244.624 | 0,91% | 10.573.896 | 39,16% |
| Tổ chức | 15.621.491 | 57,86% | 804.613 | 2,98% | 16.426.104 | 60,84% |
| Tổng cộng | 25.950.763 | 96,11% | 1.049.237 | 3,89% | 27.000.000 | 100,00% |



Phân loại theo cổ đông lớn (từ 5% trở lên) tại ngày 31/12/2021

| Tên cổ đông | Vốn cổ phần | % VĐL |
|---|-------------|--------|
| Tổng Công ty Khí Việt Nam – CTCP (PV Gas) | 15.120.000 | 56,00 |
| Các cổ đông khác | 11.880.000 | 44,00 |
| Tổng cộng | 27.000.000 | 100,00 |

QUÁ TRÌNH TĂNG VỐN ĐIỀU LỆ

| Năm | Vốn điều lệ ban đầu | Vốn điều lệ tăng thêm | Vốn điều lệ lũy kế | Tỷ lệ (%) |
|------|---------------------|-----------------------|--------------------|--|
| 2007 | 19,2 | - | 19,2 | |
| 2008 | 19,2 | 48 | 67,2 | Phát hành thêm |
| 2010 | 67,2 | 57,8 | 125 | Phát hành cho cán bộ chủ chốt và cổ đông chiến lược |
| 2008 | 125 | 37,5 | 162,5 | Trả cổ tức bằng cổ phiếu |
| 2010 | 162,5 | 40,6 | 203,1 | Trả cổ tức bằng cổ phiếu và cổ phiếu thưởng cho cổ đông hiện hữu |
| 2012 | 203,1 | 10,2 | 213,3 | ESOP cho CBCNV |
| 2013 | 213,3 | 56,7 | 270,0 | ESOP cho CBCNV và thưởng cổ phiếu |

TÌNH HÌNH THAY ĐỔI VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU:

Tổng vốn điều lệ đến ngày 31/12/2021 là 270 tỷ đồng, không thay đổi so với năm trước. Vốn chủ sở hữu đến cuối năm 2021 đạt gần 521,7 tỷ đồng gấp 1,9 lần so với vốn điều lệ nhờ tích lũy lợi nhuận sau thuế chưa phân phối.

GIAO DỊCH CỔ PHIẾU QUỸ:

Công ty hiện đang nắm giữ 327 cổ phiếu quỹ, chiếm tỷ lệ 0,001%. Trong năm, Công ty không có giao dịch mua/bán cổ phiếu quỹ.

HOẠT ĐỘNG QUAN HỆ NHÀ ĐẦU TƯ

Đại dịch Covid-19 tiếp tục ảnh hưởng đến các hoạt động quan hệ nhà đầu tư như viếng thăm doanh nghiệp hay tiếp xúc trực tiếp với nhà đầu tư. Thay vào đó, Công ty đã đẩy mạnh các hoạt động cung cấp thông tin từ xa, qua điện thoại, cải tiến trang web của Công ty theo hướng hiện đại, giao diện thân thiện với người dùng, cung cấp các thông tin cập nhật, chính xác, kịp thời đến cộng đồng nhà đầu tư.

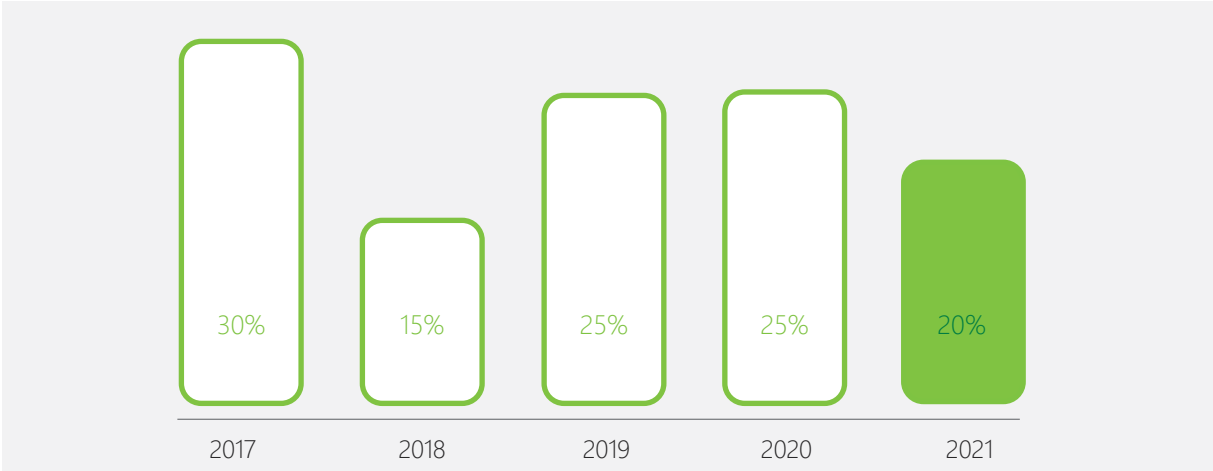
Ngoài ra, thực hiện đúng các chuẩn mực QTCT được quy định trong văn bản lập quy của Công ty và tuân thủ các quy định hiện hành của Bộ Tài chính và UBCKNN, Ban Lãnh đạo luôn chỉ đạo thực hiện nghiêm túc hoạt động công bố thông tin ra thị trường. Đối với các sự kiện có ảnh hưởng đến giá cổ phiếu trên thị trường, Công ty luôn đảm bảo việc truyền tải thông tin chính xác và kịp thời đến các cổ đông và cộng đồng nhà đầu tư. Không dừng lại ở việc tuân thủ, Công ty cũng trao đổi với các

biên liên quan và cổ đông, công bố thông tin một cách chủ động.

Các kỳ ĐHĐCĐ luôn được Công ty chú trọng và chuẩn bị một cách cẩn thận và kỹ lưỡng, vì đây là cơ hội quan trọng để Công ty gặp gỡ cổ đông và nhà đầu tư. Ban Lãnh đạo trình bày kết quả, kế hoạch kinh doanh và những nội dung quan trọng khác liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty và thuộc thẩm quyền quyết định của ĐHĐCĐ. Đây cũng là cơ hội để Ban Lãnh đạo có thể giải đáp thắc mắc để các cổ đông có thể hiểu rõ về Công ty hơn.

Công ty cũng luôn hoàn thành đầy đủ các nghĩa vụ đối với cổ đông. Năm 2021, CNG Việt Nam đã thực hiện chi trả cổ tức tiền mặt cho cổ đông với tổng tỷ lệ 20%, tương ứng với tổng giá trị chi trả đạt 54 tỷ đồng.

HOẠT ĐỘNG QUAN HỆ NHÀ ĐẦU TƯ



CỔ TỨC TIỀN MẶT THỰC TRẢ TRONG NĂM (%)

Với những hoạt động minh bạch và hiệu quả, Công ty đã được các tổ chức uy tín bình chọn, khen tặng nhiều danh hiệu, giải thưởng. Cụ thể như sau:



Nhóm SmallCap do Sở GDCK TP.HCM (HOSE) và báo Đầu tư Chứng khoán năm 2021.



Nhóm MidCap do Sở GDCK TP.HCM (HOSE) và báo Đầu tư Chứng khoán đồng tổ chức trong ba năm liên tiếp 2018, 2019, 2020.



Doanh nghiệp Small & Micro Cap có Hoạt động IR tốt nhất năm 2021 – IR Awards.



Doanh nghiệp Phát triển Bền Vững Việt Nam do Hội đồng Doanh nghiệp vì sự Phát triển bền vững Việt Nam - VBCSD (VCCI) tổ chức trong nhiều năm liền.



LƯƠNG, THÙ LAO VÀ CÁC KHOẢN LỢI ÍCH CỦA HĐQT, BKS, BGĐ

Công ty áp dụng chế độ lương cho Ban điều hành theo quy định của pháp luật, hài hòa với chính sách lương và quỹ lương hàng năm của Công ty, tương xứng với năng lực và kết quả công việc của từng thành viên. Chế độ thưởng và phúc lợi chung khác theo chính sách nhân viên và Thỏa ước lao động tập thể của CNG Việt Nam.

Tiền thưởng Ban điều hành trích từ lợi nhuận sau thuế, áp dụng theo quyết định của ĐHĐCĐ thường niên về Quỹ thưởng Ban quản lý, điều hành.

- Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích khác của HĐQT: 2,95 tỷ đồng.
- Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích khác của Ban Kiểm soát: 0,66 tỷ đồng.
- Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích khác của Ban Giám đốc và Kế toán trưởng: 2,86 tỷ đồng.



GIAO DỊCH CỦA CÔNG TY, THÀNH VIÊN HĐQT, BKS, BGĐ VÀ NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN

| STT | Loại giao dịch | Tình trạng |
|-----|---|--|
| 1 | Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ và người có liên quan | Không có |
| 2 | Giao dịch giữa Công ty với người có liên quan, người nội bộ của Công ty, người có liên quan của người nội bộ | Vui lòng tham khảo Báo cáo Quản trị Công ty năm 2021 |
| 3 | Giao dịch giữa người nội bộ của Công ty, người có liên quan của người nội bộ với công ty con, công ty do Công ty nắm quyền kiểm soát | Không có |
| 4 | Giao dịch giữa Công ty với công ty mà thành viên HĐQT, thành viên BKS, BGĐ đã và đang là thành viên sáng lập hoặc thành viên HĐQT, Giám đốc điều hành trong vòng 03 năm trở lại đây | Không có |
| 5 | Giao dịch giữa Công ty với công ty mà người có liên quan của thành viên HĐQT, thành viên BKS, Giám đốc điều hành là thành viên HĐQT, Giám đốc điều hành | Không có |
| 6 | Các giao dịch khác của Công ty có thể mang lại lợi ích vật chất hoặc phi vật chất đối với thành viên HĐQT, thành viên BKS, Giám đốc điều hành | Không có |

04

BÁO CÁO TÀI CHÍNH (KIỂM TOÁN)

| | |
|--------------------------------------|-----|
| Thông tin về doanh nghiệp | 116 |
| Báo cáo của Ban Giám đốc | 117 |
| Báo cáo kiểm toán độc lập | 118 |
| Bảng cân đối kế toán | 120 |
| Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh | 122 |
| Báo cáo lưu chuyển tiền tệ | 123 |
| Thuyết minh báo cáo tài chính | 124 |



THÔNG TIN VỀ DOANH NGHIỆP

| | | |
|--------------------------------------|---|--|
| Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư | Số 7688618621 ngày 14 tháng 5 năm 2018 | |
| | Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư và các Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư điều chỉnh do Ban Quản lý các Khu Công nghiệp Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu cấp có thời hạn hoạt động là 20 năm kể từ ngày của Giấy chứng nhận đầu tư đầu tiên số 492032000040 ngày 28 tháng 5 năm 2007 | |
| Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp | Số 3500800828 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu cấp lần đầu ngày 28 tháng 5 năm 2007 và Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi gần nhất lần thứ 13 ngày 26 tháng 10 năm 2021 | |
| Hội đồng Quản trị | Bà Nguyễn Thị Hồng Hải | Chủ tịch |
| | Bà Lê Thị Thu Giang | Thành viên độc lập |
| | Ông Vũ Văn Thực | Thành viên |
| | Ông Nguyễn Hữu Thắng | Thành viên (bổ nhiệm ngày 18.05.2021) |
| | Ông Bùi Văn Đản | Thành viên (bổ nhiệm ngày 18.05.2021) |
| | Ông Phạm Đình Đạt | Thành viên (miễn nhiệm ngày 21.04.2021) |
| Ban Kiểm soát | Ông Bùi Tường Định | Thành viên (miễn nhiệm ngày 18.05.2021) |
| | Bà Phan Thị Kim Thoa | Trưởng Ban Kiểm soát |
| | Ông Nguyễn Quang Bá | Thành viên Ban Kiểm soát |
| | Bà Lê Thị Thanh Huyền | Thành viên Ban Kiểm soát (bổ nhiệm ngày 18.05.2021) |
| Ban Giám đốc | Bà Nguyễn Thị Kim Yến | Thành viên Ban Kiểm soát (miễn nhiệm ngày 18.05.2021) |
| | Ông Vũ Văn Thực | Giám đốc |
| | Ông Nguyễn Nguyên Vũ | Phó Giám đốc |
| | Ông Trương Mạnh Thắng | Phó Giám đốc |
| | Ông Nguyễn Hữu Xuân | Phó Giám đốc (bổ nhiệm ngày 15.11.2021) |
| | Ông Trần Quang Đán | Phó Giám đốc (miễn nhiệm ngày 16.05.2021) |
| | Ông Bùi Văn Đản | Phó Giám đốc (miễn nhiệm ngày 18.05.2021) |
| | Ông Vũ Văn Thực | Giám đốc |
| Người đại diện theo pháp luật | | |
| Trụ sở chính | Số 61B, Đường 30/4, Phường Thắng Nhất, Thành phố Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu | |
| Công ty kiểm toán | Công ty TNHH PwC (Việt Nam) | |

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Giám đốc của Công ty Cổ phần CNG Việt Nam (“Công ty”) chịu trách nhiệm lập báo cáo tài chính thể hiện trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của năm tài chính kết thúc vào ngày nêu trên. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- chọn lựa các chính sách kế toán phù hợp và áp dụng một cách nhất quán;
- thực hiện các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng; và
- lập báo cáo tài chính trên cơ sở Công ty hoạt động liên tục trừ khi giả định Công ty hoạt động liên tục là không phù hợp.

Ban Giám đốc của Công ty chịu trách nhiệm bảo đảm rằng các sổ sách kế toán đúng đắn đã được thiết lập và duy trì để thể hiện tình hình tài chính của Công ty với độ chính xác hợp lý tại mọi thời điểm và để làm cơ sở lập báo cáo tài chính tuân thủ theo chế độ kế toán được trình bày ở Thuyết minh 2 của báo cáo tài chính. Ban Giám đốc của Công ty cũng chịu trách nhiệm đối với việc bảo vệ các tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp hợp lý để ngăn ngừa và phát hiện các gian lận hoặc nhầm lẫn.

PHÊ CHUẨN BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Theo đây, chúng tôi phê chuẩn báo cáo tài chính đính kèm từ trang 5 đến trang 38. Báo cáo tài chính này phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày nêu trên, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Thay mặt Ban Giám đốc



Vũ Văn Thực

Giám đốc

Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, nước CHXHCN Việt Nam
Ngày 10 tháng 3 năm 2022

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

GỬI CÁC CỔ ĐÔNG CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN CNG VIỆT NAM

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần CNG Việt Nam (“Công ty”) được lập tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 và được Ban Giám đốc của Công ty phê duyệt ngày 10 tháng 3 năm 2022. Báo cáo tài chính này bao gồm: bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày nêu trên và thuyết minh báo cáo tài chính bao gồm các chính sách kế toán chủ yếu từ trang 5 đến trang 38.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc của Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính này dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về số liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực và hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày nêu trên phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Công ty TNHH PwC (Việt Nam)



Lương Thị Ánh Tuyết

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán:
3048-2019-006-1

Chữ ký được ủy quyền

Số hiệu báo cáo kiểm toán: HCM11474

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 3 năm 2022



Trương Phước Lộc

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán:
4173-2022-006-1

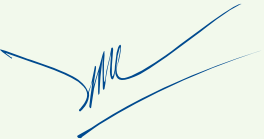
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Đơn vị: VND

| Mã số | TÀI SẢN | Thuyết minh | Tại ngày 31 tháng 12 năm | |
|-------|--|-------------|--------------------------|-------------------|
| | | | 2021 | 2020 |
| 100 | TÀI SẢN NGẮN HẠN | | 829.603.569.101 | 899.326.371.065 |
| 110 | Tiền và các khoản tương đương tiền | 3 | 282.477.045.395 | 443.919.521.397 |
| 111 | Tiền | | 27.477.045.395 | 26.631.521.397 |
| 112 | Các khoản tương đương tiền | | 255.000.000.000 | 417.288.000.000 |
| 120 | Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn | | 34.288.000.000 | - |
| 123 | Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn | 4 | 34.288.000.000 | - |
| 130 | Các khoản phải thu ngắn hạn | | 439.025.541.261 | 420.227.956.117 |
| 131 | Phải thu ngắn hạn của khách hàng | 5 | 432.802.775.694 | 398.472.148.574 |
| 132 | Trả trước cho người bán ngắn hạn | 6 | 4.434.403.300 | 6.951.949.575 |
| 136 | Phải thu ngắn hạn khác | 7(a) | 1.788.362.267 | 14.803.857.968 |
| 140 | Hàng tồn kho | 9 | 50.552.025.117 | 27.440.723.327 |
| 141 | Hàng tồn kho | | 54.570.003.090 | 31.135.692.239 |
| 149 | Dự phòng giảm giá hàng tồn kho | | (4.017.977.973) | (3.694.968.912) |
| 150 | Tài sản ngắn hạn khác | | 23.260.957.328 | 7.738.170.224 |
| 151 | Chi phí trả trước ngắn hạn | 10(a) | 16.895.926.835 | 7.564.714.052 |
| 152 | Thuế Giá trị Gia tăng ("GTGT") được khấu trừ | 14(a) | 6.365.030.493 | 173.456.172 |
| 200 | TÀI SẢN DÀI HẠN | | 293.015.167.788 | 164.359.231.889 |
| 210 | Các khoản phải thu dài hạn | | 30.000.000 | 280.000.000 |
| 216 | Phải thu dài hạn khác | 7(b) | 30.000.000 | 280.000.000 |
| 220 | Tài sản cố định | | 228.273.864.814 | 137.602.145.406 |
| 221 | Tài sản cố định hữu hình | 11(a) | 192.284.796.200 | 101.050.432.674 |
| 222 | Nguyên giá | | 1.031.104.390.285 | 834.003.040.175 |
| 223 | Giá trị khấu hao lũy kế | | (838.819.594.085) | (732.952.607.501) |
| 227 | Tài sản cố định vô hình | 11(b) | 35.989.068.614 | 36.551.712.732 |
| 228 | Nguyên giá | | 42.446.806.700 | 41.523.806.700 |
| 229 | Giá trị khấu hao lũy kế | | (6.457.738.086) | (4.972.093.968) |
| 240 | Tài sản dở dang dài hạn | | 53.321.681.115 | 15.010.529.343 |
| 242 | Chi phí xây dựng cơ bản dở dang | 12 | 53.321.681.115 | 15.010.529.343 |
| 260 | Tài sản dài hạn khác | | 11.389.621.859 | 11.466.557.140 |
| 261 | Chi phí trả trước dài hạn | 10(b) | 4.277.782.505 | 6.249.561.340 |
| 262 | Tài sản thuế thu nhập hoãn lại | 20 | 7.111.839.354 | 5.216.995.800 |
| 270 | TỔNG TÀI SẢN | | 1.122.618.736.889 | 1.063.685.602.954 |

Đơn vị: VND

| Mã số | NGUỒN VỐN | Thuyết minh | Tại ngày 31 tháng 12 năm | |
|-------|--|-------------|--------------------------|-------------------|
| | | | 2021 | 2020 |
| 300 | NỢ PHẢI TRẢ | | 600.879.628.247 | 554.331.047.412 |
| 310 | Nợ ngắn hạn | | 578.883.645.903 | 536.554.924.112 |
| 311 | Phải trả người bán ngắn hạn | 13 | 532.386.829.096 | 455.816.910.113 |
| 313 | Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước | 14(b) | 6.626.105.027 | 17.912.019.411 |
| 314 | Phải trả người lao động | | 20.644.952.227 | 16.337.019.832 |
| 315 | Chi phí phải trả ngắn hạn | 15 | 5.607.356.726 | 5.110.093.841 |
| 319 | Phải trả ngắn hạn khác | 16 | 2.413.723.410 | 37.524.934.491 |
| 320 | Vay ngắn hạn | 18(a) | 9.300.000.000 | 2.000.000.000 |
| 322 | Quỹ khen thưởng, phúc lợi | 17 | 1.904.679.417 | 1.853.946.424 |
| 330 | Nợ dài hạn | | 21.995.982.344 | 17.776.123.300 |
| 338 | Vay dài hạn | 18(b) | 4.219.859.044 | - |
| 342 | Dự phòng phải trả dài hạn | 19 | 17.776.123.300 | 17.776.123.300 |
| 400 | VỐN CHỦ SỞ HỮU | | 521.739.108.642 | 509.354.555.542 |
| 410 | Vốn chủ sở hữu | | 521.739.108.642 | 509.354.555.542 |
| 411 | Vốn góp của chủ sở hữu | 21, 22 | 270.000.000.000 | 270.000.000.000 |
| 411a | - Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết | | 270.000.000.000 | 270.000.000.000 |
| 412 | Thặng dư vốn cổ phần | 22 | 1.695.680.000 | 1.695.680.000 |
| 414 | Vốn khác của chủ sở hữu | 22 | 9.179.045.649 | 9.179.045.649 |
| 415 | Cổ phiếu quỹ | 22 | (3.270.000) | (3.270.000) |
| 418 | Quỹ đầu tư phát triển | 22 | 141.754.424.213 | 131.552.930.735 |
| 421 | Lợi nhuận sau thuế ("LNST") chưa phân phối | 22 | 99.113.228.780 | 96.930.169.158 |
| 421a | - LNST chưa phân phối lũy kế của các năm trước | | 26.818.166.144 | 54.922.701.766 |
| 421b | - LNST chưa phân phối của năm nay | | 72.295.062.636 | 42.007.467.392 |
| 440 | TỔNG NGUỒN VỐN | | 1.122.618.736.889 | 1.063.685.602.954 |



Trần Ngọc Lan
Người lập biểu



Nguyễn Mạnh Hùng
Kế toán trưởng



Vũ Văn Thực
Giám đốc

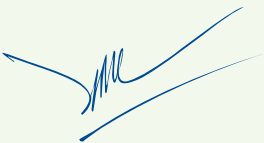
Ngày 10 tháng 3 năm 2022

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Đơn vị: VND

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12

| Mã số | CHỈ TIÊU | Thuyết minh | 2021 | 2020 |
|-------|---|-------------|---------------------|---------------------|
| 01 | Doanh thu bán hàng | | 3.057.743.882.845 | 2.337.891.198.666 |
| 10 | Doanh thu thuần về bán hàng | 26 | 3.057.743.882.845 | 2.337.891.198.666 |
| 11 | Giá vốn hàng bán | 27 | (2.849.127.824.804) | (2.187.590.899.055) |
| 20 | Lợi nhuận gộp về bán hàng | | 208.616.058.041 | 150.300.299.611 |
| 21 | Doanh thu hoạt động tài chính | 28 | 4.257.681.901 | 10.724.922.113 |
| 22 | Chi phí tài chính | | (422.972.574) | (1.423.610) |
| 23 | - Trong đó: Chi phí lãi vay | | (421.917.808) | - |
| 25 | Chi phí bán hàng | 29 | (26.782.423.836) | (25.533.230.826) |
| 26 | Chi phí quản lý doanh nghiệp | 30 | (76.464.820.254) | (72.644.516.748) |
| 30 | Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh | | 109.203.523.278 | 62.846.050.540 |
| 31 | Thu nhập khác | | 76.526.413 | 2.532.736.891 |
| 32 | Chi phí khác | | (1.685.376.784) | (8.432.009) |
| 40 | (Lỗ)/lợi nhuận khác | | (1.608.850.371) | 2.524.304.882 |
| 50 | Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế | | 107.594.672.907 | 65.370.355.422 |
| 51 | Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") hiện hành | 31 | (27.194.453.825) | (14.940.645.638) |
| 52 | Thu nhập thuế TNDN hoãn lại | 20, 31 | 1.894.843.554 | 577.757.608 |
| 60 | Lợi nhuận sau thuế TNDN | | 82.295.062.636 | 51.007.467.392 |
| 70 | Lãi cơ bản trên cổ phiếu | 24(a) | 2.678 | 1.337 |
| 71 | Lãi suy giảm trên cổ phiếu | 24(b) | 2.678 | 1.337 |



Trần Ngọc Lan
Người lập biểu



Nguyễn Mạnh Hùng
Kế toán trưởng



Vũ Văn Thực
Giám đốc
Ngày 10 tháng 3 năm 2022

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Đơn vị: VND

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12

| Mã số | CHỈ TIÊU | Thuyết minh | 2021 | 2020 |
|---|---|-------------|-------------------|-------------------|
| LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH | | | | |
| 01 | Lợi nhuận kế toán trước thuế | | 107.594.672.907 | 65.370.355.422 |
| Điều chỉnh cho các khoản: | | | | |
| 02 | Khấu hao tài sản cố định ("TSCĐ") | | 107.352.630.702 | 43.277.971.820 |
| 03 | Các khoản dự phòng/ (hoàn nhập dự phòng) | | 323.009.061 | (1.744.431.424) |
| 04 | Lỗ/(lãi) chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ | 27 | 1.054.766 | (1.086.963) |
| 05 | Lãi từ hoạt động đầu tư | | (4.257.681.901) | (13.068.515.611) |
| 06 | Chi phí lãi vay | | 421.917.808 | - |
| 08 | Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động | | 211.435.603.343 | 93.834.293.244 |
| 09 | Tăng các khoản phải thu | | (24.674.874.852) | (150.128.125.674) |
| 10 | Tăng hàng tồn kho | | (23.434.310.851) | (3.210.232.553) |
| 11 | Tăng các khoản phải trả | | 22.838.325.525 | 224.791.184.966 |
| 12 | (Tăng)/giảm chi phí trả trước | | (7.359.433.948) | 2.998.582.423 |
| 14 | Tiền lãi vay đã trả | | (421.917.808) | - |
| 15 | Thuế TNDN đã nộp | 14(b) | (33.671.376.048) | (11.045.529.409) |
| 17 | Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh | 17 | (15.860.430.543) | (15.224.270.285) |
| 20 | Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh | | 128.851.584.818 | 142.015.902.712 |
| LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ | | | | |
| 21 | Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác | | (217.718.916.386) | (21.289.668.435) |
| 22 | Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ | | - | 240.000.000 |
| 23 | Chi cho tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn trên 3 tháng | | (98.576.000.000) | - |
| 24 | Thu hồi tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn trên 3 tháng | | 64.288.000.000 | - |
| 27 | Tiền thu lãi tiền gửi | | 4.193.397.288 | 11.069.611.447 |
| 30 | Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư | | (247.813.519.098) | (9.980.056.988) |
| LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH | | | | |
| 33 | Thu từ đi vay | 18 | 150.044.859.044 | 2.000.000.000 |
| 34 | Tiền chi trả nợ gốc vay | 18 | (138.525.000.000) | - |
| 36 | Tiền cổ tức đã trả cho cổ đông | 23 | (53.999.346.000) | (67.499.182.500) |
| 40 | Lưu chuyển thuần từ hoạt động tài chính | | (42.479.486.956) | (65.499.182.500) |
| 50 | Lưu chuyển tiền thuần trong năm | | (161.441.421.236) | 66.536.663.224 |
| 60 | Tiền và tương đương tiền đầu năm | 3 | 443.919.521.397 | 377.381.771.210 |
| 61 | Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ | | (1.054.766) | 1.086.963 |
| 70 | Tiền và tương đương tiền cuối năm | 3 | 282.477.045.395 | 443.919.521.397 |



Trần Ngọc Lan
Người lập biểu



Nguyễn Mạnh Hùng
Kế toán trưởng



Vũ Văn Thực
Giám đốc
Ngày 10 tháng 3 năm 2022

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Công ty Cổ phần CNG Việt Nam (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập tại nước CHXHCN Việt Nam theo Giấy chứng nhận đầu tư số 492032000040 do Ban Quản lý các Khu Công nghiệp Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu cấp ngày 28 tháng 5 năm 2007 và đăng ký thay đổi lần thứ 12 số 7688618621 ngày 14 tháng 5 năm 2018 để thực hiện các dự án Chiết nạp khí thiên nhiên (gọi tắt là dự án “CNG Việt Nam”) với thời gian thực hiện hoạt động của dự án là 20 năm kể từ ngày 28 tháng 5 năm 2007.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết chính thức tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh vào ngày 23 tháng 11 năm 2011 với mã giao dịch cổ phiếu là CNG.

Cổ đông chính của Công ty chủ yếu bao gồm Tổng Công ty Khí Việt Nam - Công ty Cổ phần. Chi tiết về tỷ lệ phần trăm góp vốn được trình bày ở Thuyết minh 21(b).Ngành nghề kinh doanh đăng ký của Công ty là sản xuất, chiết nạp khí thiên nhiên CNG, LNG và LPG; cung cấp các dịch vụ cải tạo, bảo dưỡng, sửa chữa và lắp đặt các thiết bị chuyển đổi cho các phương tiện sử dụng nhiên liệu khí thiên nhiên CNG, LNG và LPG; kinh doanh dịch vụ vận chuyển khí CNG, LNG và LPG và kinh doanh các nhiên liệu khác theo quy định của pháp luật; cung cấp dịch vụ xây dựng, lắp đặt, bảo dưỡng và sửa chữa công trình khí; mua bán và cho thuê các thiết bị công nghiệp phục vụ công trình khí.

Hoạt động chính của công ty là sản xuất, chiết nạp khí thiên nhiên CNG, LNG và LPG để phân phối cho khách hàng.

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, Công ty có 271 nhân viên (tại ngày 31 tháng 12 năm 2020: 268 nhân viên).

2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

2.1 Cơ sở của việc lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính đã được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Báo cáo tài chính được lập theo nguyên tắc giá gốc.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm mục đích trình bày tình hình tài chính, kết quả kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán thường được chấp nhận ở các nước và các thể chế khác ngoài nước Việt Nam. Các nguyên tắc và thông lệ kế toán sử dụng tại nước Việt Nam có thể khác với các nguyên tắc và thông lệ kế toán tại các nước và các thể chế khác.

2.2 Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

2.3 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Công ty sử dụng đơn vị tiền tệ trong kế toán và trình bày trên báo cáo tài chính là Đồng Việt Nam (“VND” hoặc “Đồng”). Công ty xác định đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán dựa vào đơn vị tiền tệ chủ yếu sử dụng trong các giao dịch bán hàng, có ảnh hưởng lớn đến giá bán hàng hóa; đơn vị tiền tệ dùng để niêm yết giá bán và nhận thanh toán; đơn vị tiền tệ sử dụng chủ yếu trong việc mua hàng hóa, dịch vụ; có ảnh hưởng lớn đến chi phí nhân công, nguyên vật liệu, và các chi phí sản xuất, kinh doanh khác, và thông thường dùng để thanh toán cho các chi phí đó.

Ngoài ra, Công ty còn sử dụng đơn vị tiền tệ này để huy động các nguồn lực tài chính và thường xuyên thu được đơn vị tiền tệ này từ các hoạt động kinh doanh và tích trữ lại.

2.4 Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá giao dịch thực tế áp dụng tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ các nghiệp vụ này được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Tài sản và nợ phải trả bằng tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày của bảng cân đối kế toán lần lượt được quy đổi theo tỷ giá mua và tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch áp dụng tại ngày bảng cân đối kế toán. Các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng tại ngày của bảng cân đối kế toán được quy đổi theo tỷ giá mua của chính ngân hàng thương mại nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ việc quy đổi này được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

2.5 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển, tiền gửi không kỳ hạn và các khoản đầu tư ngắn hạn khác có thời hạn đáo hạn ban đầu không quá ba tháng.

2.6 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu thể hiện giá trị ghi sổ của các khoản phải thu khách hàng gồm các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch bán hàng hóa; và các khoản phải thu khác không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch bán hàng hóa. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi được lập cho từng khoản phải thu căn cứ vào thời gian quá hạn trả nợ gốc theo cam kết nợ ban đầu (không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên), hoặc căn cứ vào mức tổn thất dự kiến có thể xảy ra. Các khoản phải thu được xác định là không thể thu hồi sẽ được xóa sổ.

Các khoản phải thu được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên bảng cân đối kế toán căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu tại ngày của bảng cân đối kế toán tới ngày đến hạn thu hồi.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

2.7 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được thể hiện theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được xác định trên cơ sở bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí khác có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Trong trường hợp các sản phẩm được sản xuất, giá gốc bao gồm tất cả các chi phí trực tiếp và chi phí sản xuất chung dựa trên mức độ hoạt động bình thường. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

Dự phòng được lập cho hàng tồn kho bị lỗi thời, chậm lưu chuyển và bị hỏng. Chênh lệch giữa khoản dự phòng phải lập ở cuối năm kế toán này và khoản dự phòng đã lập ở cuối kỳ kế toán trước được ghi nhận tăng hoặc giảm giá vốn hàng bán trong năm.

2.8 Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn. Các khoản đầu tư này ban đầu được ghi nhận theo giá gốc. Sau đó, Ban Giám đốc thực hiện việc rà soát đối với tất cả các khoản đầu tư để ghi nhận dự phòng vào cuối năm kế toán.

Dự phòng giảm giá đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được lập trên cơ sở có bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được. Chênh lệch giữa khoản dự phòng lập ở cuối năm kế toán này và khoản dự phòng đã lập ở cuối năm kế toán trước được ghi nhận tăng hoặc giảm chi phí tài chính trong năm. Khoản dự phòng được hoàn nhập không vượt quá giá trị ghi sổ ban đầu.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên bảng cân đối kế toán căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn tại ngày của bảng cân đối kế toán đến ngày đáo hạn.

2.9 Tài sản cố định (“TSCĐ”)

TSCĐ hữu hình và TSCĐ vô hình

TSCĐ được phản ánh theo nguyên giá trừ khấu hao lũy kế. Nguyên giá bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp đến việc có được TSCĐ ở trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá TSCĐ nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất kinh doanh trong năm.

Khấu hao

TSCĐ được khấu hao theo phương pháp đường thẳng để giảm dần nguyên giá tài sản trong suốt thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian hữu dụng ước tính của các loại tài sản như sau:

| | |
|------------------------|-------------|
| Nhà cửa, vật kiến trúc | 10 – 25 năm |
| Máy móc thiết bị | 5 – 15 năm |
| Phương tiện vận tải | 6 – 10 năm |
| Thiết bị quản lý | 3 – 8 năm |
| Phần mềm kế toán | 3 – 8 năm |

Từ năm 2015, đối với các TSCĐ hữu hình là máy móc thiết bị và phương tiện vận tải dùng cho việc sản xuất, chiết nạp khí CNG, Công ty thực hiện khấu hao theo phương pháp số dư giảm dần được quy định tại Chuẩn mực kế toán số 03 – Tài sản cố định hữu hình và Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 4 năm 2013, với thời gian hữu dụng được áp dụng tương tự như thời gian hữu dụng theo phương pháp khấu hao đường thẳng.

Quyền sử dụng đất có thời hạn được ghi nhận căn cứ trên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do Ủy ban Nhân dân Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu cấp ngày 24 tháng 7 năm 2008, được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 41 năm phù hợp với Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Thanh lý

Lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý, nhượng bán TSCĐ được xác định bằng số chênh lệch giữa số tiền thu thuần do thanh lý với giá trị còn lại của TSCĐ và được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang thể hiện giá trị của các tài sản trong quá trình lắp đặt hoặc xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê hoặc quản trị, hoặc cho bất kì mục đích nào khác, được ghi nhận theo giá gốc bao gồm toàn bộ chi phí cần thiết để xây dựng mới hoặc sửa chữa, cải tạo, mở rộng hay trang bị lại kỹ thuật công trình như chi phí xây dựng; chi phí thiết bị; chi phí quản lý dự án; chi phí tư vấn đầu tư xây dựng; và chi phí vay được vốn hóa đối với tài sản đủ điều kiện phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Khấu hao của những tài sản này, cũng giống như các loại TSCĐ khác, sẽ bắt đầu được trích khi tài sản đã sẵn sàng cho mục đích sử dụng.

2.10 Thuê tài sản

Thuê hoạt động là loại hình thuê TSCĐ mà phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu của tài sản thuộc về bên cho thuê. Khoản thanh toán dưới hình thức thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn thuê hoạt động.

2.11 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn và chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán và bao gồm chi phí quảng cáo, tiền thuê đất trả trước và chi phí bảo hiểm. Các khoản chi phí trả trước này được ghi nhận theo giá gốc và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính.

2.12 Nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được phân loại dựa vào tính chất bao gồm:

- Phải trả người bán gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa và dịch vụ; và
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua hàng hóa, và cung cấp dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên bảng cân đối kế toán căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản phải trả tại ngày của bảng cân đối kế toán tới ngày đến hạn thanh toán.

2.13 Vay

Vay bao gồm khoản tiền vay từ ngân hàng.

Các khoản vay được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên bảng cân đối kế toán căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản vay tại ngày của bảng cân đối kế toán tới ngày đến hạn thanh toán.

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đối với hoạt động xây dựng hoặc sản xuất bất kỳ tài sản đủ tiêu chuẩn sẽ được vốn hóa trong thời gian mà các tài sản này được hoàn thành và chuẩn bị đưa vào sử dụng. Đối với các khoản vay chung trong đó có sử dụng vốn cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất bất kỳ tài sản đủ tiêu chuẩn thì Công ty xác định chi phí đi vay được vốn hóa theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đủ tiêu chuẩn đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong năm, trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể. Chi phí đi vay khác được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

2.14 Chi phí phải trả

Chi phí phải trả bao gồm các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán trong năm báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, được ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh của năm báo cáo.

2.15 Các khoản dự phòng

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại, pháp lý hoặc liên đới, phát sinh từ các sự kiện đã xảy ra; việc thanh toán nghĩa vụ nợ có thể sẽ dẫn đến sự giảm sút về những lợi ích kinh tế và giá trị của nghĩa vụ nợ đó được ước tính một cách đáng tin cậy. Dự phòng không được ghi nhận cho các khoản lỗ hoạt động trong tương lai.

Dự phòng được tính trên cơ sở các khoản chi phí dự tính phải thanh toán nghĩa vụ nợ. Nếu ảnh hưởng về giá trị thời gian của tiền là trọng yếu thì dự phòng được tính trên cơ sở giá trị hiện tại với tỷ lệ chiết khấu trước thuế và phản ánh những đánh giá trên thị trường hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó. Giá trị tăng lên do ảnh hưởng của yếu tố thời gian được ghi nhận là chi phí tài chính. Chênh lệch giữa khoản dự phòng lập ở cuối kỳ kế toán này và khoản dự phòng đã lập chưa sử dụng ở cuối năm kế toán trước được ghi nhận tăng hoặc giảm chi phí sản xuất kinh doanh trong năm.

2.16 Vốn chủ sở hữu

Vốn góp chủ sở hữu được ghi nhận theo số thực tế góp của các cổ đông và được phản ánh theo mệnh giá của cổ phiếu.

Thặng dư vốn cổ phần là khoản chênh lệch giữa vốn góp theo mệnh giá cổ phiếu với giá thực tế phát hành cổ phiếu, hoặc chênh lệch giữa giá mua lại cổ phiếu quỹ và giá tái phát hành cổ phiếu quỹ.

Cổ phiếu quỹ mua trước ngày hiệu lực của Luật Chứng khoán (ngày 1 tháng 1 năm 2021) là cổ phiếu do Công ty phát hành và được mua lại bởi chính Công ty, nhưng chưa bị huỷ bỏ và sẽ được tái phát hành trở lại trong khoảng thời gian theo quy định của pháp luật về chứng khoán. Cổ phiếu quỹ mua sau ngày 1 tháng 1 năm 2021 sẽ được huỷ bỏ và điều chỉnh giảm vốn chủ sở hữu.

LNST chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh sau thuế TNDN của Công ty tại thời điểm báo cáo.

2.17 Phân chia lợi nhuận

Cổ tức của Công ty được ghi nhận là một khoản phải trả trong báo cáo tài chính của kỳ kế toán mà cổ tức được thông qua tại Đại hội đồng Cổ đông.

LNST TNDN có thể được chia cho các nhà cổ đông sau khi được Đại hội đồng Cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ theo điều lệ của Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty trích lập các quỹ sau:

(a) Quỹ đầu tư phát triển

Quỹ đầu tư phát triển được trích lập từ LNST của Công ty và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng Cổ đông. Quỹ được sử dụng để phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty.

(b) Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Quỹ khen thưởng phúc lợi được trích lập từ LNST của Công ty và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng Cổ đông. Quỹ được sử dụng để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên, và được trình bày như một khoản phải trả trên bảng cân đối kế toán.

2.18 Ghi nhận doanh thu

(a) Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý sản phẩm hoặc hàng hóa như người sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa, hoặc quyền kiểm soát sản phẩm hoặc hàng hóa;

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;

- Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và

- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu không được ghi nhận khi có yếu tố không chắc chắn mang tính trọng yếu về khả năng thu được tiền bán hàng hoặc khả năng hàng bán bị trả lại.

Doanh thu được ghi nhận phù hợp với bản chất hơn hình thức và được phân bổ theo nghĩa vụ cung ứng sản phẩm hoặc hàng hóa. Trường hợp Công ty dùng sản phẩm, hàng hóa để khuyến mãi cho khách hàng kèm theo điều kiện mua hàng của Công ty thì Công ty phân bổ số tiền thu được để tính doanh thu cho cả hàng khuyến mãi và giá trị hàng khuyến mãi được tính vào giá vốn hàng bán.

(b) Thu nhập lãi

Thu nhập lãi được ghi nhận khi được hưởng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

2.19 Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu bao gồm giảm giá hàng bán. Các khoản giảm trừ doanh thu phát sinh cùng năm tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa được ghi nhận điều chỉnh giảm doanh thu năm phát sinh.

Các khoản giảm trừ doanh thu đối với sản phẩm, hàng hóa tiêu thụ trong năm, phát sinh sau ngày của bảng cân đối kế toán nhưng trước thời điểm phát hành báo cáo tài chính được ghi nhận điều chỉnh giảm doanh thu của năm lập báo cáo.

2.20 Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán là tổng chi phí phát sinh của thành phẩm, hàng hóa cho khách hàng trong năm, được ghi nhận theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu và nguyên tắc thận trọng.

2.21 Chi phí bán hàng

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm và hàng hóa.

2.22 Chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình quản lý chung của Công ty.

2.23 Thuế TNDN hiện hành và thuế TNDN hoãn lại

Thuế TNDN bao gồm toàn bộ số thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế TNDN. Chi phí thuế TNDN bao gồm chi phí thuế TNDN hiện hành và chi phí thuế TNDN hoãn lại.

Thuế TNDN hiện hành là số thuế TNDN phải nộp hoặc thu hồi được tính trên thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN của năm hiện hành. Thuế TNDN hiện hành và thuế TNDN hoãn lại được ghi nhận là thu nhập hay chi phí khi xác định lợi nhuận hoặc lỗ của kỳ phát sinh, ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh từ một giao dịch hoặc sự kiện được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu trong cùng kỳ hay một kỳ khác.

Thuế TNDN hoãn lại được tính đầy đủ, sử dụng phương thức công nợ, tính dựa trên các khoản chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả trên báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế TNDN của các khoản mục này. Thuế TNDN hoãn lại không được ghi nhận khi nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả của một giao dịch mà giao dịch này không phải là giao dịch sáp nhập doanh nghiệp, không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận/lỗ tính thuế thu nhập tại thời điểm phát sinh giao dịch. Thuế TNDN hoãn lại được tính theo thuế suất dự tính được áp dụng trong niên độ mà tài sản được thu hồi hoặc khoản nợ phải trả được thanh toán dựa trên thuế suất đã ban hành hoặc xem như có hiệu lực tại ngày của bảng cân đối kế toán.

Tài sản thuế TNDN hoãn lại được ghi nhận khi có khả năng sẽ có lợi nhuận tính thuế TNDN trong tương lai để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ.

2.24 Các bên liên quan

Các doanh nghiệp, các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết là các bên liên quan. Các bên liên kết, các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những cá nhân quản lý chủ chốt chủ yếu bao gồm Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan, Công ty căn cứ vào bản chất của mối quan hệ chứ không chỉ hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

2.25 Báo cáo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc bán hàng hoặc cung cấp dịch vụ liên quan ("bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh"), hoặc bán hàng hoặc cung cấp dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể ("bộ phận chia theo khu vực địa lý"). Mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Báo cáo bộ phận cơ bản của Công ty là dựa theo bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh hoặc theo khu vực địa lý.

2.26 Ước tính kế toán trọng yếu

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày kết thúc kỳ kế toán cũng như các số liệu về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính.

Các ước tính và giả định có ảnh hưởng trọng yếu trong báo cáo tài chính bao gồm:

- Thời gian hữu dụng ước tính của TSCĐ (Thuyết minh 11);
- Các khoản dự phòng (Thuyết minh 19); và
- Ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại (Thuyết minh 20).

Các ước tính và giả định thường xuyên được đánh giá dựa trên kinh nghiệm trong quá khứ và các yếu tố khác, bao gồm các giả định trong tương lai có ảnh hưởng trọng yếu tới báo cáo tài chính của Công ty và được Ban Giám đốc đánh giá là hợp lý.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

3

TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

| Đơn vị: VND | | |
|--------------------------------|-----------------|-----------------|
| | 2021 | 2020 |
| Tiền mặt | 313.021.817 | 311.969.796 |
| Tiền gửi ngân hàng | 27.164.023.578 | 26.319.551.601 |
| Các khoản tương đương tiền (*) | 255.000.000.000 | 417.288.000.000 |
| | 282.477.045.395 | 443.919.521.397 |

(*) Các khoản tương đương tiền thể hiện giá trị của các khoản tiền gửi bằng Đồng Việt Nam có kỳ hạn gốc không quá 3 tháng tại các ngân hàng thương mại và hưởng lãi suất bình quân từ 3,2% đến 3,5%/năm (tại ngày 31 tháng 12 năm 2020: 2,9% đến 4,0%/năm).

4

ĐẦU TƯ NẮM GIỮ ĐẾN NGÀY ĐÁO HẠN NGẮN HẠN

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ngắn hạn thể hiện giá trị của các khoản tiền gửi bằng Đồng Việt Nam có kỳ hạn gốc từ 3 tháng đến 12 tháng tại các ngân hàng thương mại và hưởng lãi suất 4,6%/năm.

4

PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

| Đơn vị: VND | | |
|---|-----------------|-----------------|
| | 2021 | 2020 |
| Bên thứ ba | 432.802.775.694 | 374.997.582.268 |
| Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Kỹ thuật Phúc Sang Minh | 104.081.210.916 | 73.998.670.990 |
| Công ty TNHH Thiết bị Hệ thống LPG | 73.153.428.611 | 85.805.924.873 |
| Công ty Cổ phần Tôn Đồng Á | 49.190.349.346 | 41.608.511.182 |
| Công ty Cổ phần Khai thác Khoáng sản và Sản xuất Vật liệu Xây dựng Trung Nguyên | 41.198.561.984 | 31.937.982.211 |
| Khác | 165.179.224.837 | 141.646.493.012 |
| Bên liên quan (Thuyết minh 35(b)) | - | 23.474.566.306 |
| | 432.802.775.694 | 398.472.148.574 |

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 và ngày 31 tháng 12 năm 2020, số dư các khoản phải thu ngắn hạn của khách hàng đã quá hạn thanh toán lần lượt là 25.391.047.109 đồng và 45.378.182.269 đồng như đã trình bày tại Thuyết minh 8.

6

TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

| Đơn vị: VND | | |
|---|---------------|---------------|
| | 2021 | 2020 |
| Công ty TNHH Xây dựng Thương mại Dịch vụ Nam Hưng | 2.429.100.000 | - |
| Công ty Cổ phần Phần mềm Bravo | 658.000.000 | - |
| Công ty Cổ phần Tích hợp Hệ thống Nam Trường Sơn | 519.288.300 | - |
| Công ty TNHH Thương Mại Dịch vụ Gia Tín Phát | 468.215.000 | - |
| Khác | 359.800.000 | 6.951.949.575 |
| | 4.434.403.300 | 6.951.949.575 |

7

PHẢI THU KHÁC

| Đơn vị: VND | | | | |
|----------------------------------|---------------|----------|----------------|----------|
| | 2021 | | 2020 | |
| | Giá trị | Dự phòng | Giá trị | Dự phòng |
| (a) Ngắn hạn | | | | |
| Ký quỹ, ký cược | 647.825.500 | - | 12.538.773.000 | - |
| Lãi dự thu từ tiền gửi có kỳ hạn | 625.055.736 | - | 560.771.123 | - |
| Tạm ứng cho nhân viên | 329.965.000 | - | 196.990.000 | - |
| Khác | 185.516.031 | - | 1.507.323.845 | - |
| | 1.788.362.267 | - | 14.803.857.968 | - |
| (b) Dài hạn | | | | |
| Ký quỹ, ký cược | 30.000.000 | - | 280.000.000 | - |

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 và 31 tháng 12 năm 2020, Công ty không có khoản phải thu ngắn hạn và dài hạn khác nào quá hạn hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi.

8

NỢ KHÓ ĐÒI

| Đơn vị: VND | | | | |
|---|----------------|------------------------|----------|--------------|
| | 2021 | | | |
| | Giá trị gốc | Giá trị có thể thu hồi | Dự phòng | Thời gian |
| Công ty Cổ phần Khai thác Khoáng sản và Sản xuất Vật liệu Xây dựng Trung Nguyên | 17.199.308.562 | 17.199.308.562 | - | Dưới 90 ngày |
| Công ty TNHH Xăng dầu Thành Tâm | 4.106.711.599 | 4.106.711.599 | - | Dưới 40 ngày |
| Công ty TNHH MTV Sản xuất Vật liệu Xây dựng Đồng Tâm | 2.792.345.530 | 2.792.345.530 | | Dưới 12 ngày |
| Các khách hàng khác | 1.292.681.418 | 1.292.681.418 | - | Dưới 90 ngày |
| | 25.391.047.109 | 25.391.047.109 | - | |

| 2020 | | | | |
|---|----------------|------------------------|----------|--------------|
| | Giá trị gốc | Giá trị có thể thu hồi | Dự phòng | Thời gian |
| Công ty Cổ phần Khai thác Khoáng sản và Sản xuất Vật liệu Xây dựng Trung Nguyên | 24.721.508.489 | 24.721.508.489 | - | Dưới 90 ngày |
| Các khách hàng khác | 20.656.673.780 | 20.656.673.780 | - | Dưới 40 ngày |
| | 45.378.182.269 | 45.378.182.269 | - | |

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

9 HÀNG TỒN KHO

| Đơn vị: VND | | | | |
|------------------|----------------|-----------------|----------------|-----------------|
| | 2021 | | 2020 | |
| | Giá gốc | Dự phòng | Giá gốc | Dự phòng |
| Nguyên vật liệu | 44.230.699.198 | (3.994.755.392) | 22.952.080.754 | (3.671.480.331) |
| Thành phẩm | 9.993.429.111 | - | 7.927.456.978 | - |
| Công cụ, dụng cụ | 345.874.781 | (23.222.581) | 250.389.259 | (23.488.581) |
| Hàng hóa | - | - | 5.765.248 | - |
| | 54.570.003.090 | (4.017.977.973) | 31.135.692.239 | (3.694.968.912) |

Biến động về dự phòng giảm giá hàng tồn kho trong năm như sau:

| Đơn vị: VND | | |
|--|---------------|---------------|
| | 2021 | 2020 |
| Số dư đầu năm | 4.689.609.357 | 5.909.155.886 |
| Tăng/(hoàn nhập) dự phòng (Thuyết minh 27) | 323.009.061 | (994.640.445) |
| Số dư cuối năm | 4.017.977.973 | 3.694.968.912 |

10 CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

(a) Ngắn hạn

| Đơn vị: VND | | |
|-------------------|----------------|---------------|
| | 2021 | 2020 |
| Chi phí bảo hiểm | 7.033.189.828 | 5.450.865.280 |
| Chi phí quảng cáo | 6.688.666.648 | 1.855.355.143 |
| Khác | 3.174.070.359 | 258.493.629 |
| | 16.895.926.835 | 7.564.714.052 |

(b) Dài hạn

| Đơn vị: VND | | |
|----------------------|---------------|---------------|
| | 2021 | 2020 |
| Chi phí thuê đất (*) | 3.797.574.172 | 3.893.311.336 |
| Khác | 480.208.333 | 2.356.250.004 |
| | 4.277.782.505 | 6.249.561.340 |

(*) Số dư này thể hiện tiền thuê đất trả trước cho lô đất tại Long An theo Hợp đồng thuê số 07/2017/HĐ-KD/KCN ngày 26 tháng 6 năm 2017 với thời hạn 44 năm. Tiền thuê đất được phân bổ theo thời gian thuê.

Biến động về chi phí trả trước ngắn hạn và dài hạn trong năm như sau:

| Đơn vị: VND | | |
|-------------------|------------------|------------------|
| | 2021 | 2020 |
| Số dư đầu năm | 13.814.275.392 | 16.812.857.815 |
| Tăng | 29.979.403.558 | 14.264.875.756 |
| Phân bổ trong năm | (22.619.969.610) | (17.263.458.179) |
| Số dư cuối năm | 21.173.709.340 | 13.814.275.392 |

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

| 11. TSCĐ | | TSCĐ hữu hình | | | | | Đơn vị: VND |
|-----------------|-------------------------------|----------------|------------------------|------------------|---------------------|------------------|-------------------|
| (a) | | | | | | | |
| | | | Nhà cửa, vật kiến trúc | Máy móc thiết bị | Phương tiện vận tải | Thiết bị quản lý | Tổng cộng |
| Nguyên giá | | | | | | | |
| | Tại ngày 1 tháng 1 năm 2021 | 19.209.569.365 | 377.772.292.286 | 434.226.323.431 | 2.794.855.093 | | 834.003.040.175 |
| | Tăng trong năm | - | 191.452.762.162 | 5.442.218.183 | 870.077.274 | | 197.765.057.619 |
| | Khác | - | (663.707.509) | - | - | | (663.707.509) |
| | Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 | 19.209.569.365 | 568.561.346.939 | 439.668.541.614 | 3.664.932.367 | | 1.031.104.390.285 |
| Khấu hao lũy kế | | | | | | | |
| | Tại ngày 1 tháng 1 năm 2021 | 7.598.286.545 | 297.495.518.677 | 425.554.446.037 | 2.304.356.242 | | 732.952.607.501 |
| | Khấu hao trong năm | 509.390.916 | 97.837.100.642 | 6.733.604.919 | 786.890.107 | | 105.866.986.584 |
| | Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 | 8.107.677.461 | 395.332.619.319 | 432.288.050.956 | 3.091.246.349 | | 838.819.594.085 |
| Giá trị còn lại | | | | | | | |
| | Tại ngày 1 tháng 1 năm 2021 | 11.611.282.820 | 80.276.773.609 | 8.671.877.394 | 490.498.851 | | 101.050.432.674 |
| | Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 | 11.101.891.904 | 173.228.727.620 | 7.380.490.658 | 573.686.018 | | 192.284.796.200 |

Nguyên giá TSCĐ hữu hình của Công ty đã khấu hao hết nhưng còn sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 là 665.979.520.183 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2020: 548.646.673.033 đồng).

(b) TSCĐ vô hình

| Đơn vị: VND | | | |
|--------------------------------------|-----------------------|----------------------|-----------------------|
| | Quyền sử dụng đất | Phần mềm kế toán | Tổng cộng |
| Nguyên giá | | | |
| Tại ngày 1 tháng 1 năm 2021 | 39.798.000.000 | 1.725.806.700 | 41.523.806.700 |
| Tăng trong năm | - | 923.000.000 | 923.000.000 |
| Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 | 39.798.000.000 | 2.648.806.700 | 42.446.806.700 |
| Khấu hao lũy kế | | | |
| Tại ngày 1 tháng 1 năm 2021 | 3.882.731.712 | 1.089.362.256 | 4.972.093.968 |
| Khấu hao trong năm | 970.682.928 | 514.961.190 | 1.485.644.118 |
| Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 | 4.853.414.640 | 1.604.323.446 | 6.457.738.086 |
| Giá trị còn lại | | | |
| Tại ngày 1 tháng 1 năm 2021 | 35.915.268.288 | 636.444.444 | 36.551.712.732 |
| Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 | 34.944.585.360 | 1.044.483.254 | 35.989.068.614 |

Nguyên giá TSCĐ vô hình của Công ty đã khấu hao hết nhưng còn sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 là 1.009.806.700 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2020: 1.009.806.700 đồng).

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, Quyền sử dụng đất của Công ty với tổng giá trị còn lại là 34.944.585.360 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2020: 35.915.268.288 đồng) đã được dùng để làm tài sản thế chấp cho các khoản vay dài hạn ngắn hạn (Thuyết minh 18).

12 CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

Chi tiết chi phí xây dựng cơ bản dở dang theo từng dự án như sau:

| Đơn vị: VND | | |
|-------------------------|-----------------------|-----------------------|
| | 2021 | 2020 |
| Dự án Văn phòng Công ty | 53.194.408.388 | 14.426.656.798 |
| Dự án khác | 127.272.727 | 583.872.545 |
| | 53.321.681.115 | 15.010.529.343 |

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

12 CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG (tiếp theo)

Biến động về chi phí xây dựng cơ bản dở dang trong năm như sau:

| Đơn vị: VND | | |
|---------------------------|----------------|-----------------|
| | 2021 | 2020 |
| Số dư đầu năm | 15.010.529.343 | 1.575.260.907 |
| Tăng trong năm | 38.311.151.772 | 20.225.268.435 |
| Chuyển sang TSCĐ hữu hình | - | (6.789.999.999) |
| Số dư cuối năm | 53.321.681.115 | 15.010.529.343 |

13 PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

| Đơn vị: VND | | | | |
|--|-----------------|-----------------------|-----------------|-----------------------|
| | 2021 | | 2020 | |
| | Giá trị | Số có khả năng trả nợ | Giá trị | Số có khả năng trả nợ |
| Bên thứ ba | 84.489.556.379 | 84.489.556.379 | 49.788.558.402 | 49.788.558.402 |
| Công ty Cổ phần Xây dựng số 5 | 13.933.043.233 | 13.933.043.233 | - | - |
| Công ty Tư nhân Thành Đại Nghĩa | 12.505.573.578 | 12.505.573.578 | 12.439.014.828 | 12.439.014.828 |
| Công ty Cổ phần Đầu tư và Xuất nhập khẩu Khí hóa lỏng Hà Nội | 4.982.606.630 | 4.982.606.630 | 10.234.485.992 | 10.234.485.992 |
| Khác | 53.068.332.938 | 53.068.332.938 | 27.115.057.582 | 27.115.057.582 |
| Bên liên quan (Thuyết minh 35(b)) | 447.897.272.717 | 447.897.272.717 | 406.028.351.711 | 406.028.351.711 |
| | 532.386.829.096 | 532.386.829.096 | 455.816.910.113 | 455.816.910.113 |

14 THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU/PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

Biến động về thuế và các khoản phải thu/phải nộp Nhà nước như sau:

| Đơn vị: VND | | | | | |
|----------------------------|-------------------|--------------------------------|------------------------------|-------------------------|---------------------|
| | Tại ngày 1.1.2021 | Số phải thu/phải nộp trong năm | Số đã thực thu/nộp trong năm | Số đã cần trừ trong năm | Tại ngày 31.12.2021 |
| (a) Phải thu | | | | | |
| Thuế GTGT được khấu trừ | 173.456.172 | 351.349.645.297 | - | (345.158.070.976) | 6.365.030.493 |
| (b) Phải nộp | | | | | |
| Thuế GTGT hàng bán nội địa | 6.381.847.051 | 358.520.464.635 | (18.950.714.396) | (345.158.070.976) | 793.526.314 |
| Thuế thu nhập cá nhân | 1.411.791.539 | 6.705.592.643 | (5.926.264.067) | - | 2.191.120.115 |
| Thuế TNDN | 10.118.380.821 | 27.194.453.825 | (33.671.376.048) | - | 3.641.458.598 |
| Khác | - | 11.081.155 | (11.081.155) | - | - |
| | 17.912.019.411 | 392.431.592.258 | (58.559.435.666) | (345.158.070.976) | 6.626.105.027 |

15 CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

| Đơn vị: VND | | |
|-----------------------------|---------------|---------------|
| | 2021 | 2020 |
| Chi phí thuê bồn và đầu kéo | 3.281.883.982 | - |
| Khác | 2.325.472.744 | 5.110.093.841 |
| | 5.607.356.726 | 5.110.093.841 |

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

16 PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

| Đơn vị: VND | | |
|---|---------------|----------------|
| | 2021 | 2020 |
| Phải trả khác cho Bên liên quan (Thuyết minh 35(b)) | - | 36.754.800.590 |
| Phải trả cho nhân viên làm việc ba tại chỗ | 853.666.819 | - |
| Kinh phí công đoàn | 303.339.471 | - |
| Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn | 289.550.000 | - |
| Cổ tức phải trả (Thuyết minh 23) | 263.824.500 | 263.824.500 |
| Khác | 703.342.620 | 506.309.401 |
| | 2.413.723.410 | 37.524.934.491 |

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 và 31 tháng 12 năm 2020, Công ty không có khoản phải trả ngắn hạn khác cho bên thứ ba nào bị quá hạn thanh toán.

17 QUỸ KHEN THƯỞNG, PHÚC LỢI

| Đơn vị: VND | | |
|--|------------------|------------------|
| | 2021 | 2020 |
| Số dư đầu năm | 1.853.946.424 | 72.748.178 |
| Trích quỹ từ LNST của năm trước (Thuyết minh 22) | 5.911.163.536 | 8.005.468.531 |
| Trích quỹ từ LNST của năm nay (Thuyết minh 22) | 10.000.000.000 | 9.000.000.000 |
| Quỹ đã sử dụng trong năm | (15.860.430.543) | (15.224.270.285) |
| Số dư cuối năm | 1.904.679.417 | 1.853.946.424 |

18 VAY

(a) Vay ngắn hạn

| Đơn vị: VND | | | | | |
|---------------|-------------------|-----------------|-------------------|------------------------|---------------------|
| | Tại ngày 1.1.2021 | Tăng | Giảm | Nợ dài hạn đến hạn trả | Tại ngày 31.12.2021 |
| Vay ngân hàng | 2.000.000.000 | 130.000.000.000 | (132.000.000.000) | 9.300.000.000 | 9.300.000.000 |

(a) Vay dài hạn

| Đơn vị: VND | | | | |
|---------------|-------------------|----------------|-----------------|------------------------|
| | Tại ngày 1.1.2021 | Tăng | Giảm | Nợ dài hạn đến hạn trả |
| Vay ngân hàng | - | 20.044.859.044 | (6.525.000.000) | (9.300.000.000) |

Đây là khoản vay chịu lãi suất cố định 7.8%/năm trong 2 năm tính từ thời điểm giải ngân đầu tiên, sau đó sẽ được điều chỉnh theo thông báo của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam. Khoản vay này có hạn mức tín dụng là 46.508.000.000 đồng và được đảm bảo bằng của TSCĐ vô hình (Thuyết minh 11(b)) nhằm bổ sung nguồn vốn đầu tư xây dựng trụ sở văn phòng mới theo Hợp đồng vay số 0089/MDC/20/ĐAĐT ngày 6 tháng 8 năm 2020 với thời hạn 60 tháng kể từ ngày giải ngân.

19 DỰ PHÒNG PHẢI TRẢ DÀI HẠN

Dự phòng phải trả dài hạn thể hiện quỹ dự phòng rủi ro, bồi thường thiệt hại về môi trường, được trích lập bằng 0,5% doanh thu thuần trong năm và không vượt quá 5% lợi nhuận trước thuế năm theo hướng dẫn của Thông tư số 86/2016/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 20 tháng 6 năm 2016. Số dư quỹ dự phòng được trích lập không vượt quá 10% vốn điều lệ của doanh nghiệp. Kể từ năm 2019, Công ty đã ngừng trích lập khoản dự phòng này để chờ hướng dẫn về đối tượng cần thực hiện trích lập theo quy định hiện hành.

20 TÀI SẢN THUẾ TNDN HOÃN LẠI

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải trả và khi thuế thu nhập hoãn lại có liên quan đến cùng một cơ quan thuế.

Biến động của thuế thu nhập hoãn lại trong năm như sau:

| Đơn vị: VND | | |
|--|---------------|---------------|
| | 2021 | 2020 |
| Số dư đầu năm | 5.216.995.800 | 4.639.238.192 |
| Ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh (Thuyết minh 31) | 1.894.843.554 | 577.757.608 |
| Số dư cuối năm | 7.111.839.354 | 5.216.995.800 |

Tài sản thuế TNDN hoãn lại được thu hồi trong vòng 12 tháng, chủ yếu phát sinh từ dự phòng rủi ro bồi thường thiệt hại về môi trường và chi phí phải trả ngắn hạn.

Thuế suất thuế TNDN sử dụng để xác định giá trị tài sản thuế TNDN hoãn lại năm 2021 là 20% (2020: 20%).

Tài sản thuế TNDN hoãn lại được ghi nhận dựa trên khả năng thu được thu nhập chịu thuế trong tương lai để căn trừ các khoản chênh lệch tạm thời đã phát sinh này.

21 VỐN GÓP CỦA CHỦ SỞ HỮU

(a) Số lượng cổ phiếu

| Đơn vị: VND | | |
|---------------------------------|----------------------------|----------------------------|
| | 2021 Cổ phiếu phổ thông | 2020 Cổ phiếu phổ thông |
| Số lượng cổ phiếu đăng ký | 27.000.000 | 27.000.000 |
| Số lượng cổ phiếu đã phát hành | 27.000.000 | 27.000.000 |
| Số lượng cổ phiếu đã mua lại | (327) | (327) |
| Số lượng cổ phiếu đang lưu hành | 26.999.673 | 26.999.673 |

(b) Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

| Đơn vị: VND | | | |
|---|----------------------------|-------|----------------------------|
| | 2021 Cổ phiếu phổ thông | % | 2020 Cổ phiếu phổ thông |
| Tổng Công ty Khí Việt Nam - Công ty Cổ phần | 15.120.000 | 56 | 15.120.000 |
| Samarang Ucits - Samarang Asia Prosperity | 11.670 | 0,04 | 2.590.570 |
| America LLC | 40 | 0,00 | 871.200 |
| Cổ đông khác | 11.867.963 | 43,96 | 8.417.903 |
| Cổ phiếu quỹ | 327 | 0,00 | 327 |
| Số lượng cổ phiếu đã phát hành | 27.000.000 | 100 | 27.000.000 |

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

22 TÌNH HÌNH TĂNG GIẢM NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU

Đơn vị: VND

| | Vốn góp của chủ sở hữu | Thặng dư vốn cổ phần | Vốn khác của chủ sở hữu | Cổ phiếu quỹ | Quỹ đầu tư phát triển | LNST chưa phân phối | Tổng cộng |
|---|------------------------|----------------------|-------------------------|--------------------|------------------------|-----------------------|------------------------|
| Tại ngày 1 tháng 1 năm 2020 | 270.000.000.000 | 1.695.680.000 | 9.179.045.649 | (3.270.000) | 114.683.475.349 | 147.296.808.183 | 542.851.739.181 |
| Lợi nhuận trong năm | - | - | - | - | - | 51.007.467.392 | 51.007.467.392 |
| Chia cổ tức (Thuyết minh 23) | - | - | - | - | - | (67.499.182.500) | (67.499.182.500) |
| Trích quỹ đầu tư phát triển | - | - | - | - | 16.869.455.386 | (16.869.455.386) | - |
| Trích quỹ khen thưởng phúc lợi (Thuyết minh 17) | - | - | - | - | - | (17.005.468.531) | (17.005.468.531) |
| Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 | 270.000.000.000 | 1.695.680.000 | 9.179.045.649 | (3.270.000) | 131.552.930.735 | 96.930.169.158 | 509.354.555.542 |
| Lợi nhuận trong năm | - | - | - | - | - | 82.295.062.636 | 82.295.062.636 |
| Chia cổ tức (Thuyết minh 23) | - | - | - | - | - | (53.999.346.000) | (53.999.346.000) |
| Trích quỹ đầu tư phát triển | - | - | - | - | 10.201.493.478 | (10.201.493.478) | - |
| Trích quỹ khen thưởng phúc lợi (Thuyết minh 17) | - | - | - | - | - | (15.911.163.536) | (15.911.163.536) |
| Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 | 270.000.000.000 | 1.695.680.000 | 9.179.045.649 | (3.270.000) | 141.754.424.213 | 99.113.228.780 | 521.739.108.642 |

Theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông thường niên số 29/NQ-ĐHĐCD ngày 18 tháng 5 năm 2021, Đại hội đồng Cổ đông của Công ty đã thông qua việc phân phối LNST của năm 2020 như sau:

- Trích lập Quỹ đầu tư phát triển và trích lập bổ sung Quỹ khen thưởng, phúc lợi từ LNST năm 2020 với số tiền lần lượt là 10.201.493.478 đồng và 5.911.163.536 đồng. Đồng thời, Công ty cũng tạm trích quỹ khen thưởng, phúc lợi từ LNST năm 2021 với số tiền là 10.000.000.000 đồng.
- Thông qua kế hoạch chi trả cổ tức năm 2020 từ LNST năm 2020 với số tiền là 53.999.346.000 đồng, tương ứng với 20% vốn điều lệ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

23 CỔ TỨC PHẢI TRẢ

| | Đơn vị: VND | |
|--|--------------------|--------------------|
| | 2021 | 2020 |
| Số dư đầu năm | 263.824.500 | 263.824.500 |
| Cổ tức phải trả trong năm (Thuyết minh 22) | 53.999.346.000 | 67.499.182.500 |
| Cổ tức đã chi trả bằng tiền | (53.999.346.000) | (67.499.182.500) |
| Số dư cuối năm | 263.824.500 | 263.824.500 |

24 LÃI TRÊN CỔ PHIẾU

(a) Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng hiệu của số lợi nhuận thuần phân bổ cho các cổ đông và số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi chia cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm, điều chỉnh cho cổ phiếu thưởng phát hành trong năm trừ đi cổ phiếu quỹ. Chi tiết như sau:

| | Đơn vị: VND | |
|--|-----------------------|-----------------------|
| | 2021 | 2020 |
| Lợi nhuận thuần phân bổ cho các cổ đông | 82.295.062.636 | 51.007.467.392 |
| Điều chỉnh giảm số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi | (10.000.000.000) | (14.911.163.536) |
| | 72.295.062.636 | 36.096.303.856 |
| Bình quân số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành (cổ phiếu) | 26.999.673 | 26.999.673 |
| Lãi cơ bản trên mỗi cổ phiếu (VND) | 2.678 | 1.337 |

Trong năm, Công ty đã tạm trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi từ LNST của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 với số tiền là 10.000.000.000 đồng. Đồng thời, Công ty xác định lại số trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 theo số trích lập thực tế theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông số 29/NQ-ĐHĐCĐ ngày 18 tháng 5 năm 2021. Theo đó, lãi cơ bản trên cổ phiếu năm trước được trình bày lại là 1.337 đồng/cổ phiếu (số đã trình bày năm trước là 1.556 đồng/cổ phiếu).

(b) Lãi suy giảm trên cổ phiếu

Công ty không có cổ phiếu phổ thông tiềm tàng có tác động suy giảm trong năm và đến ngày lập báo cáo tài chính này. Do đó, lãi suy giảm trên cổ phiếu bằng với lãi cơ bản trên cổ phiếu

25 CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

(a) Ngoại tệ các loại

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, khoản mục tiền và các khoản tương đương tiền đã bao gồm số tiền tệ là 2.982 Đô la Mỹ (tại ngày 31 tháng 12 năm 2020: 2.868 Đô la Mỹ).

(b) Cam kết vốn

Các khoản cam kết về chi tiêu tạo lập TSCĐ đã ký hợp đồng được trình bày tại Thuyết minh số 36(b).

26 DOANH THU THUẦN VỀ BÁN HÀNG

| | Đơn vị: VND | |
|-----------------------------------|--------------------------|--------------------------|
| | 2021 | 2020 |
| Doanh thu thuần về bán thành phẩm | 3.028.563.728.889 | 2.177.276.804.246 |
| Doanh thu thuần về bán hàng hóa | 29.180.153.956 | 160.614.394.420 |
| | 3.057.743.882.845 | 2.337.891.198.666 |

27 GIÁ VỐN HÀNG BÁN

| | Đơn vị: VND | |
|---|--------------------------|--------------------------|
| | 2021 | 2020 |
| Giá vốn của thành phẩm đã bán | 2.822.662.244.498 | 2.040.023.852.349 |
| Giá vốn của hàng hóa đã bán | 26.142.571.245 | 148.561.687.151 |
| Dự phòng/(hoàn nhập dự phòng) giảm giá hàng tồn kho (Thuyết minh 9) | 323.009.061 | (994.640.445) |
| | 2.849.127.824.804 | 2.187.590.899.055 |

28 DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

| | Đơn vị: VND | |
|--|----------------------|-----------------------|
| | 2021 | 2020 |
| Lãi tiền gửi | 4.257.681.901 | 10.723.835.150 |
| Lãi thuần do đánh giá lại các khoản có gốc ngoại tệ cuối năm | - | 1.086.963 |
| | 4.257.681.901 | 10.724.922.113 |

29 CHI PHÍ BÁN HÀNG

| | Đơn vị: VND | |
|---------------------------|-----------------------|-----------------------|
| | 2021 | 2020 |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài | 11.601.141.879 | 13.549.217.463 |
| Chi phí nhân viên | 6.177.910.167 | 4.159.236.113 |
| Khác | 9.003.371.790 | 7.824.777.250 |
| | 26.782.423.836 | 25.533.230.826 |

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

30 CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

| Đơn vị: VND | | |
|-------------------------------------|----------------|----------------|
| | 2021 | 2020 |
| Chi phí nhân viên | 30.803.077.418 | 31.396.689.702 |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài | 14.009.054.080 | 15.517.686.715 |
| Chi phí dịch vụ tòa nhà | 2.891.488.526 | 3.120.883.260 |
| Chi phí dịch vụ tiện ích | 2.176.244.604 | 3.519.509.968 |
| Chi phí khấu hao | 1.477.196.632 | 1.946.428.652 |
| Hoàn nhập dự phòng phải thu khó đòi | - | (749.790.979) |
| Khác | 25.107.758.994 | 17.893.109.430 |
| | 76.464.820.254 | 72.644.516.748 |

31 THUẾ TNDN

Số thuế TNDN trên lợi nhuận kế toán trước thuế của Công ty khác với số thuế khi được tính theo thuế suất phổ thông áp dụng 20% như sau:

| Đơn vị: VND | | |
|--|-----------------|----------------|
| | 2021 | 2020 |
| Lợi nhuận kế toán trước thuế | 107.594.672.907 | 65.370.355.422 |
| Thuế tính ở thuế suất 20% | 21.518.934.581 | 13.074.071.084 |
| Điều chỉnh: | | |
| Chi phí không được khấu trừ | 1.319.837.218 | 1.277.735.142 |
| Dự phòng thiếu của năm trước | 2.488.297.350 | - |
| Khác | (27.458.878) | 11.081.804 |
| Chi phí thuế TNDN (*) | 25.299.610.271 | 14.362.888.030 |
| Thu nhập)/chi phí thuế TNDN ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh: | | |
| Thuế TNDN - hiện hành | 27.194.453.825 | 14.940.645.638 |
| Thuế TNDN - hoãn lại (Thuyết minh 20) | (1.894.843.554) | (577.757.608) |
| | 25.299.610.271 | 14.362.888.030 |

(*) Chi phí thuế TNDN cho năm tài chính được ước tính dựa vào thu nhập chịu thuế và có thể có những điều chỉnh tùy thuộc vào sự kiểm tra của cơ quan thuế.

32 CHI PHÍ KINH DOANH THEO YẾU TỐ

| Đơn vị: VND | | |
|-------------------------------|-------------------|-------------------|
| | 2021 | 2020 |
| Chi phí nguyên liệu, vật liệu | 2.215.005.524.469 | 1.571.927.466.063 |
| Chi phí nhân viên | 108.056.474.066 | 91.143.266.978 |
| Chi phí khấu hao TSCĐ | 107.352.630.702 | 43.277.971.820 |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài | 346.272.363.537 | 294.137.672.333 |
| Khác | 162.331.702.144 | 134.313.373.466 |
| | 2.939.018.694.918 | 2.134.799.750.660 |

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

33 BÁO CÁO BỘ PHẬN

(a) Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Trong năm, hoạt động chính của Công ty là sản xuất, chiết nạp khí thiên nhiên CNG và LPG để phân phối cho khách hàng. Doanh thu và giá vốn của các hoạt động kinh doanh được trình bày ở Thuyết minh số 26 và 27.

(b) Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý

Trong năm, Công ty chỉ hoạt động trong phạm vi lãnh thổ Việt Nam. Theo đó, Ban Giám đốc đã đánh giá và tin tưởng rằng việc không lập và trình bày báo cáo tài chính bộ phận trong báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 là phù hợp với các quy định tại Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 28 – “Báo cáo bộ phận” và phù hợp với tình hình kinh doanh hiện nay của Công ty.

34 THUYẾT MINH CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÊN BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (“BCLCTT”)

Các giao dịch không bằng tiền ảnh hưởng đến BCLCTT

| | Đơn vị: VND |
|--|------------------------------|
| | |
| | 20212020 |
| Tài sản cố định hữu hình chưa thanh toán | 14.009.087.75826.071.029.233 |

35 THUYẾT MINH VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN

Công ty được kiểm soát bởi Tổng Công ty Khí Việt Nam – Công ty Cổ phần do chiếm 56% vốn điều lệ của Công ty. Công ty mẹ cao nhất là Tập đoàn Dầu Khí Việt Nam, một công ty được thành lập tại Việt Nam.

Chi tiết của các bên liên quan chính và mối quan hệ như sau:

| Bên liên quan | Mối quan hệ |
|---|------------------------|
| Tập đoàn Dầu Khí Việt Nam | Công ty mẹ cao nhất |
| Tổng Công ty Khí Việt Nam - Công ty Cổ phần | Công ty mẹ |
| Tổng Công ty Khí Việt Nam - Công ty Cổ phần - Công ty Dịch vụ Khí | Chi nhánh Công ty mẹ |
| Tổng Công ty Khí Việt nam - Công ty Cổ phần - Công ty Kinh doanh Sản phẩm Khí | Chi nhánh Công ty mẹ |
| Công ty Cổ phần Phân phối Khí thấp áp Dầu khí Việt Nam | Công ty trong tập đoàn |
| Công ty Cổ phần Kinh doanh Khí Miền Nam | Công ty trong tập đoàn |
| Công ty Cổ phần Kinh doanh Khí Miền Nam - Chi nhánh Miền Đông | Công ty trong tập đoàn |
| Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Vũng Tàu | Công ty trong tập đoàn |
| Công ty Cổ phần Kinh doanh LPG Việt Nam | Công ty trong tập đoàn |
| Tổng Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí | Công ty trong tập đoàn |
| Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu Khí Hà Nội | Công ty trong tập đoàn |
| Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Dầu Khí Vũng Tàu | Công ty trong tập đoàn |
| Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Đồng Dương | Công ty trong tập đoàn |
| Viện Dầu khí Việt Nam | Công ty trong tập đoàn |

(a) Giao dịch với các bên liên quan

Trong năm, các giao dịch sau đây được thực hiện với các bên liên quan:

| | Đơn vị: VND |
|--|-------------|
| | |
| | 20212020 |

(i) Doanh thu bán hàng

| | | |
|--|----------------|----------------|
| Công ty Cổ phần Phân phối Khí thấp áp Dầu khí Việt Nam | 69.606.755.955 | 38.338.284.141 |
| Công ty Cổ phần Kinh doanh LPG Việt Nam | - | 7.724.147.384 |
| | 69.606.755.955 | 46.062.431.525 |

(ii) Doanh thu bán tài sản

| | | |
|--|---|----------------|
| Công ty Cổ phần Phân phối Khí thấp áp Dầu khí Việt Nam | - | 16.488.238.857 |
|--|---|----------------|

(iii) Mua hàng hóa và dịch vụ

| | | |
|---|-------------------|-------------------|
| Công ty Cổ phần Phân phối Khí thấp áp Dầu khí Việt Nam | 1.533.771.969.559 | 1.209.424.478.428 |
| Công ty Cổ phần Kinh doanh Khí Miền Nam - Chi nhánh Đồng Nai | 133.858.731.802 | - |
| Tổng Công ty Khí Việt nam - Công ty Cổ phần - Công ty Kinh doanh Sản phẩm Khí | 4.972.558.702 | 153.494.459.577 |
| Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Dầu khí Vũng Tàu | 18.586.150.376 | 11.207.322.141 |
| Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Đồng Dương | 8.298.114.344 | - |
| Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu Khí Vũng Tàu | 9.113.134.673 | - |
| Viện Dầu Khí Việt Nam | 7.007.528.167 | 5.381.614.269 |
| Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu Khí Hà Nội | 541.338.547 | 1.570.605.227 |
| Công ty TNHH Khí hóa lỏng Việt Nam - VT Gas - Chi nhánh Vũng Tàu | 633.243.908 | 269.590.637 |
| Công ty Cổ phần Kinh doanh LPG Việt Nam | 473.099.908 | - |
| Công ty Cổ phần Kinh doanh Khí Miền Nam - Chi nhánh Miền Đông | 1.717.255.869.986 | 1.381.348.070.279 |
| | 2.311.669.437.467 | 1.717.255.869.986 |

(iv) Mua tài sản cố định

| | | |
|--|-----------------|----------------|
| Công ty Cổ phần Kinh doanh LPG Việt Nam | - | 26.505.634.542 |
| Công ty Cổ phần Phân phối Khí thấp áp Dầu khí Việt Nam | 198.204.470.562 | - |
| Viện Dầu Khí Việt Nam | 109.231.091 | - |
| | 198.313.701.653 | 26.505.634.542 |

(v) Chi phí sử dụng tòa nhà văn phòng

| | | |
|--|---------------|---------------|
| Công ty Cổ phần Phân phối Khí thấp áp Dầu khí Việt Nam | 2.754.567.323 | 2.960.305.036 |
|--|---------------|---------------|

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

(a) Giao dịch với các bên liên quan

Trong năm, các giao dịch sau đây được thực hiện với các bên liên quan:

| Đơn vị: VND | | |
|---|----------------|----------------|
| | 2021 | 2020 |
| (vi) Chi phí nhân hiệu | | |
| Tập đoàn Dầu khí Việt Nam | 653.703.554 | 1.076.096.805 |
| (vii) Các khoản chi cho các nhân sự quản lý chủ chốt | | |
| Lương và các quyền lợi gộp khác | 10.982.096.369 | 8.387.299.301 |
| (viii) Cổ tức chi trả trong năm | | |
| Tổng Công ty Khí Việt nam - Công ty Cổ phần | 30.240.000.000 | 37.800.000.000 |
| Samarang Ucits - Samarang Asia Prosperity | 23.340.000 | 6.502.350.000 |
| America LLC | 80.000 | 3.284.615.000 |
| | 30.263.420.000 | 47.586.965.000 |

(b) Số dư cuối năm với các bên liên quan

| Đơn vị: VND | | |
|---|-----------------|-----------------|
| | 2021 | 2020 |
| (i) Phải thu ngắn hạn của khách hàng (Thuyết minh 5) | | |
| Công ty Cổ phần Phân phối Khí thấp áp Dầu khí Việt Nam | - | 23.474.566.306 |
| (ii) Phải trả người bán ngắn hạn (Thuyết minh 13) | | |
| Công ty Cổ phần Phân phối Khí thấp áp Dầu khí Việt Nam | 439.277.176.653 | 361.411.082.309 |
| Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Vũng Tàu | 2.773.933.301 | 638.958.000 |
| Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Đông Dương | 2.325.181.772 | 1.312.538.167 |
| Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Dầu khí Vũng Tàu | 2.076.287.766 | 1.350.172.900 |
| Tổng Công ty Khí Việt nam - Công ty Cổ phần - Công ty Kinh doanh Sản phẩm Khí | 901.665.325 | 12.114.957.239 |
| Viện Dầu Khí Việt Nam | 499.000.000 | - |
| Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Hà Nội | 44.027.900 | 44.445.100 |
| Công ty Cổ phần Kinh doanh LPG Việt Nam | - | 29.156.197.996 |
| | 447.897.272.717 | 406.028.351.711 |
| (iii) Các khoản phải trả ngắn hạn khác (Thuyết minh 16) | | |
| Công ty Cổ phần Kinh doanh Khí Miền Nam - Chi nhánh Đồng Nai | - | 36.754.800.590 |

36 CÁC CAM KẾT

(a) Cam kết thuê hoạt động

Công ty phải trả mức tối thiểu cho các hợp đồng thuê hoạt động không hủy ngang trong tương lai như sau:

| Đơn vị: VND | | |
|---|-----------------------|-----------------------|
| | 2021 | 2020 |
| Dưới 1 năm | 5.740.010.706 | 6.924.118.182 |
| Từ 1 đến 5 năm | 6.831.178.358 | 8.296.314.545 |
| Trên 5 năm | 7.420.350.000 | 7.892.875.000 |
| Tổng cộng các khoản thanh toán tối thiểu | 19.991.539.064 | 23.113.307.727 |

b) Cam kết vốn

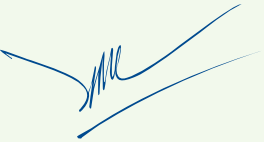
Các cam kết về chi tiêu tạo lập TSCĐ đã ký hợp đồng tại ngày lập bảng cân đối kế toán nhưng chưa được hạch toán vào báo cáo tài chính như sau:

| Đơn vị: VND | | |
|--------------------------------|----------------|----------------|
| | 2021 | 2020 |
| Nhà xưởng, máy móc và thiết bị | 24.556.010.670 | 41.775.735.990 |

37 SỐ LIỆU TƯƠNG ỨNG

Một vài số liệu tương ứng đã được phân loại lại để phù hợp với cách trình bày báo cáo tài chính của năm nay.

Báo cáo tài chính đã được Ban Giám đốc phê chuẩn ngày 10 tháng 3 năm 2022.



Trần Ngọc Lan
Người lập biểu



Nguyễn Mạnh Hùng
Kế toán trưởng



Vũ Văn Thực
Giám đốc
Ngày 10 tháng 3 năm 2022



Báo cáo thường niên này được in với số lượng có hạn, sử dụng chất liệu giấy thân thiện môi trường từ các nguồn có hệ thống quản lý rừng theo tiêu chuẩn quốc tế và được đăng tải đầy đủ tại website: www.cngvietnam.com

CÔNG TY CỔ PHẦN CNG VIỆT NAM

VĂN PHÒNG

Địa chỉ: Số 61B Đường 30/4, P. Thắng Nhất,
TP. Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu

Điện thoại: (84) 254 3574 635 / 254 3574 801 / 254 3576 551

Fax: (84) 254 3574 619

CHI NHÁNH PHÚ MỸ

Địa chỉ: Đường số 15, KCN Phú Mỹ 1, P. Phú Mỹ, Thị xã Phú Mỹ,
Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu

Điện thoại: (84) 254 3923 928

Fax: (84) 254 3923 929

CHI NHÁNH MIỀN BẮC

Địa chỉ: Tầng 21, Tòa nhà CEO, Lô HH2-1, Đường Phạm Hùng,
P. Mễ Trì, Q. Nam Từ Liêm, Hà Nội

Điện thoại: (84) 246 2520 777

Fax: (84) 246 2560 777

Email: info@cngvietnam.com
Website: www.cngvietnam.com